**BẢNG THUYẾT MINH CHI TIẾT NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**Chương I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD năm 2024)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Nghị định này quy định về:  1. Chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước.  3. Đối với các tổ chức tín dụng thực hiện cơ cấu lại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp pháp luật liên quan đến cơ cấu lại tổ chức tín dụng có quy định khác với nội dung quy định tại Nghị định này thì các tổ chức tín dụng cơ cấu lại thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan đến cơ cấu lại tổ chức tín dụng, đối với các nội dung không được quy định tại pháp luật liên quan đến cơ cấu lại tổ chức tín dụng thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này. |  | **Khoản 29 Điều 4 Luật Các TCTD:** *“Phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (sau đây gọi là phương án cơ cấu lại) là một trong các phương án sau đây:*  *a) Phương án phục hồi;*  *b) Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp;*  *c) Phương án chuyển giao bắt buộc;*  *d) Phương án giải thể;*  *đ) Phương án phá sản.”* | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Nghị định này quy định **chi tiết** về:  1. Chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài **tại khoản 3 Điều 151; khoản 4 Điều 145; khoản 1 Điều 148 Luật Các tổ chức tín dụng**.  2. Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ **trên 50%**~~100%~~ vốn điều lệ ~~và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước~~ **(bao gồm tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ).**  ~~3. Đối với các tổ chức tín dụng thực hiện cơ cấu lại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp pháp luật liên quan đến cơ cấu lại tổ chức tín dụng có quy định khác với nội dung quy định tại Nghị định này thì các tổ chức tín dụng cơ cấu lại thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan đến cơ cấu lại tổ chức tín dụng, đối với các nội dung không được quy định tại pháp luật liên quan đến cơ cấu lại tổ chức tín dụng thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.~~ | - Khoản 1: liệt kê chi tiết điều khoản mà Nghị định quy định chi tiết Luật Các TCTD theo phân công của Thủ tướng tại Quyết định số ../QĐ-TTg (thiết kế tương tự như Nghị định 46/2023/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Kinh doanh bảo hiểm).  - Khoản 2: bỏ cụm từ *“TCTD có vốn nhà nước”* và thống nhất sử dụng các cụm từ trong Nghị định như sau: **(i)** TCTD do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; **(ii)** TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ; **(iii)** TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (bao gồm TCTD do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ) để phù hợp với khoản 11 Điều 4 và Điều 88 Luật Doanh nghiệp.  - Bỏ khoản 3 do phương án cơ cấu lại các TCTD được kiểm soát đặc biệt đã được quy định cụ thể tại Luật và các TCTD đương nhiên phải thực hiện theo. |
| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(không có quy định)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của [Luật các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank), không bao gồm ngân hàng chính sách.  2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu.  3. Cơ quan tài chính.  4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan. |  |  | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của [Luật các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx), không bao gồm ngân hàng chính sách.  2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu.  3. Cơ quan tài chính.  4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan. | Kế thừa và giữ nguyên quy định tại Nghị định 93. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD năm 2024)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| **Điều 3.** **Nguyên tắc quản lý tài chính**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện công khai tài chính theo quy định của [Luật các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank) và quy định của pháp luật khác có liên quan. |  | **1. Luật Các TCTD:**  - Khoản 1 Điều 151 về chế độ tài chính: *“TCTD, CNNHNNg tự chủ về tài chính”*.  - Khoản 1 Điều 7 về Quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh: *“TCTD, CNNHNNg có quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của mình”*.  - Khoản 5 Điều 4 giải thích từ ngữ: *“CNNHNNg là tổ chức kinh tế không có tư cách pháp nhân và là đơn vị phụ thuộc của ngân hàng nước ngoài, được ngân hàng nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh tại Việt Nam”*.  - Điều 154 về Công khai báo cáo tài chính: *“Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, TCTD, CNNHNNg phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp TCTD đang được kiểm soát đặc biệt”.* | **Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện công khai **các báo cáo** tài chính theo quy định của [Luật Các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx) và quy định của pháp luật khác có liên quan. | - Khoản 2 sửa cụm từ *“công khai tài chính”* thành *“công khai các báo cáo tài chính”* theo quy định tại Điều 154 Luật Các TCTD. |

**Chương II -** **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN**

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Các Thông tư số: 12/2018/TT-BTC, 16/2018/TT-BTC, 18/2018/TT-BTC, 19/2018/TT-BTC, 20/2018/TT-BTC)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD năm 2024)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 4.** **Vốn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Vốn chủ sở hữu:  a) Vốn điều lệ hoặc vốn được cấp;  b) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;  c) Thặng dư vốn cổ phần;  d) Các quỹ: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;  đ) Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;  e) Vốn khác thuộc sở hữu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Vốn huy động:  a) Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân; vốn huy động thông qua phát hành các loại giấy tờ có giá;  b) Vốn nhận ủy thác đầu tư;  c) Vốn vay các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và ngoài nước;  d) Vốn vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  3. Vốn khác theo quy định của pháp luật. | **1. Thông tư 12 và Thông tư 16:** không có quy định.  **2. Thông tư 18:**  Điều 3: Vốn của tổ chức tài chính vi mô:  *“1. Vốn chủ sở hữu:*  *a) Vốn Điều lệ bao gồm:*  *- Vốn do Nhà nước cấp (nếu có);*  *- Vốn góp của các tổ chức, cá nhân;*  *- Vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân (nếu có).*  *b) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản với giá trị đánh giá lại tài sản khi có quyết định của Nhà nước hoặc trường hợp đánh giá khác theo quy định của pháp luật;*  *c) Các quỹ bao gồm:*  *- Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ;*  *- Quỹ đầu tư phát triển;*  *- Quỹ dự phòng tài chính.*  *d) Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối; lỗ lũy kế chưa xử lý;*  *đ) Vốn khác thuộc sở hữu hợp pháp của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật.*  *2. Vốn huy động dưới các hình thức:*  *a) Nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam dưới các hình thức sau đây:*  *- Tiết kiệm bắt buộc theo quy định của tổ chức tài chính vi mô;*  *- Tiền gửi của tổ chức và cá nhân bao gồm cả tiền gửi tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô (trừ tiền gửi nhằm Mục đích thanh toán).*  *b) Vốn nhận ủy thác cho vay vốn theo các Chương trình, dự án của Chính phủ, của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;*  *c) Vốn vay của TCTD, tổ chức tài chính và các cá nhân, tổ chức khác trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;*  *d) Vốn vay NHNN.*  *3. Vốn khác theo quy định của pháp luật”.*  **3. Thông tư 19:**  Điều 3. Vốn chủ sở hữu của NH HTX  *“1. Vốn điều lệ, bao gồm:*  *a) Vốn góp của các quỹ tín dụng nhân dân thành viên.*  *b) Vốn góp của các tổ chức khác (nếu có).*  *c) Vốn hỗ trợ của Nhà nước.*  *2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản với giá trị đánh giá lại tài sản theo quyết định của Nhà nước hoặc các trường hợp đánh giá lại tài sản khác theo quy định của pháp luật.*  *3. Các quỹ bao gồm:*  *a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.*  *b) Quỹ đầu tư phát triển.*  *c) Quỹ dự phòng tài chính.*  *4. Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối; lỗ lũy kế chưa xử lý.*  *5. Vốn hợp pháp khác thuộc sở hữu của Ngân hàng”*.  **4. Thông tư 20:**  Điều 3. Vốn chủ sở hữu của quỹ tín dụng nhân dân  *“1. Vốn điều lệ là tổng số vốn do các thành viên góp và được ghi vào điều lệ quỹ tín dụng nhân dân, hạch toán bằng đồng Việt Nam.*  *2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản với giá trị đánh giá lại tài sản theo quyết định của Nhà nước hoặc các trường hợp đánh giá lại tài sản khác theo quy định của pháp luật.*  *3. Các quỹ bao gồm:*  *a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;*  *b) Quỹ đầu tư phát triển;*  *c) Quỹ dự phòng tài chính.*  *4. Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối; lỗ lũy kế chưa xử lý.*  *5. Vốn khác thuộc sở hữu của quỹ tín dụng nhân dân.”*. | **1. Luật Các TCTD:**  ***- Khoản 1 Điều 144 về*** ***vốn và sử dụng vốn của TCTD, CNNHNNg:*** *“Vốn của TCTD, CNNHNNg bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn huy động, vốn khác theo quy định của pháp luật”.*  ***- Khoản 42 Điều 4:*** *“Vốn điều lệ là tổng số tiền do chủ sở hữu, thành viên góp vốn của TCTD là công ty trách nhiệm hữu hạn đã góp; là tổng mệnh giá cổ phần của TCTD là công ty cổ phần đã bán cho cổ đông; là tổng số tiền do thành viên của TCTD là hợp tác xã đã góp, vốn đã hỗ trợ của Nhà nước cho ngân hàng hợp tác xã”.*  ***- Điều 127:***  *“1. Tổ chức tài chính vi mô nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam dưới hình thức sau đây:*  *a) Tiết kiệm bắt buộc theo quy định của tổ chức tài chính vi mô;*  *b) Tiền gửi của tổ chức, cá nhân bao gồm cả tiền gửi tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô, trừ tiền gửi nhằm mục đích thanh toán”.* | **Điều 4. Vốn ~~hoạt động~~ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Vốn chủ sở hữu:  a) Vốn điều lệ hoặc vốn được cấp;  b) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;  c) Thặng dư vốn cổ phần;  d) Các quỹ: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển;  đ) Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;  e) Vốn khác thuộc sở hữu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Vốn huy động **theo quy định của pháp luật**:  a) Vốn huy động **từ nhận** tiền gửi ~~của các tổ chức và cá nhân~~, **theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng**; vốn huy động thông qua phát hành ~~các loại giấy tờ có giá~~ **chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu**;  b) Vốn nhận ủy thác đầu tư **theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng**;  c) Vốn vay các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính **và các tổ chức, cá nhân khác** trong nước và ngoài nước **theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng**;  d) Vốn vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  3. Vốn khác theo quy định của pháp luật. | - Kế thừa giữ nguyên quy định tại Nghị định 93; sửa lại tên Điều để phù hợp với Luật Các TCTD.  - Đối với hướng dẫn chi tiết về vốn điều lệ đã được quy định tại khoản 42 Điều 4 Luật Các TCTD.  - Khoản 2: điểm a sửa lại thành *“vốn huy động từ nhận tiền gửi theo quy định tại Luật Các TCTD”* để phù hợp với khoản 27 Điều 4, Điều 107, Điều 127, Điều 114 của Luật. Đồng thời sửa *“phát hành các loại giấy tờ có giá”* thành *“phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu”* để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 107, điểm b khoản 2 Điều 114 Luật Các TCTD. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD năm 2024)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| **Điều 5. Giá trị thực của vốn điều lệ, vốn được cấp**  1. Giá trị thực của vốn điều lệ hoặc vốn được cấp được xác định bằng vốn điều lệ hoặc vốn được cấp và thặng dư vốn cổ phần, cộng (trừ) lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý) được phản ánh trên sổ sách kế toán.  2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải duy trì giá trị thực của vốn điều lệ hoặc vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định do Chính phủ quy định.  3. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, vốn được cấp, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải công bố công khai số vốn điều lệ, vốn được cấp mới. |  | **1. Luật Các TCTD:**  - Khoản 3 Điều 28:*“Giá trị thực của vốn điều lệ hoặc vốn được cấp được xác định bằng vốn điều lệ hoặc vốn được cấp và thặng dư vốn cổ phần, cộng lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, trừ lỗ lũy kế chưa xử lý được phản ánh trên sổ sách kế toán.”*.  - Khoản 2 Điều 28: *“TCTD, CNNHNNg phải duy trì giá trị thực của vốn điều lệ hoặc vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định.”*.  - Điều 37:  + Điểm b khoản 1: *“1. TCTD, CNNHNNg phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện thủ tục thay đổi một trong những nội dung sau đây:… b) Mức vốn điều lệ, mức vốn được cấp…”*;  + Điểm b khoản 4: *“Khi được chấp thuận thay đổi nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, TCTD, CNNHNNg phải thực hiện thủ tục sau đây: …b) Công bố nội dung thay đổi quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được NHNN chấp thuận trên 01 phương tiện truyền thông của NHNN và 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam”*. | **Bỏ Điều này** | Đã được quy định tại khoản 3 Điều 28, khoản 1 và điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Các TCTD. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Các Thông tư số: 16/2018/TT-BTC, 18/2018/TT-BTC, 19/2018/TT-BTC, 20/2018/TT-BTC)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD năm 2024, Luật 69)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 6. Sử dụng vốn, tài sản**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng vốn hoạt động để kinh doanh theo quy định của [Luật Các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank) và các quy định của pháp luật khác có liên quan, đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn.  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.  3. Tổ chức tín dụng được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán. Tổ chức tín dụng phải chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước, việc mua sắm, đầu tư tài sản cố định còn phải thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.  Việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh hoặc giữa các công ty thành viên độc lập của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.  4. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn được cấp và quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp ghi trên sổ sách kế toán. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý đầu tư, xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan. | **1. Thông tư 16 (quy định chung đối với TCTD, CNNHNNg):**  Điều 3 quy định về quản lý và sử dụng vốn, tài sản:  *“2. Đối với các bất động sản nắm giữ do việc xử lý nợ vay theo quy định tại**khoản 3 Điều 132 Luật Các TCTD:*  *a) Đối với các bất động sản TCTD nắm giữ tạm thời để bán, chuyển nhượng nhằm thu hồi vốn trong thời hạn 03 năm, TCTD không hạch toán tăng tài sản, không trích khấu hao.*  *b) Đối với các bất động sản được TCTD mua lại để phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh, TCTD hạch toán tăng tài sản, trích khấu hao theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo giới hạn đầu tư mua sắm tài sản cố định theo quy định tại**khoản 3, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP.*  *3. Trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, TCTD, CNNHNNg phải đảm bảo duy trì giới hạn đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc: giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán đối với TCTD; không vượt quá 50% vốn được cấp và quỹ dự trữ bổ sung vốn ghi trên sổ sách kế toán đối với CNNHNNg”*.  **2. Thông tư 18 (TCTC vi mô):**  Điều 4. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản.  *“1. Tổ chức tài chính vi mô có trách nhiệm quản lý vốn và sử dụng vốn, tài sản theo quy định tại**Chương II Nghị định số 93/2017/NĐ-CP, quy định pháp luật có liên quan và một số hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này.*  *2. Thực hiện hạch toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành; phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình sử dụng, biến động của vốn và tài sản trong quá trình kinh doanh; quy định rõ trách nhiệm và hình thức xử lý đối với từng bộ phận, cá nhân trong trường hợp làm hư hỏng, mất mát tài sản, tiền vốn của tổ chức tài chính vi mô.*  *3. Trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, tổ chức tài chính vi mô phải đảm bảo duy trì giới hạn đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc: giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn Điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ ghi trên sổ sách kế toán.*  *4. Đối với những tài sản đi thuê, nhận cầm cố, nhận thế chấp, nhận bảo quản giữ hộ của khách hàng, tổ chức tài chính vi mô có trách nhiệm quản lý, bảo quản hoặc sử dụng theo thỏa thuận với khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật.*  *5. Đối với các bất động sản nắm giữ do việc xử lý nợ vay theo quy định tại khoản 3 Điều 132 Luật Các TCTD:*  *a) Đối với các bất động sản tổ chức tài chính vi mô nắm giữ tạm thời để bán, chuyển nhượng nhằm thu hồi vốn trong thời hạn 03 năm, tổ chức tài chính vi mô không hạch toán tăng tài sản, không trích khấu hao.*  *b) Đối với các bất động sản được tổ chức tài chính vi mô mua lại để phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh, tổ chức tài chính vi mô hạch toán tăng tài sản, trích khấu hao theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo giới hạn đầu tư mua sắm tài sản cố định theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP”.*  **3. Thông tư 19 (NH HTX):**  Điều 4. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản.  *“1. Ngân hàng có trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn, tài sản theo quy định tại Chương II Nghị định số*[*93/2017/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-93-2017-nd-cp-che-do-tai-chinh-to-chuc-tin-dung-danh-gia-hieu-qua-dau-tu-von-nha-nuoc-358448.aspx)*, quy định pháp luật có liên quan và hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này.*  *2. Đối với các bất động sản nắm giữ do việc xử lý nợ vay theo quy định tại khoản 3 Điều 132 Luật Các TCTD:*  *a) Đối với các bất động sản Ngân hàng nắm giữ tạm thời để bán, chuyển nhượng nhằm thu hồi vốn trong thời hạn 03 năm, Ngân hàng không hạch toán tăng tài sản cố định, không trích khấu hao.*  *b) Đối với các bất động sản được Ngân hàng mua lại để phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh, Ngân hàng hạch toán tăng tài sản, trích khấu hao theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo giới hạn đầu tư, mua sắm tài sản cố định theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP.*  *3. Trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng phải đảm bảo duy trì giới hạn đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc: giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán của Ngân hàng”.*  **4. Thông tư 20 (QTDND):**  Điều 4. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản  *“1. QTDND có trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn, tài sản theo quy định tại Chương II Nghị định số*[*93/2017/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-93-2017-nd-cp-che-do-tai-chinh-to-chuc-tin-dung-danh-gia-hieu-qua-dau-tu-von-nha-nuoc-358448.aspx)*, quy định pháp luật có liên quan và một số hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này.*  *2. Thực hiện hạch toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành; phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình sử dụng, biến động của vốn và tài sản trong quá trình kinh doanh; quy định rõ trách nhiệm và hình thức xử lý đối với từng bộ phận, cá nhân trong trường hợp làm hư hỏng, mất mát tài sản, tiền vốn của quỹ.*  *3. QTDND được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán của QTDND.*  *4. Đối với những tài sản đi thuê, nhận cầm cố, nhận thế chấp, nhận bảo quản giữ hộ của khách hàng, QTDND có trách nhiệm quản lý, bảo quản hoặc sử dụng theo thỏa thuận với khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật.*  *5. Đối với các bất động sản nắm giữ do việc xử lý nợ vay theo quy định tại khoản 3 Điều 132 Luật Các TCTD:*  *a) Đối với các bất động sản QTDND nắm giữ tạm thời để bán, chuyển nhượng nhằm thu hồi vốn trong thời hạn 3 năm, QTDND không hạch toán tăng tài sản, không trích khấu hao.*  *b) Đối với các bất động sản được QTDND mua lại để phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh, QTDND hạch toán tăng tài sản, thực hiện trích khấu hao theo quy định của pháp luật và đảm bảo giới hạn đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định tại khoản 3 Điều này”.* | **1. Luật Các TCTD:**  - Khoản 3 Điều 144:  *“TCTD, CNNHNNg được mua, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của mình, bảo đảm tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định như sau:*  *a) Không được vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán đối với ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, TCTD phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô;*  *b) Không được vượt quá 100% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán đối với quỹ tín dụng nhân dân;*  *c) Không được vượt quá 50% vốn được cấp và quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp ghi trên sổ sách kế toán đối với CNNHNNg”*.  - Khoản 3 Điều 139: “*TCTD không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây: … 3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, TCTD phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại khoản 1 Điều này và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định quy định tại**khoản 3 Điều 144 của Luật này*”.  **2. Luật 69:**  Điều 24.  Đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:  *“1. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định của doanh nghiệp:*  *a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.*  *Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phân cấp cho Tổng giám đốc hoặc Giám đốc quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định theo quy định tại điều lệ hoặc quy chế tài chính của doanh nghiệp;*  *b) Trường hợp dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức quy định tại điểm a khoản này, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt.*  *2. Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật.*  *3. Người quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu quyết định không đúng thẩm quyền hoặc tài sản cố định được đầu tư, xây dựng, mua, bán không sử dụng được, sử dụng không hiệu quả.* | **Điều 5. Sử dụng vốn, tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng vốn ~~hoạt động~~ để kinh doanh theo quy định của [Luật Các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx) và các quy định của pháp luật khác có liên quan, đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn.  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.  3. Tổ chức tín dụng, **chi nhánh ngân hàng nước ngoài** được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động **của mình** theo nguyên tắc **quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Các tổ chức tín dụng** ~~giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán. Tổ chức tín dụng phải chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.~~ Đối với tổ chức tín dụng ~~do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước~~ **do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ**, việc mua sắm, đầu tư tài sản cố định còn phải thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp nhà nước ~~và doanh nghiệp có vốn nhà nước~~.  4. Việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh hoặc giữa các công ty thành viên độc lập của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định **của pháp luật và** ~~tại~~ Điều lệ của tổ chức tín dụng.  5.~~4. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn được cấp và quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp ghi trên sổ sách kế toán. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý đầu tư, xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.~~  **6. Đối với các bất động sản nắm giữ do việc xử lý nợ vay theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Các tổ chức tín dụng:**  **a) Đối với các bất động sản tổ chức tín dụng nắm giữ tạm thời để bán, chuyển nhượng nhằm thu hồi vốn trong thời hạn 05 năm, tổ chức tín dụng không hạch toán tăng tài sản, không trích khấu hao.**  **b) Đối với các bất động sản được tổ chức tín dụng mua lại để phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh, tổ chức tín dụng hạch toán tăng tài sản, trích khấu hao theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo giới hạn mua, đầu tư tài sản cố định theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Các tổ chức tín dụng.** | - Khoản 1: bỏ cụm từ “hoạt động” để thống nhất với Điều 4 của Nghị định.  - Bỏ một phần khoản 3 và bỏ hoản 4 vì đã được quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Các TCTD.  - Sửa lại khoản 3 bỏ cụm từ “doanh nghiệp có vốn nhà nước” vì Điều 24 Luật 69 quy định về đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Đồng thời thay thế cụm từ này thành TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (bao gồm TCTD do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ) để phù hợp với khoản 11 Điều 4 và Điều 88 Luật Doanh nghiệp.  - Bổ sung thêm khoản 6 quy định các bất động sản nắm giữ do việc xử lý nợ vay hiện đang được quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư 16.  - Đối với nội dung tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 18 và Thông tư 20 không đưa lên Nghị định, cụ thể:  + Nội dung “*Thực hiện hạch toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành; phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình sử dụng, biến động của vốn và tài sản trong quá trình kinh doanh”* đã được quy định tại Điều 150 Luật Các TCTD: *“TCTD, CNNHNNg phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán”.* Điều 5 Luật Kế toán cũng đã quy định cụ thể nội dung này.  + Không đưa nội dung: “*quy định rõ trách nhiệm và hình thức xử lý đối với từng bộ phận, cá nhân trong trường hợp làm hư hỏng, mất mát tài sản, tiền vốn”* của tổ chức tài chính vi mô và QTDNDđể thống nhất với quy định chung đối với các TCTD, CNNHNNg đang không có quy định này. Đồng thời nội dung này cũng đã được quy định cụ thể tại Điều 11 xử lý tổn thất về tài sản.  + Nội dung: “*Đối với những tài sản đi thuê, nhận cầm cố, nhận thế chấp, nhận bảo quản giữ hộ của khách hàng, tổ chức tài chính vi mô/ QTDND có trách nhiệm quản lý, bảo quản hoặc sử dụng theo  thỏa  thuận với khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật”* đã được quy định tại Bộ luật Dân sự (Điều 477 - Nghĩa vụ bảo đảm giá trị sử dụng của tài sản thuê; Điều 313 - Nghĩa vụ của bên nhận cầm cố; Điều 322 - Nghĩa vụ của bên nhận thế chấp) |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD năm 2024)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 7.** **Góp vốn, mua cổ phần, chuyển nhượng vốn của tổ chức tín dụng**  1. Việc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nhượng vốn của tổ chức tín dụng theo quy định của [Luật Các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank) và các quy định của pháp luật khác có liên quan.  2. Tổ chức tín dụng chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, của các tổ chức tín dụng khác theo quy định của [Luật Các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank) và các quy định của pháp luật khác có liên quan.  3. Thẩm quyền quyết định phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, của các tổ chức tín dụng khác; phương án chuyển nhượng phần vốn đã đầu tư ra bên ngoài thực hiện theo quy định của [Luật Các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank), các quy định của pháp luật khác có liên quan và Điều lệ của tổ chức tín dụng. Đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước còn phải tuân thủ quy định pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.  4. Tổ chức tín dụng không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của chính tổ chức tín dụng đó. |  | **1. Luật Các TCTD:**  - Khoản 16 Điều 4:  *“Góp vốn, mua cổ phần của TCTD là việc TCTD trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức khác góp vốn cấu thành vốn điều lệ; mua cổ phần của doanh nghiệp, TCTD khác, bao gồm cả việc nhận chuyển nhượng, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp, TCTD khác; cấp vốn, góp vốn vào công ty con, công ty liên kết của TCTD; góp vốn vào quỹ đầu tư”*.  - Điều 137 quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần:  *“1. Mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại và công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó vào một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quy định tại**khoản 4 Điều 111 của Luật này không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp.*  *2. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, kể cả công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó theo quy định tại các**khoản 2, 3, 4 và 8 Điều 111 của Luật này không được vượt quá 40% vốn điều lệ và các quỹ dự trữ của ngân hàng thương mại.*  *3. Mức góp vốn, mua cổ phần của một công ty tài chính và công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính đó vào một doanh nghiệp, quỹ đầu tư theo quy định tại**khoản 2 Điều 118 và khoản 2 Điều 123 của Luật này không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp, quỹ đầu tư nhận vốn góp.*  *4. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một công ty tài chính vào doanh nghiệp, quỹ đầu tư, kể cả công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính đó theo quy định tại**khoản 2 và khoản 3 Điều 118, khoản 2 và khoản 3 Điều 123 của Luật này không được vượt quá 40% vốn điều lệ và các quỹ dự trữ của công ty tài chính.*  *5. TCTD, công ty con của tổ chức tín dụng không được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sau đây: a) Doanh nghiệp, TCTD khác là cổ đông, thành viên góp vốn của TCTD đó; b) Doanh nghiệp, TCTD khác là người có liên quan của cổ đông lớn, thành viên góp vốn của TCTD đó.*  *6. Mức góp vốn, mua cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này không bao gồm mức góp vốn, mua cổ phần của công ty quản lý quỹ là công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại, công ty tài chính vào một doanh nghiệp từ quỹ do công ty đó quản lý”*.  - Điều 111 quy định về Góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại:  *“1. Ngân hàng thương mại chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 8 Điều này.*  *2. Ngân hàng thương mại phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây: a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu; b) Cho thuê tài chính; c) Bảo hiểm.*  *3. Ngân hàng thương mại được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.*  *4. Ngân hàng thương mại được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây: a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng; b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.*  *…*  *8. Ngân hàng thương mại, công ty con của ngân hàng thương mại được mua, nắm giữ cổ phần của TCTD khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước”*. | **Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần, chuyển nhượng vốn của tổ chức tín dụng**  1. Việc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nhượng **phần** vốn **góp** của tổ chức tín dụng theo quy định của [Luật Các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx) và các quy định của pháp luật khác có liên quan.  ~~2. Tổ chức tín dụng chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, của các tổ chức tín dụng khác theo quy định của~~[~~Luật Các tổ chức tín dụng~~](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx)~~và các quy định của pháp luật khác có liên quan.~~  **2.**~~3.~~ Thẩm quyền quyết định phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, của các tổ chức tín dụng khác; phương án chuyển nhượng phần vốn đã đầu tư ra bên ngoài thực hiện theo quy định của [Luật Các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx), các quy định của pháp luật khác có liên quan và Điều lệ của tổ chức tín dụng. Đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ **trên 50% vốn điều lệ** ~~100% vốn điều lệ~~~~và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước~~ còn phải tuân thủ quy định pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.  ~~4. Tổ chức tín dụng không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của chính tổ chức tín dụng đó.~~ | - Khoản 1 sửa đổi cụm từ *“chuyển nhượng vốn”* thành *“chuyển nhượng phần vốn góp”* để phù hợp với quy định tại Điều 78 Luật Các TCTD.  - Bỏ khoản 2 vì Điều 111, Điều 137 Luật Các TCTD đã quy định đầy đủ và tại khoản 1 Điều này đã dẫn chiếu phải thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD.  - Bỏ khoản 4 vì đã được quy định tại khoản 5 Điều 137 Luật Các TCTD và tại khoản 1 Điều này đã dẫn chiếu phải thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(không có quy định)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 8.** **Bảo đảm an toàn vốn**  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn vốn hoạt động như sau:  1. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, thực hiện chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.  2. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của [Luật các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank) và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp không đạt hoặc có khả năng không đạt tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của [Luật các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank) và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong thời gian tối đa là 01 tháng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam các giải pháp khắc phục để bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định bao gồm:  a) Giải pháp chuyển nhượng vốn đầu tư ra bên ngoài;  b) Giải pháp tăng vốn điều lệ; vốn được cấp;  c) Các giải pháp khác.  3. Mua bảo hiểm tài sản đối với các tài sản quy định phải mua bảo hiểm.  4. Tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của [Luật các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank), [Luật bảo hiểm tiền gửi](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-Bao-hiem-tien-gui-2012-142539.aspx" \t "_blank), các quy định pháp luật khác có liên quan và công khai việc tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi tại trụ sở và chi nhánh.  5. Xử lý giá trị tài sản tổn thất theo đúng quy định tại Điều 12 Nghị định này.  6. Hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh khoản dự phòng rủi ro theo quy định của [Luật các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank), pháp luật về doanh nghiệp và các quy định của pháp luật khác có liên quan.  7. Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật. |  |  | **Điều 7. Bảo đảm an toàn vốn**  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn vốn hoạt động như sau:  1. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, thực hiện chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.  2. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định tại **Điều 138** của [Luật Các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx) và các quy định của pháp luật khác có liên quan. ~~Trường hợp không đạt hoặc có khả năng không đạt tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của~~[~~Luật Các tổ chức tín dụng~~](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx)~~và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong thời gian tối đa là 01 tháng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam các giải pháp khắc phục để bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định bao gồm:~~  ~~a) Giải pháp chuyển nhượng vốn đầu tư ra bên ngoài;~~  ~~b) Giải pháp tăng vốn điều lệ; vốn được cấp;~~  ~~c) Các giải pháp khác.~~  3. Mua bảo hiểm tài sản đối với các tài sản quy định phải mua bảo hiểm.  4. Tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của [Luật các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx), [Luật bảo hiểm tiền gửi](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-Bao-hiem-tien-gui-2012-142539.aspx), các quy định pháp luật khác có liên quan và công khai việc tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi tại trụ sở và chi nhánh.  5. Xử lý giá trị tài sản tổn thất theo đúng quy định tại Điều 11 Nghị định này.  6. Hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh khoản dự phòng rủi ro theo quy định của [Luật Các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx), pháp luật về doanh nghiệp và các quy định của pháp luật khác có liên quan.  7. Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật. | - Kế thừa quy định tại Nghị định 93; sửa lại dẫn chiếu Điều cho đúng với Luật Các TCTD; Bỏ nội dung đoạn: *“Trường hợp không đạt hoặc có khả năng không đạt tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu….Các giải pháp khác”* vì đã được quy định tại các Thông tư hướng dẫn của NHNN. Cụ thể:  + Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, CNNHNNg: **(i)** ngân hàng thường xuyên duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% (khoản 2 Điều 6); **(ii)** ngân hàng thực hiện báo cáo tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của NHNN (Điều 19); **(iii)** ngân hàng công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn (Điều 20);  + Điều 61 Thông tư 16/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, CNNHNNg quy định ngân hàng phải có kế hoạch vốn đảm bảo đáp ứng được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Kế toán)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 9.** **Kiểm kê tài sản**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện kiểm kê tài sản trong các trường hợp sau:  a) Kết thúc năm tài chính;  b) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý;  c) Kiểm kê tài sản để xác định tổn thất về tài sản do thiên tai, địch họa hoặc trong các trường hợp khác theo yêu cầu quản lý của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  d) Theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  2. Đối với tài sản thừa, thiếu, cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan để xử lý theo từng trường hợp cụ thể. |  | **1. Luật Kế toán:**  Điều 40. Kiểm kê tài sản:  *“1. Kiểm kê tài sản là việc cân, đong, đo, đếm số lượng; xác nhận và đánh giá chất lượng, giá trị của tài sản, nguồn vốn hiện có tại thời điểm kiểm kê để kiểm tra, đối chiếu với số liệu trong sổ kế toán.*  *2. Đơn vị kế toán phải kiểm kê tài sản trong các trường hợp sau đây:*  *a) Cuối kỳ kế toán năm;*  *b) Đơn vị kế toán bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản hoặc bán, cho thuê;*  *c) Đơn vị kế toán được chuyển đổi loại hình hoặc hình thức sở hữu;*  *d) Xảy ra hỏa hoạn, lũ lụt và các thiệt hại bất thường khác;*  *đ) Đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;*  *e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.*  *3. Sau khi kiểm kê tài sản, đơn vị kế toán phải lập báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê. Trường hợp có chênh lệch giữa số liệu thực tế kiểm kê với số liệu ghi trên sổ kế toán, đơn vị kế toán phải xác định nguyên nhân và phải phản ánh số chênh lệch, kết quả xử lý vào sổ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính.*  *4. Việc kiểm kê phải phản ánh đúng thực tế tài sản, nguồn hình thành tài sản. Người lập và ký báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm kê”*. | **Điều 8. Kiểm kê tài sản**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện kiểm kê tài sản trong các trường hợp sau:  a) Kết thúc năm tài chính;  b) Chia, tách, hợp nhất, ~~chuyển đổi hình thức pháp lý~~ **sáp nhập, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản, chuyển đổi loại hình hoặc hình thức sở hữu**;  c) Kiểm kê tài sản để xác định tổn thất về tài sản do thiên tai, địch họa hoặc trong các trường hợp khác theo yêu cầu quản lý của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  ~~d) Theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.~~  d) Đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.  2. Đối với trường hợp có chênh lệch giữa số liệu thực tế kiểm kê với số liệu ghi trên sổ kế toán, phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan để xử lý theo từng trường hợp cụ thể. | - Kế thừa quy định tại Nghị định 93 và sửa lại một số nội dung để phù hợp với Điều 40 Luật Kế toán. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(không có quy định)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 10.** **Đánh giá lại tài sản**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:  a) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;  b) Thực hiện chuyển đổi hình thức pháp lý, đa dạng hóa hình thức sở hữu;  c) Dùng tài sản để đầu tư ra bên ngoài, thu hồi tài sản khi chấm dứt hoạt động đầu tư ra bên ngoài: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện đánh giá lại đối với chính tài sản dùng để đầu tư ra bên ngoài;  d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.  2. Việc đánh giá lại tài sản và xử lý hạch toán đối với khoản chênh lệch tăng hoặc giảm, giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng trường hợp cụ thể. |  |  | **Điều 9. Đánh giá lại tài sản**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:  a) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;  b) Thực hiện chuyển đổi hình thức pháp lý, đa dạng hóa hình thức sở hữu;  c) Dùng tài sản để đầu tư ra bên ngoài, thu hồi tài sản khi chấm dứt hoạt động đầu tư ra bên ngoài: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện đánh giá lại đối với chính tài sản dùng để đầu tư ra bên ngoài;  d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.  2. Việc đánh giá lại tài sản và xử lý hạch toán đối với khoản chênh lệch tăng hoặc giảm, giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng trường hợp cụ thể. | Kế thừa và giữ nguyên quy định tại Nghị định 93 |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(không có quy định)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 11. Khấu hao tài sản cố định**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp.  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng nguồn vốn có được từ khấu hao tài sản cố định để tái đầu tư thay thế, đổi mới tài sản cố định và sử dụng cho các yêu cầu kinh doanh khác theo quy định của pháp luật. |  |  | **Điều 10. Khấu hao tài sản cố định**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp.  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng nguồn vốn có được từ khấu hao tài sản cố định để tái đầu tư thay thế, đổi mới tài sản cố định và sử dụng cho các yêu cầu kinh doanh khác theo quy định của pháp luật. | Kế thừa và giữ nguyên quy định tại Nghị định 93 |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(không có quy định)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 12. Xử lý tổn thất về tài sản**  Khi bị tổn thất về tài sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:  1. Trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường. Thẩm quyền quyết định mức bồi thường thực hiện theo Điều lệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Việc xử lý trách nhiệm của người gây ra tổn thất thực hiện theo quy định của pháp luật.  2. Trường hợp tài sản đã mua bảo hiểm thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.  3. Sử dụng khoản dự phòng được trích lập trong chi phí để bù đắp theo quy định của pháp luật.  4. Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong kỳ. |  |  | **Điều 11. Xử lý tổn thất về tài sản**  Khi bị tổn thất về tài sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:  1. Trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường. Thẩm quyền quyết định mức bồi thường thực hiện theo Điều lệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Việc xử lý trách nhiệm của người gây ra tổn thất thực hiện theo quy định của pháp luật.  2 Trường hợp tài sản đã mua bảo hiểm thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.  3. Sử dụng khoản dự phòng được trích lập trong chi phí để bù đắp theo quy định của pháp luật.  4. Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong kỳ **kế toán**. | Cơ bản kế thừa và giữ nguyên quy định tại Nghị định 93; chỉ bổ sung quy định “trong kỳ **kế toán**” để cho rõ ràng; |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(không có quy định)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 13. Cho thuê tài sản**  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cho thuê các tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật, bảo đảm có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn. |  |  | **Điều 12. Cho thuê tài sản**  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cho thuê các tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật, bảo đảm có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn. | Kế thừa và giữ nguyên quy định tại Nghị định 93 |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(không có quy định)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 14. Mua bán, chuyển nhượng tài sản**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mua bán, chuyển nhượng tài sản để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích kinh doanh có hiệu quả hơn.  2. Việc mua bán, chuyển nhượng tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của [Luật Các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank), các quy định của pháp luật khác có liên quan và Điều lệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng bán tài sản đối với doanh nghiệp nhà nước. |  |  | **Điều 13. Mua bán, chuyển nhượng tài sản**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mua bán, chuyển nhượng tài sản để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích kinh doanh có hiệu quả hơn.  2. Việc mua bán, chuyển nhượng tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của [Luật Các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx), các quy định của pháp luật khác có liên quan và Điều lệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ **trên 50%**~~100%~~ vốn điều lệ còn phải tuân thủ quy định ~~của pháp luật về~~ nhượng bán tài sản **theo pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp** ~~đối với doanh nghiệp nhà nước~~. | Bổ sung quy định mua, bán, chuyển nhượng tài sản đối với TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (bao gồm TCTD do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ) phải tuân thủ quy định nhượng bán tài sản theo pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Lý do: để phù hợp với quy định tại Nghị định số 140, cụ thể: Hiện nay đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đã quy định tại Nghị định 140 (Điều 27); đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ thì không có quy định cụ thể nhưng có quy định tại khoản 5a, 5b Điều 42 Nghị định 140 (là phải sửa điều lệ cho phù hợp). |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(không có quy định)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 15. Thanh lý tài sản**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thanh lý những tài sản kém, mất phẩm chất; tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi; tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả và không thể nhượng bán nguyên trạng; tài sản đã sử dụng vượt quá thời gian sử dụng theo quy định mà không thể tiếp tục sử dụng.  2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản thực hiện theo quy định của [Luật các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank), các quy định của pháp luật khác có liên quan và Điều lệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp nhà nước.  3. Khi thanh lý tài sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thành lập Hội đồng thanh lý. Đối với những tài sản pháp luật quy định phải bán đấu giá khi thanh lý, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tổ chức bán đấu giá theo quy định của pháp luật. |  |  | **Điều 14. Thanh lý tài sản**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thanh lý những tài sản kém, mất phẩm chất; tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi; tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả và không thể nhượng bán nguyên trạng; tài sản đã sử dụng vượt quá thời gian sử dụng theo quy định mà không thể tiếp tục sử dụng.  2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản thực hiện theo quy định của [Luật các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx), các quy định của pháp luật khác có liên quan và Điều lệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ **trên 50%**~~100%~~ vốn điều lệ còn phải tuân thủ quy định ~~của pháp luật về~~ thanh lý tài sản **theo pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp** ~~đối với doanh nghiệp nhà nước~~.  3. Khi thanh lý tài sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thành lập Hội đồng thanh lý. Đối với những tài sản pháp luật quy định phải bán đấu giá khi thanh lý, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tổ chức bán đấu giá theo quy định của pháp luật. | Bổ sung quy định về thanh lý tài sản đối với TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (bao gồm TCTD do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ) phải tuân thủ quy định nhượng bán tài sản theo pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Lý do: để phù hợp với quy định tại Nghị định số 140, cụ thể: Hiện nay đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đã quy định tại Nghị định 140 (Điều 27); đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ thì không có quy định cụ thể nhưng có quy định tại khoản 5a, 5b Điều 42 Nghị định 140 (là phải sửa điều lệ cho phù hợp). |

**Chương III - DOANH THU, CHI PHÍ**

**Mục 1 - DOANH THU, CHI PHÍ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI VÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Thông tư số 16/2018/TT-BTC)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 16. Doanh thu**  1. Các khoản thu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan, có hóa đơn hoặc chứng từ hợp lệ và phải được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.  2. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm:  a) Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự: Thu lãi tiền gửi, thu lãi cho vay, thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ, thu từ nghiệp vụ bảo lãnh, thu lãi cho thuê tài chính, thu lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ, thu khác từ hoạt động tín dụng;  b) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ: Thu từ dịch vụ thanh toán; thu từ dịch vụ ngân quỹ; thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý; thu từ hoạt động dịch vụ khác;  c) Thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng: Thu từ kinh doanh ngoại tệ; thu lãi chênh lệch tỷ giá; thu từ kinh doanh vàng; thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ;  d) Thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán (trừ cổ phiếu);  đ) Thu từ hoạt động góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần;  e) Thu từ hoạt động khác: Thu từ các khoản nợ đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro (bao gồm cả các khoản nợ đã được xóa nay đòi được); thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác; thu từ nghiệp vụ mua bán nợ; thu từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản; thu từ hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn; thu từ hoạt động khác theo quy định của pháp luật;  g) Thu nhập khác theo quy định của pháp luật.  3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn cụ thể các khoản thu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều này. | **1. Thông tư 16 (quy định chung đối với TCTD, CNNHNNg):**  ***- Điều 4. Doanh thu:***  *“Doanh thu của TCTD, CNNHNNg bao gồm các khoản thu quy định tại**Điều 16 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP. Một số khoản thu của TCTD, CNNHNNg thực hiện theo hướng dẫn dưới đây:*  *1. Thu từ hoạt động dịch vụ khác: Thu từ cung ứng dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn, tư vấn, môi giới tiền tệ; thu từ các dịch vụ khác.*  *2. Thu từ hoạt động khác theo quy định của pháp luật, trong đó thu từ cho thuê tài sản trừ số tiền thu được từ cho thuê các bất động sản tạm thời nắm giữ được dùng để cấn trừ khoản nợ đã cho vay để xử lý nợ vay theo quy định tại**khoản 3 Điều 132 Luật Các tổ chức tín dụng để thu hồi nợ.*  *3. Thu nhập khác: a) Thu các khoản nợ phải trả nay đã mất chủ hoặc không xác định được chủ nợ theo quy định của pháp luật được ghi tăng thu nhập; b) Thu tiền phạt khách hàng, tiền khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng được hạch toán vào thu nhập; c) Thu tiền bảo hiểm được bồi thường được hạch toán vào thu nhập sau khi đã bù đắp khoản tổn thất đã mua bảo hiểm; d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật”.*  ***- Điều 5. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:***  *“Nguyên tắc ghi nhận doanh thu đối với các khoản thu của TCTD, CNNHNNg quy định tại**Điều 16 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP như sau:*  *1. Việc xác định doanh thu khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.*  *2. Đối với thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự:*  *a) Thu lãi từ hoạt động cấp tín dụng: TCTD, CNNHNNg có trách nhiệm đánh giá khả năng thu hồi nợ và thực hiện phân loại nợ theo đúng quy định của pháp luật ngân hàng để làm căn cứ hạch toán lãi phải thu và thực hiện hạch toán như sau:*  *- TCTD, CNNHNNg hạch toán số lãi phải thu phát sinh trong kỳ vào thu nhập đối với các khoản nợ được phân loại là nợ đủ tiêu chuẩn không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*  *- Số lãi phải thu của các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước và số lãi phải thu phát sinh trong kỳ của các khoản nợ còn lại thì không phải hạch toán thu nhập, TCTD, CNNHNNg thực hiện theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu; khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.*  *b) Thu lãi tiền gửi: là số lãi phải thu trong kỳ.*  *3. Đối với các khoản thu về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ và vàng, TCTD, CNNHNNg thực hiện ghi nhận theo quy định tại chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật có liên quan.*  *4. Thu từ hoạt động kinh doanh các loại chứng khoán (trừ cổ phiếu):*  *a) Đối với chứng khoán kinh doanh: TCTD, CNNHNNg hạch toán vào thu nhập theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp đối với chứng khoán kinh doanh.*  *b) Đối với chứng khoán đầu tư, trừ các loại chứng khoán phải phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro như một khoản cho vay: TCTD, CNNHNNg hạch toán dự thu đối với số lãi dự kiến thu được.*  *5. Đối với thu lãi góp vốn: cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động góp vốn là số lãi được chia khi có nghị quyết hoặc quyết định chia.*  *6. Đối với doanh thu từ các hoạt động còn lại: doanh thu là toàn bộ tiền cung ứng hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong kỳ được khách hàng chấp nhận thanh toán không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.*  *7. Đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì TCTD, CNNHNNg hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu nhập”*. | **1. Luật Các TCTD:**  ***- Điều 145******. Doanh thu và nguyên tắc ghi nhận doanh thu:***  *“1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của TCTD, CNNHNNg bao gồm:*  *a) Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự;*  *b) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ;*  *c) Thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng;*  *d) Thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, trừ cổ phiếu;*  *đ) Thu từ hoạt động góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần;*  *e) Thu từ hoạt động khác;*  *g) Thu nhập khác theo quy định của pháp luật.*  *2. Các khoản thu của TCTD, CNNHNNg phải được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan, có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ và phải được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.*  *3. Đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào doanh thu nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì TCTD, CNNHNNg phải hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu hồi, xử lý theo quy định của pháp luật; khi thu được thì hạch toán vào doanh thu.*  *4. Đối với doanh thu từ hoạt động cấp tín dụng, TCTD, CNNHNNg có trách nhiệm đánh giá khả năng thu hồi nợ và thực hiện phân loại nợ theo quy định của pháp luật để làm căn cứ hạch toán lãi phải thu và thực hiện hạch toán lãi phải thu từ hoạt động cấp tín dụng vào doanh thu theo quy định của Chính phủ”*.  ***- Khoản 3 Điều 147 quy định về dự phòng rủi ro:*** *“Mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, CNNHNNg thực hiện theo quy định của Chính phủ”*. | **Điều 15. Doanh thu và nguyên tắc ghi nhận doanh thu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng**  ~~1. Các khoản thu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan, có hóa đơn hoặc chứng từ hợp lệ và phải được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.~~  ~~2.~~**1.** Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của ~~tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài~~ **ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng** bao gồm:  a) Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự: Thu lãi tiền gửi, thu lãi cho vay, thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ, thu từ nghiệp vụ bảo lãnh, thu lãi cho thuê tài chính, thu lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ, thu khác từ hoạt động tín dụng;  b) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ: Thu từ dịch vụ thanh toán; thu từ dịch vụ ngân quỹ; thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý; **thu từ cung ứng dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn, tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác, môi giới tiền tệ**; thu từ ~~hoạt động~~ các dịch vụ khác;  c) Thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng: Thu từ kinh doanh ngoại tệ; thu lãi chênh lệch tỷ giá; thu từ kinh doanh vàng; thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ;  d) Thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, trừ cổ phiếu;  đ) Thu từ hoạt động góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần;  e) Thu từ hoạt động khác: Thu từ các khoản nợ đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro (bao gồm cả các khoản nợ đã được xóa nay đòi thu được), thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác, thu từ nghiệp vụ mua bán nợ, thu từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản, thu từ hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn, **thu từ cho thuê tài sản trừ số tiền thu được từ cho thuê các bất động sản tạm thời nắm giữ được dùng để cấn trừ khoản nợ đã cho vay để xử lý nợ vay theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Các tổ chức tín dụng để thu hồi nợ;** ~~thu từ hoạt động khác theo quy định của pháp luật~~;  g) Thu nhập khác**: Thu các khoản nợ phải trả nay đã mất chủ hoặc không xác định được chủ nợ theo quy định của pháp luật được ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt khách hàng, tiền khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng được hạch toán vào thu nhập, thu tiền bảo hiểm được bồi thường được hạch toán vào thu nhập sau khi đã bù đắp khoản tổn thất đã mua bảo hiểm, các khoản thu khác** theo quy định của pháp luật.  **2. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**  **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng** **thực hiện theo quy định tại Điều 145 Luật Các tổ chức tín dụng. Một số nguyên tắc cụ thể ghi nhận doanh thu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng thực hiện theo hướng dẫn dưới đây:**  **a) Đối với thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự:**  **Doanh thu từ hoạt động cấp tín dụng: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng hạch toán số lãi phải thu phát sinh trong kỳ kế toán vào thu nhập đối với các khoản nợ được phân loại là nợ đủ tiêu chuẩn không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Số lãi phải thu của các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước và số lãi phải thu phát sinh trong kỳ kế toán của các khoản nợ còn lại thì không phải hạch toán thu nhập, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng** **thực hiện theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu; khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.**  **Thu lãi tiền gửi: là số lãi phải thu từ tiền gửi trong kỳ kế toán.**  **b) Đối với các khoản thu về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ và vàng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện ghi nhận theo quy định tại chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật có liên quan.**  **c) Thu từ hoạt động kinh doanh các loại chứng khoán (trừ cổ phiếu):**  **Đối với chứng khoán kinh doanh: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng** **hạch toán vào thu nhập theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp đối với chứng khoán kinh doanh.**  **Đối với chứng khoán đầu tư, trừ các loại chứng khoán phải phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro như một khoản cho vay: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng** **hạch toán dự thu đối với số lãi dự kiến thu được.**  **d) Đối với thu lãi góp vốn: cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động góp vốn là số lãi được chia khi có nghị quyết hoặc quyết định chia.**  **đ) Đối với doanh thu từ các hoạt động còn lại: doanh thu là toàn bộ tiền cung ứng hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong kỳ kế toán được khách hàng chấp nhận thanh toán không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.**  ~~3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn cụ thể các khoản thu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều này.~~ | - Bỏ khoản 1 Nghị định 93 do đã quy định tại khoản 2 Điều 145 Luật Các TCTD.  - Khoản 1: các nội dung hướng dẫn chi tiết về doanh thu được kế thừa và giữ nguyên từ Nghị định 93 và Thông tư 16, có đối chiếu với Luật Các TCTD để điều chỉnh cho phù hợp.  - Khoản 2: bổ sung nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ Thông tư 16; đồng thời sửa lại cụm từ *“trong kỳ”* thành *“trong kỳ* ***kế toán****”* để phân biệt với kỳ trả nợ và đồng nhất với quy định tại Điều 145 Luật Các TCTD.  - Bỏ nội dung giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với NHNN hướng dẫn cụ thể các khoản thu do không còn Thông tư hướng dẫn. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Thông tư số 16/2018/TT-BTC)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 17. Chi phí**  1. Chi phí của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do các nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.  2. Chi phí của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, bao gồm:  a) Chi phí lãi và các chi phí tương tự: Trả lãi tiền gửi; trả lãi tiền vay; trả lãi phát hành giấy tờ có giá; chi khác cho hoạt động tín dụng;  b) Chi phí hoạt động dịch vụ: Chi về dịch vụ thanh toán; chi về dịch vụ ngân quỹ; chi về dịch vụ viễn thông; chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý; chi về dịch vụ tư vấn; chi hoa hồng cho đại lý, môi giới, ủy thác đối với các hoạt động đại lý, môi giới, ủy thác được pháp luật cho phép;  c) Chi hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng: chi về kinh doanh ngoại tệ; chi chênh lệch tỷ giá; chi về kinh doanh vàng; chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ;  d) Chi hoạt động kinh doanh các loại chứng khoán được phép kinh doanh theo quy định của [Luật Các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank);  đ) Chi góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần;  e) Chi hoạt động khác: Chi cho nghiệp vụ hoán đổi lãi suất; chi về nghiệp vụ mua bán nợ; chi liên quan nghiệp vụ cho thuê tài chính; chi về các công cụ tài chính phái sinh khác; chi về hoạt động kinh doanh khác;  g) Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí;  h) Chi cho cán bộ, nhân viên: Chi tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp; các khoản chi để đóng góp theo lương: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm lao động, bảo hiểm thất nghiệp, mua bảo hiểm tai nạn con người, kinh phí công đoàn; chi trang phục giao dịch và phương tiện bảo hộ lao động; chi trợ cấp; chi ăn ca; chi y tế; các khoản chi khác cho cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật;  i) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ: Chi về vật liệu, giấy tờ in; công tác phí; chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ; chi nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ; chi thưởng sáng kiến, cải tiến, tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm chi phí; chi bưu phí và điện thoại; chi xuất bản tài liệu, tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại; chi mua tài liệu, sách báo; chi về các hoạt động đoàn thể; chi điện, nước, vệ sinh cơ quan; chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết, giao dịch, đối ngoại; chi tư vấn, kiểm toán; chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước; chi phòng cháy chữa cháy; chi cho công tác bảo vệ môi trường và các khoản chi khác;  k) Chi về tài sản gồm: Khấu hao tài sản cố định; chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản; chi mua sắm công cụ, dụng cụ; chi bảo hiểm tài sản; chi thuê tài sản;  l) Chi trích lập dự phòng:  Chi trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động theo quy định tại Điều 131 Luật các tổ chức tín dụng.  Chi trích lập dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và khoản 12 Điều 1 Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [53/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/nghi-dinh-53-2013-nd-cp-hoat-dong-cong-ty-quan-ly-tai-san-to-chuc-tin-dung-188947.aspx) ; hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung (nếu có).  Chi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi và các khoản dự phòng khác (nếu có) theo quy định chung áp dụng đối với doanh nghiệp.  Phần chi phí trích lập dự phòng rủi ro được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định pháp luật về thuê thu nhập doanh nghiệp.  m) Chí bảo toàn và bảo hiểm tiền gửi;  n) Các khoản chi phí khác: Chi đóng phí hiệp hội ngành nghề mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tham gia; chi cho công tác đảng, đoàn thể tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định); chi nhượng bán, thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có); chi cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa, chi phí thu hồi nợ xấu; chi xử lý khoản tổn thất tài sản còn lại sau khi đã bù đắp bằng các nguồn theo quy định tại khoản 4 Điều 12 của Nghị định này; chi các khoản đã hạch toán doanh thu nhưng thực tế không thu được; chi cho công tác xã hội theo quy định của pháp luật về thuế; chi nộp phạt vi phạm hành chính trừ các khoản tiền phạt mà cá nhân phải nộp phạt theo quy định của pháp luật; các chi phí khác.  3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn cụ thể các khoản chi phí của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều này. | **1. Thông tư 16 (quy định chung đối với TCTD, CNNHNNg):**  ***- Điều 6. Chi phí:***  *“Chi phí của TCTD, CNNHNNg bao gồm các khoản chi quy định tại**Điều 17 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP. Một số khoản chi của TCTD, CNNHNNg thực hiện theo hướng dẫn dưới đây:*  *1. Chi hoa hồng môi giới theo quy định sau:*  *a) TCTD, CNNHNNg được chi hoa hồng môi giới đối với các hoạt động môi giới được pháp luật cho phép.*  *b) Hoa hồng môi giới để chi cho bên thứ ba (làm trung gian), không được áp dụng cho các đối tượng là đại lý của TCTD, CNNHNNg; các chức danh quản lý, nhân viên của TCTD, CNNHNNg và người có liên quan của TCTD, CNNHNNg theo quy định của Luật Các TCTD và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).*  *c) Việc chi hoa hồng môi giới phải căn cứ vào hợp đồng hoặc giấy xác nhận giữa TCTD, CNNHNNg và bên nhận hoa hồng môi giới, trong đó phải có các nội dung cơ bản gồm: tên của bên nhận hoa hồng; nội dung chi; mức chi; phương thức thanh toán; thời gian thực hiện và kết thúc; trách nhiệm của các bên.*  *d) Đối với khoản chi môi giới để cho thuê tài sản (bao gồm cả tài sản xiết nợ, gán nợ): mức chi môi giới để cho thuê mỗi tài sản của TCTD, CNNHNNg tối đa không quá 5% tổng số tiền thu được từ hoạt động cho thuê tài sản đó do môi giới mang lại trong năm.*  *đ) Đối với khoản chi môi giới bán tài sản thế chấp, cầm cố: mức chi hoa hồng môi giới bán mỗi tài sản thế chấp, cầm cố của TCTD, CNNHNNg không vượt quá 1% giá trị thực tế thu được từ tiền bán tài sản đó qua môi giới.*  *e) Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) TCTD, CNNHNNg ban hành quy chế chi hoa hồng môi giới để áp dụng thống nhất và công khai.*  *2. Chi cho cán bộ, nhân viên theo quy định tại**điểm h khoản 2 Điều 17 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP. Một số khoản chi cho cán bộ, nhân viên được hướng dẫn cụ thể như sau:*  *a) Chi bảo hộ lao động: chỉ được chi cho các đối tượng cần trang bị bảo hộ lao động trong khi làm việc.*  *b) Chi ăn ca: TCTD do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thực hiện chi ăn ca theo mức chi ăn ca quy định đối với doanh nghiệp nhà nước.*  *c) Chi y tế bao gồm các khoản chi khám bệnh định kỳ cho người lao động, chi mua thuốc dự phòng và các khoản chi y tế khác thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.*  *d) Các khoản chi khác bao gồm: Chi tiền nghỉ phép hàng năm, các khoản chi thêm cho lao động nữ theo quy định của pháp luật về lao động và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.*  *3. Chi cho hoạt động quản lý, công vụ theo quy định tại**điểm i khoản 2 Điều 17 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP, trong đó:*  *a) Chi nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ gồm:*  *- Chi trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng quỹ thực hiện theo quy định hiện hành;*  *- Chi cho phần còn thiếu trong trường hợp số dư quỹ phát triển khoa học và công nghệ không đủ để chi cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong năm.*  *b) Chi thưởng sáng kiến cải tiến, tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm chi phí theo nguyên tắc phù hợp với hiệu quả thực tế đem lại; TCTD, CNNHNNg phải xây dựng và công bố công khai các quy chế chi thưởng và thành lập Hội đồng để nghiệm thu sáng kiến.*  *4. Chi về tài sản:*  *a) Chi khấu hao tài sản cố định sử dụng cho hoạt động kinh doanh thực hiện theo chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định đối với doanh nghiệp.*  *Trường hợp mua trả chậm tài sản cố định: TCTD, CNNHNNg hạch toán khoản chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán và giá mua tài sản cố định trả ngay vào chi phí theo kỳ hạn thanh toán trừ trường hợp số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá tài sản cố định (vốn hóa) theo quy định của chuẩn mực kế toán.*  *b) Chi thuê tài sản cố định: Chi phí thuê tài sản cố định được thực hiện theo hợp đồng thuê. Trường hợp trả tiền thuê tài sản một lần cho nhiều năm thì tiền thuê được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm sử dụng tài sản.*  *c) Chi thuê dịch vụ quản lý, vận hành tài sản, tòa nhà thực hiện theo hợp đồng thuê.*  *5. Chi phí khác theo quy định tại**điểm n khoản 2 Điều 17 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP, trong đó:*  *a) Chi đóng phí hiệp hội ngành nghề mà TCTD, CNNHNNg có tham gia.*  *b) Chi cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa, chi phí thu hồi nợ xấu là các khoản chi cho việc thu hồi nợ bao gồm cả chi trả phí dịch vụ thu hồi nợ cho các tổ chức được phép thực hiện dịch vụ thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, chi phí để thực hiện mua bán nợ.*  *c) Các chi phí khác gồm:*  *- Chi các khoản nợ phải trả, đã xác định mất chủ và hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó lại xác định được chủ nợ;*  *- Chi trả tiền phạt, bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế thuộc trách nhiệm của TCTD, CNNHNNg;*  *- Chi nộp phạt vi phạm hành chính trừ các khoản tiền phạt mà cá nhân phải nộp phạt theo quy định của pháp luật;*  *- Chi án phí, lệ phí thi hành án;*  *- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật”*.  ***- Điều 7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí:***  *“1. Chi phí của TCTD, CNNHNNg là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh của TCTD, CNNHNNg; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. TCTD, CNNHNNg không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật khác có liên quan.*  *2. Việc xác định chi phí khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.*  *3. TCTD do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ chỉ được hạch toán vào chi phí kinh doanh các khoản chi phí được trừ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Riêng đối với phần chi trích lập dự phòng rủi ro vượt mức quy định được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp do có sự khác biệt giữa quy định về chi trích lập dự phòng rủi ro của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có); chi đóng phí hiệp hội ngành nghề ở nước ngoài mà TCTD tham gia và khoản chi nộp phạt vi phạm hành chính (trừ các khoản tiền phạt vi phạm hành chính mà cá nhân phải nộp phạt theo quy định của pháp luật), TCTD do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được sử dụng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để bù đắp”*. | **1. Luật Các TCTD:**  ***Điều 146. Chi phí và nguyên tắc ghi nhận chi phí***  *“1. Chi phí của TCTD, CNNHNNg bao gồm:*  *a) Chi phí lãi và các chi phí tương tự;*  *b) Chi phí hoạt động dịch vụ;*  *c) Chi hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng;*  *d) Chi hoạt động kinh doanh các loại chứng khoán được phép kinh doanh theo quy định của Luật này;*  *đ) Chi góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần;*  *e) Chi hoạt động kinh doanh khác;*  *g) Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí;*  *h) Chi cho người quản lý, người điều hành, nhân viên;*  *i) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ;*  *k) Chi về tài sản;*  *l) Chi trích lập dự phòng;*  *m) Chi bảo toàn và bảo hiểm tiền gửi;*  *n) Chi phí khác.*  *2. Chi phí của TCTD, CNNHNNg là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh của TCTD, CNNHNNg; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. TCTD, CNNHNNg không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan.*  *3. Việc xác định chi phí khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”*. | **Điều 16. Chi phí và nguyên tắc ghi nhận chi phí của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng**  ~~1. Chi phí của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do các nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.~~  ~~2.~~ **1.** Chi phí của ~~tổ chức tín dụng~~**ngân hàng thương mại**, chi nhánh ngân hàng nước ngoài **và tổ chức tín dụng phi ngân hàng** bao gồm:  a) Chi phí lãi và các chi phí tương tự: Chi trả lãi tiền gửi; chi trả lãi tiền vay; chi trả lãi phát hành ~~giấy tờ có giá~~ **chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu**; chi khác cho hoạt động tín dụng;  b) Chi phí hoạt động dịch vụ: Chi về dịch vụ thanh toán; chi về dịch vụ ngân quỹ; chi về dịch vụ viễn thông; chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý; chi dịch vụ tư vấn **về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác**; chi hoa hồng cho đại lý, môi giới, ủy thác đối với các hoạt động đại lý, môi giới, ủy thác được pháp luật cho phép, **trong đó chi hoa hồng môi giới theo quy định sau:**  **Hoa hồng môi giới để chi cho bên thứ ba (làm trung gian), không được áp dụng cho các đối tượng là đại lý của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng; các chức danh quản lý, nhân viên của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng và người có liên quan của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).**  **Việc chi hoa hồng môi giới phải căn cứ vào hợp đồng hoặc giấy xác nhận giữa ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng và bên nhận hoa hồng môi giới, trong đó phải có các nội dung cơ bản gồm: tên của bên nhận hoa hồng; nội dung chi; mức chi; phương thức thanh toán; thời gian thực hiện và kết thúc; trách nhiệm của các bên.**  **Đối với khoản chi môi giới để cho thuê tài sản (bao gồm cả tài sản xiết nợ, gán nợ): mức chi môi giới để cho thuê mỗi tài sản của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng tối đa không quá 5% tổng số tiền thu được từ hoạt động cho thuê tài sản đó do môi giới mang lại trong năm.**  **Đối với khoản chi môi giới bán tài sản thế chấp, cầm cố: mức chi hoa hồng môi giới bán mỗi tài sản thế chấp, cầm cố của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng không vượt quá 1% giá trị thực tế thu được từ tiền bán tài sản đó qua môi giới.**  **Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng ban hành quy chế chi hoa hồng môi giới để áp dụng thống nhất và công khai.**  c) Chi hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng: chi về kinh doanh ngoại ~~tệ~~ **hối**; chi chênh lệch tỷ giá; chi về kinh doanh vàng; chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ;  d) Chi hoạt động kinh doanh các loại chứng khoán được phép kinh doanh theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;  đ) Chi góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần;  e) Chi hoạt động kinh doanh khác: Chi cho nghiệp vụ hoán đổi lãi suất; chi về nghiệp vụ mua bán nợ; chi liên quan nghiệp vụ cho thuê tài chính; chi về các công cụ tài chính phái sinh khác; chi về hoạt động kinh doanh khác;  g) Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí;  h) Chi cho người quản lý, người điều hành, nhân viên: Chi tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp; các khoản chi để đóng góp theo lương: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm lao động, bảo hiểm thất nghiệp, mua bảo hiểm tai nạn con người; kinh phí công đoàn;chi trợ cấp;chi trang phục giao dịch và phương tiện bảo hộ lao động **cho các đối tượng cần trang bị bảo hộ lao động trong khi làm việc**; chi ăn ca **(riêng đối với ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và Ngân hàng Hợp tác xã thực hiện chi ăn ca theo mức chi ăn ca quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ)**; chi y tế **bao gồm các khoản chi khám bệnh định kỳ cho người lao động, chi mua thuốc dự phòng và các khoản chi y tế khác thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành;** các khoản chi khác cho cán bộ, nhân viên **gồm: chi tiền nghỉ phép hàng năm, các khoản chi thêm cho lao động nữ theo quy định của pháp luật về lao động và các chi phí khác** theo quy định của pháp luật.  i) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ bao gồm: Chi về vật liệu, giấy tờ in; công tác phí; chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;~~chi nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ; chi thưởng sáng kiến, cải tiến, tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm chi phí;~~ chi bưu phí và điện thoại; chi xuất bản tài liệu, tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại; chi mua tài liệu, sách báo; chi về các hoạt động đoàn thể; chi điện, nước, vệ sinh cơ quan; chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết, giao dịch, đối ngoại; chi tư vấn, kiểm toán; chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước; chi phòng cháy chữa cháy; chi cho công tác bảo vệ môi trường; **chi nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, trong đó bao gồm: chi trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và chi cho phần còn thiếu trong trường hợp số dư quỹ phát triển khoa học và công nghệ không đủ để chi cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong năm; chi thưởng sáng kiến, cải tiến, tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm chi phí theo nguyên tắc phù hợp với hiệu quả thực tế đem lại phải xây dựng, công bố công khai các quy chế chi thưởng và thành lập Hội đồng để nghiệm thu sáng kiến;** ~~và~~ các khoản chi khác.  k) Chi về tài sản gồm: **chi** khấu hao tài sản cố định **(chi khấu hao tài sản cố định sử dụng cho hoạt động kinh doanh thực hiện theo chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định đối với doanh nghiệp; trường hợp mua trả chậm tài sản cố định, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng hạch toán khoản chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán và giá mua tài sản cố định trả ngay vào chi phí theo kỳ hạn thanh toán trừ trường hợp số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá tài sản cố định (vốn hóa) theo quy định của chuẩn mực kế toán);** chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản; chi mua sắm, sửa chữa công cụ, dụng cụ; chi bảo hiểm tài sản; chi thuê tài sản, **trong đó bao gồm: chi thuê tài sản cố định (chi phí thuê tài sản cố định được thực hiện theo hợp đồng thuê; trường hợp trả tiền thuê tài sản một lần cho nhiều năm thì tiền thuê được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm sử dụng tài sản) và chi thuê dịch vụ quản lý, vận hành tài sản, tòa nhà (nếu có) theo hợp đồng thuê; chi khác về tài sản theo quy định của pháp luật.**  l) Chi trích lập dự phòng:  Chi trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động theo quy định tại~~Điều 131~~ **Điều 147** Luật Các tổ chức tín dụng.  Chi trích lập dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam~~và khoản 12 Điều 1 Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP~~; hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, **thay thế** (nếu có).  Chi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi và các khoản dự phòng khác (nếu có) theo quy định chung áp dụng đối với doanh nghiệp.  Phần chi phí trích lập dự phòng rủi ro được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.  m) Chi **trích nộp Quỹ** bảo toàn **theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam** và **chi nộp phí** bảo hiểm tiền gửi **theo quy định của Luật Bảo hiểm tiền gửi;**  n) ~~Các khoản chi phí khác~~**Chi phí khác**: Chi đóng phí hiệp hội ngành nghề mà ~~tổ chức tín dụng~~ **ngân hàng thương mại,** chi nhánh ngân hàng nước ngoài **và tổ chức tín dụng phi ngân hàng** có tham gia **theo mức phí do các hiệp hội này quy định;** chi cho công tác đảng, đoàn thể tại ~~tổ chức tín dụng~~**ngân hàng thương mại,** chi nhánh ngân hàng nước ngoài **và tổ chức tín dụng phi ngân hàng** (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định);chi nhượng bán, thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có);chi cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa, chi phí thu hồi nợ xấu **(là các khoản chi cho việc thu hồi nợ bao gồm cả chi trả phí dịch vụ thu hồi nợ cho các tổ chức được phép thực hiện dịch vụ thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, chi phí để thực hiện mua bán nợ)**;chi xử lý khoản tổn thất tài sản còn lại sau khi đã bù đắp bằng các nguồn **(tiền bồi thường, tiền bảo hiểm, khoản dự phòng,…)** theo quy định tại khoản 4 Điều ~~12~~11 của Nghị định này;chi các khoản đã hạch toán doanh thu **tại các kỳ kế toán trước** nhưng **ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng đánh giá không thu được hoặc** thực tế không thu được;chi cho công tác xã hội **bao gồm chi ủng hộ, từ thiện, tài trợ** theo quy định của pháp luật về thuế;chi nộp phạt vi phạm hành chính trừ các khoản tiền phạt mà cá nhân phải nộp phạt theo quy định của pháp luật; **chi các khoản nợ phải trả, đã xác định mất chủ và hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó lại xác định được chủ nợ; chi trả tiền phạt, bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế thuộc trách nhiệm của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng; chi án phí, lệ phí thi hành án**; các **khoản** chi khác **theo quy định của pháp luật.**  **2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng thực hiện theo quy định tại Điều 146 Luật Các tổ chức tín dụng.**  ~~3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn cụ thể các khoản chi phí của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều này.~~ | - Bỏ khoản 1 Nghị định 93 vì đã được quy định tại khoản 2 Điều 146 Luật Các TCTD.  - Khoản 1: các nội dung hướng dẫn chi tiết về chi phí cơ bản được kế thừa từ Nghị định 93 và có bổ sung một số nội dung tại Thông tư 16, đồng thời sửa lại theo Luật Các TCTD cho phù hợp.  - Điểm m quy định chi tiết khoản chi bảo toàn và bảo hiểm tiền gửi để hướng dẫn điểm m khoản 1 Điều 146 Luật Các TCTD;  - Điểm n khoản 1 bổ sung *“chi các khoản đã hạch toán doanh thu tại các kỳ kế toán trước nhưng TCTD, CNNHNNg đánh giá không thu được hoặc thực tế không thu được”* (ghi đúng theo Luật Các TCTD) và làm rõ quy định chi cho công tác xã hội **(bao gồm chi ủng hộ, từ thiện, tài trợ)** theo quy định của pháp luật về thuế.  - Không đưa lên Nghị định quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư 16 *(TCTD do Nhà nước nắm 100% vốn điều lệ và TCTD Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ chỉ được hạch toán vào chi phí kinh doanh các khoản chi phí được trừ theo quy định của pháp luật về thuế TNDN)* để thống nhất với các doanh nghiệp nhà nước hiện nay.  - Không đưa lên Nghị định quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Thông tư 16 (*Việc sử dụng quỹ thực hiện theo quy định hiện hành)* vì nội hàm cụm từ “*Chi trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật”* đã bao hàm nội dung này.  - Bỏ nội dung giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với NHNN hướng dẫn cụ thể các khoản chi phí do không còn Thông tư hướng dẫn. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 19.**  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hạch toán doanh thu, chi phí đúng chế độ quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán. |  | **1. Luật Các TCTD:**  ***- Điều 150. Hạch toán, kế toán: “****TCTD, CNNHNNg phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán”*. | **Bỏ Điều này** | Bỏ Điều này do đã được quy định tại Điều 150 Luật Các TCTD. |

**Mục 2 - DOANH THU, CHI PHÍ CỦA NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ**

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Thông tư số 19/2018/TT-BTC)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Không quy định | **1. Thông tư 19 (NH HTX):**  ***- Điều 5. Doanh thu:***  *“Doanh thu của Ngân hàng bao gồm các khoản thu quy định tại Điều 16 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP. Cụ thể:*  *1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự:*  *a) Thu lãi tiền gửi.*  *b) Thu lãi cho vay:*  *- Thu lãi cho vay đối với các quỹ tín dụng nhân dân thành viên.*  *- Thu lãi cho vay đối với khách hàng không phải là quỹ tín dụng nhân dân thành viên.*  *c) Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ.*  *d) Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh.*  *đ) Thu lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ.*  *e) Thu khác từ hoạt động tín dụng.*  *2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ:*  *a) Thu từ dịch vụ thanh toán gồm: Thu từ cung cấp dịch vụ thẻ, ngân hàng điện tử; thu mở tài khoản thanh toán, cung cấp phương tiện thanh toán cho các quỹ tín dụng nhân dân thành viên và các khách hàng không phải là quỹ tín dụng nhân dân thành viên.*  *b) Thu từ dịch vụ ngân quỹ.*  *c) Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý.*  *d) Thu từ hoạt động dịch vụ khác gồm:*  *- Thu từ cung ứng các dịch vụ tư vấn tài chính, ngân hàng và đầu tư.*  *- Thu từ cung ứng sản phẩm dịch vụ mới phục vụ cho hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân thành viên và phục vụ phát triển lợi ích cộng đồng trên địa bàn.*  *- Thu từ hoạt động đại lý trong các lĩnh vực ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm.*  *- Thu từ các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.*  *3. Thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán (trừ cổ phiếu).*  *4. Thu từ hoạt động khác:*  *a) Thu từ các khoản nợ đã xử lý bằng dự phòng rủi ro (bao gồm cả các khoản nợ đã được xóa nay thu được).*  *b) Thu từ nghiệp vụ mua bán nợ.*  *c) Thu từ cho thuê tài sản trừ số tiền thu được từ cho thuê các bất động sản tạm thời nắm giữ được dùng để cấn trừ khoản nợ đã cho vay để xử lý nợ vay theo quy định tại khoản 3 Điều 132 Luật các tổ chức tín dụng để thu hồi nợ.*  *d) Thu từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản.*  *d) Thu từ hoàn nhập dự phòng.*  *e) Thu từ các hoạt động kinh doanh ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.*  *5. Thu nhập khác gồm:*  *a) Thu các khoản nợ phải trả nay đã mất chủ hoặc không xác định được chủ nợ theo quy định của pháp luật được ghi tăng thu nhập.*  *b) Thu tiền phạt khách hàng, tiền khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng được hạch toán vào thu nhập.*  *c) Thu tiền bảo hiểm được bồi thường được hạch toán vào thu nhập sau khi đã bù đắp khoản tổn thất đã mua bảo hiểm.*  *d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật”.*  ***- Điều 6. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:***  *“Nguyên tắc ghi nhận doanh thu đối với các khoản thu của Ngân hàng quy định tại Điều 16 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP như sau:*  *1. Việc xác định doanh thu khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.*  *2. Đối với thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự:*  *a) Thu lãi từ hoạt động cấp tín dụng: Ngân hàng có trách nhiệm đánh giá khả năng thu hồi nợ và thực hiện phân loại nợ theo đúng quy định của pháp luật ngân hàng để làm căn cứ hạch toán lãi phải thu và thực hiện hạch toán như sau:*  *- Ngân hàng hạch toán số lãi phải thu phát sinh trong kỳ vào thu nhập đối với các khoản nợ được phân loại là nợ đủ tiêu chuẩn không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*  *- Số lãi phải thu của các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước và số lãi phải thu phát sinh trong kỳ của các khoản nợ còn lại thì không phải hạch toán thu nhập, Ngân hàng thực hiện theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.*  *b) Thu lãi tiền gửi: là số lãi phải thu trong kỳ.*  *3. Thu từ hoạt động kinh doanh các loại chứng khoán (trừ cổ phiếu):*  *a) Đối với chứng khoán kinh doanh: Ngân hàng hạch toán vào thu nhập theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp đối với chứng khoán kinh doanh.*  *b) Đối với chứng khoán đầu tư, trừ các loại chứng khoán phải phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro như một khoản cho vay, Ngân hàng hạch toán dự thu đối với số lãi dự kiến thu được.*  *4. Đối với các khoản thu về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ và vàng, Ngân hàng thực hiện ghi nhận theo quy định tại chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật có liên quan.*  *5. Đối với doanh thu từ các hoạt động còn lại: doanh thu là toàn bộ tiền cung ứng hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong kỳ được khách hàng chấp nhận thanh toán không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.*  *6. Đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu nhập”.* | **1. Luật Các TCTD:**  ***- Điều 145. Doanh thu và nguyên tắc ghi nhận doanh thu:***  *“1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của TCTD, CNNHNNg bao gồm:*  *a) Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự;*  *b) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ;*  *c) Thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng;*  *d) Thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, trừ cổ phiếu;*  *đ) Thu từ hoạt động góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần;*  *e) Thu từ hoạt động khác;*  *g) Thu nhập khác theo quy định của pháp luật.*  *2. Các khoản thu của TCTD, CNNHNNg phải được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan, có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ và phải được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.*  *3. Đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào doanh thu nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì TCTD, CNNHNNg phải hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu hồi, xử lý theo quy định của pháp luật; khi thu được thì hạch toán vào doanh thu.*  *4. Đối với doanh thu từ hoạt động cấp tín dụng, TCTD, CNNHNNg có trách nhiệm đánh giá khả năng thu hồi nợ và thực hiện phân loại nợ theo quy định của pháp luật để làm căn cứ hạch toán lãi phải thu và thực hiện hạch toán lãi phải thu từ hoạt động cấp tín dụng vào doanh thu theo quy định của Chính phủ”*. | **Điều 17. Doanh thu và nguyên tắc ghi nhận doanh thu của Ngân hàng Hợp tác xã**  **1. Doanh thu của Ngân hàng Hợp tác xã bao gồm:**  **a) Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự: Thu lãi tiền gửi; thu lãi cho vay gồm thu lãi cho vay đối với các quỹ tín dụng nhân dân thành viên, thu lãi cho vay đối với khách hàng không phải là quỹ tín dụng nhân dân thành viên; thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ; thu từ nghiệp vụ bảo lãnh; thu lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ; thu khác từ hoạt động tín dụng;**  **b) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ: thu từ dịch vụ thanh toán (gồm thu từ cung cấp dịch vụ thẻ, ngân hàng điện tử; thu mở tài khoản thanh toán, cung cấp phương tiện thanh toán cho các quỹ tín dụng nhân dân thành viên và các khách hàng không phải là quỹ tín dụng nhân dân thành viên); thu từ dịch vụ ngân quỹ; thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý; thu từ hoạt động dịch vụ khác gồm thu từ cung ứng dịch vụ tư vấn tài chính, ngân hàng và đầu tư; thu từ cung ứng sản phẩm dịch vụ mới phục vụ cho hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân thành viên và phục vụ phát triển lợi ích cộng đồng trên địa bàn; thu từ hoạt động đại lý trong các lĩnh vực ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm; Thu từ các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.**  **c) Thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, trừ cổ phiếu;**  **d) Thu từ hoạt động khác gồm: thu từ các khoản nợ đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro (bao gồm cả các khoản nợ đã được xóa nay thu được); thu từ nghiệp vụ mua bán nợ; thu từ cho thuê tài sản trừ số tiền thu được từ cho thuê các bất động sản tạm thời nắm giữ được dùng để cấn trừ khoản nợ đã cho vay để xử lý nợ vay theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Các tổ chức tín dụng để thu hồi nợ; thu từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản; thu từ hoàn nhập dự phòng; thu từ các hoạt động kinh doanh ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.**  **d) Thu nhập khác: theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 15 Nghị định này.**  **2. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu đối với các khoản thu của Ngân hàng Hợp tác xã theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này.** | Đưa các nội dung tại Thông tư 19 lên Nghị định. Nội dung về nguyên tắc ghi nhận doanh thu dẫn chiếu đến khoản 2 Điều 15 do tương tự. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Thông tư số 19/2018/TT-BTC)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Không quy định | **1. Thông tư 19 (NH HTX):**  ***- Điều 7. Chi phí***  *“Chi phí của Ngân hàng bao gồm các khoản chi quy định tại Điều 17 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP. Cụ thể:*  *1. Chi phí lãi và các chi phí tương tự:*  *a) Chi trả lãi tiền gửi: Chi trả lãi tiền gửi của các quỹ tín dụng nhân dân thành viên; Chi trả lãi tiền gửi của các khách hàng không phải là quỹ tín dụng nhân dân thành viên.*  *b) Chi trả lãi tiền vay.*  *c) Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá.*  *d) Chi khác cho hoạt động tín dụng.*  *2. Chi phí hoạt động dịch vụ: a) Chi về dịch vụ thanh toán; b) Chi về dịch vụ ngân quỹ; c) Chi về dịch vụ viễn thông; d) Chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý; đ) Chi về dịch vụ tư vấn; e) Chi hoa hồng cho đại lý, môi giới, ủy thác đối với các hoạt động đại lý, môi giới, ủy thác được pháp luật cho phép. Trong đó đối với chi hoa hồng môi giới thực hiện theo quy định sau:*  *- Ngân hàng được chi hoa hồng môi giới đối với hoạt động môi giới được pháp luật cho phép.*  *- Hoa hồng môi giới để chi cho bên thứ ba (làm trung gian), không được áp dụng cho các đối tượng là đại lý của Ngân hàng; các chức danh quản lý, nhân viên của Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).*  *- Việc chi hoa hồng môi giới phải căn cứ vào hợp đồng hoặc giấy xác nhận giữa Ngân hàng và bên nhận hoa hồng môi giới, trong đó phải có các nội dung cơ bản gồm: tên của bên nhận hoa hồng; nội dung chi; mức chi; phương thức thanh toán; thời gian thực hiện và kết thúc; trách nhiệm của các bên.*  *- Đối với khoản chi môi giới để cho thuê tài sản (bao gồm cả tài sản xiết nợ, gán nợ): mức chi môi giới để cho thuê mỗi tài sản của Ngân hàng tối đa không quá 5% tổng số tiền thu được từ hoạt động cho thuê tài sản đó do môi giới mang lại trong năm.*  *- Đối với khoản chi môi giới bán tài sản thế chấp, cầm cố: mức chi hoa hồng môi giới bán mỗi tài sản thế chấp, cầm cố của Ngân hàng không vượt quá 1 % giá trị thực tế thu được từ tiền bán tài sản đó qua môi giới.*  *- Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Ngân hàng ban hành quy chế chi hoa hồng môi giới để áp dụng thống nhất và công khai.*  *3. Chi hoạt động kinh doanh các loại chứng khoán được phép kinh doanh theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.*  *4. Chi hoạt động khác: a) Chi về nghiệp vụ mua bán nợ; b) Chi về hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.*  *5. Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí.*  *6. Chi cho cán bộ, nhân viên: a) Chi tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp; b) Các khoản chi để đóng góp theo lương: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, mua bảo hiểm tai nạn con người, kinh phí công đoàn; c) Chi trang phục giao dịch; d) Chi bảo hộ lao động: chỉ được chi cho các đối tượng cần trang bị bảo hộ lao động trong khi làm việc; đ) Chi trợ cấp; e) Chi ăn ca: Ngân hàng thực hiện chi ăn ca theo mức chi ăn ca quy định đối với doanh nghiệp nhà nước; g) Chi y tế bao gồm: Các khoản chi khám bệnh định kỳ cho người lao động, chi mua thuốc dự phòng và các khoản chi y tế khác thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành; h) Các khoản chi khác bao gồm: Chi tiền nghỉ phép hàng năm, các khoản chi thêm cho lao động nữ theo quy định của pháp luật về lao động và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.*  *7. Chi cho hoạt động quản lý và công vụ:*  *a) Chi về vật liệu, giấy tờ in; công tác phí.*  *b) Chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ bao gồm: Chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho cán bộ của Ngân hàng và chi đào tạo nghiệp vụ ngân hàng, công nghệ thông tin cho các quỹ tín dụng nhân dân thành viên.*  *c) Chi nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ gồm:*  *- Chi trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng quỹ thực hiện theo quy định hiện hành.*  *- Chi cho phần còn thiếu trong trường hợp số dư quỹ phát triển khoa học và công nghệ không đủ để chi cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong năm.*  *d) Chi thưởng sáng kiến, cải tiến, tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm chi phí theo nguyên tắc phù hợp với hiệu quả thực tế đem lại. Ngân hàng phải xây dựng và công bố công khai các quy chế chi thưởng và thành lập Hội đồng để nghiệm thu sáng kiến.*  *đ) Chi bưu phí và điện thoại; chi xuất bản tài liệu, tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại; chi mua tài liệu, sách báo; chi về các hoạt động đoàn thể; chi điện, nước, vệ sinh cơ quan; chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết, giao dịch, đối ngoại; chi tư vấn, kiểm toán; chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước; chi phòng cháy chữa cháy; chi cho công tác bảo vệ môi trường và các khoản chi khác.*  *8. Chi về tài sản: a) Chi khấu hao tài sản cố định sử dụng cho hoạt động kinh doanh thực hiện theo chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định đối với doanh nghiệp; b) Chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản; c) Chi mua sắm công cụ, dụng cụ; d) Chi bảo hiểm tài sản; d) Chi thuê tài sản cố định: Chi phí thuê tài sản cố định được thực hiện theo hợp đồng thuê. Trường hợp trả tiền thuê tài sản một lần cho nhiều năm thì tiền thuê được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm sử dụng tài sản; e) Chi thuê dịch vụ quản lý, vận hành tài sản, tòa nhà thực hiện theo hợp đồng thuê.*  *9. Chi trích lập dự phòng:*  *a) Các khoản dự phòng:*  *- Chi trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động theo quy định tại Điều 131 Luật các tổ chức tín dụng.*  *- Chi trích lập dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành theo quy định tại Điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và khoản 12 Điều 1 Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*53/2013/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/nghi-dinh-53-2013-nd-cp-hoat-dong-cong-ty-quan-ly-tai-san-to-chuc-tin-dung-188947.aspx)*; hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung (nếu có).*  *- Chi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi và các khoản dự phòng khác (nếu có) theo quy định chung áp dụng đối với doanh nghiệp.*  *b) Phần chi phí trích lập dự phòng rủi ro được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.*  *10. Chi bảo toàn và bảo hiểm tiền gửi.*  *11. Các khoản chi phí khác:*  *a) Chi đóng phí hiệp hội các ngành nghề mà Ngân hàng có tham gia.*  *b) Chi cho công tác đảng, đoàn thể tại Ngân hàng (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định).*  *c) Chi nhượng bán, thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có).*  *d) Chi cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa, chi phí thu hồi nợ xấu là các khoản chi cho việc thu hồi nợ bao gồm cả chi trả phí dịch vụ thu hồi nợ cho các tổ chức được phép thực hiện dịch vụ thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, chi phí để thực hiện mua bán nợ.*  *đ) Chi xử lý khoản tổn thất tài sản còn lại sau khi đã bù đắp bằng các nguồn theo quy định tại khoản 4 Điều 12 của Nghị định số 93/2017/NĐ-CP.*  *e) Chi các khoản đã hạch toán doanh thu nhưng thực tế không thu được.*  *g) Chi cho công tác xã hội theo quy định của pháp luật về thuế.*  *h) Chi nộp phạt vi phạm hành chính trừ các khoản tiền phạt mà cá nhân phải nộp phạt theo quy định của pháp luật.*  *i) Các chi phí khác gồm:*  *- Chi các khoản nợ phải trả, đã xác định mất chủ và hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó lại xác định được chủ nợ.*  *- Chi trả tiền phạt, bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế thuộc trách nhiệm của Ngân hàng.*  *- Chi nộp phạt vi phạm hành chính trừ các khoản tiền phạt mà cá nhân phải nộp phạt theo quy định của pháp luật.*  *- Chi án phí, lệ phí thi hành án thuộc trách nhiệm của Ngân hàng.*  *- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật”.*  ***- Điều 8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí của Ngân hàng:***  *“1. Chi phí của Ngân hàng là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.*  *2. Việc xác định chi phí khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.*  *3. Ngân hàng chỉ được hạch toán vào chi phí kinh doanh các khoản chi phí được trừ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Riêng đối với phần chi trích lập dự phòng rủi ro vượt mức quy định được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp do có sự khác biệt giữa quy định về chi trích lập dự phòng rủi ro của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có); chi đóng phí hiệp hội ngành nghề ở nước ngoài mà Ngân hàng tham gia và khoản chi nộp phạt vi phạm hành chính (trừ các khoản tiền phạt vi phạm hành chính mà cá nhân phải nộp phạt theo quy định của pháp luật), Ngân hàng được sử dụng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để bù đắp”.* | **1. Luật Các TCTD:**  ***Điều 146. Chi phí và nguyên tắc ghi nhận chi phí***  *“1. Chi phí của TCTD, CNNHNNg bao gồm:*  *a) Chi phí lãi và các chi phí tương tự;*  *b) Chi phí hoạt động dịch vụ;*  *c) Chi hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng;*  *d) Chi hoạt động kinh doanh các loại chứng khoán được phép kinh doanh theo quy định của Luật này;*  *đ) Chi góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần;*  *e) Chi hoạt động kinh doanh khác;*  *g) Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí;*  *h) Chi cho người quản lý, người điều hành, nhân viên;*  *i) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ;*  *k) Chi về tài sản;*  *l) Chi trích lập dự phòng;*  *m) Chi bảo toàn và bảo hiểm tiền gửi;*  *n) Chi phí khác.*  *2. Chi phí của TCTD, CNNHNNg là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh của TCTD, CNNHNNg; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. TCTD, CNNHNNg không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan.*  *3. Việc xác định chi phí khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”*. | **Điều 18. Chi phí và nguyên tắc ghi nhận chi phí của Ngân hàng Hợp tác xã**  **1. Chi phí của Ngân hàng Hợp tác xã bao gồm:**  **a) Chi phí lãi và các chi phí tương tự: theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định này, trong đó trả lãi tiền gửi gồm trả lãi tiền gửi của các quỹ tín dụng nhân dân thành viên; trả lãi tiền gửi của các khách hàng không phải là quỹ tín dụng nhân dân thành viên;**  **b) Chi phí hoạt động dịch vụ và chi hoạt động kinh doanh các loại chứng khoán: theo quy định tại điểm b, điểm d khoản 2 Điều 16 Nghị định này.**  **c) Chi hoạt động kinh doanh khác: Chi về nghiệp vụ mua bán nợ; chi về hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật;**  **d) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ: theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 16 Nghị định này, trong đó chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ bao gồm: Chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho cán bộ của Ngân hàng và chi đào tạo nghiệp vụ ngân hàng, công nghệ thông tin cho các quỹ tín dụng nhân dân thành viên.**  **đ) Chi nộp Quỹ đảm bảo an toàn hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân theo theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;**  **e) Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí; Chi cho cán bộ, nhân viên; Chi về tài sản; Chi trích lập dự phòng; Chi bảo toàn và bảo hiểm tiền gửi; Chi phí khác: theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.**  **2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí của Ngân hàng Hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Điều 146 Luật Các tổ chức tín dụng.** | Đưa các nội dung tại Thông tư 19 lên Nghị định. Một số nội dung thực hiện chung như các TCTD được dẫn chiếu đến Điều 16 Nghị định này. |

**Mục 3 - DOANH THU, CHI PHÍ CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN**

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Thông tư số 20/2018/TT-BTC)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Không quy định | **1. Thông tư 20 (QTDND):**  ***- Điều 5. Doanh thu:***  *“Các khoản thu của quỹ tín dụng nhân dân phải được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan, có hóa đơn hoặc chứng từ hợp lệ và phải được hạch toán đầy đủ vào doanh thu. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của quỹ tín dụng nhân dân bao gồm các khoản thu sau:*  *1. Thu từ lãi và các khoản thu nhập tương tự:*  *a) Thu lãi tiền gửi;*  *b) Thu lãi cho vay;*  *c) Thu lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ;*  *d) Thu khác từ hoạt động tín dụng.*  *2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ:*  *a) Thu từ dịch vụ thanh toán gồm: Thu từ hoạt động cung ứng dịch vụ chuyển tiền, thực hiện các nghiệp vụ thu hộ, chi hộ cho các thành viên;*  *b) Thu từ dịch vụ ngân quỹ;*  *c) Thu từ việc nhận ủy thác, làm đại lý một số lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*  *d) Thu từ làm đại lý kinh doanh bảo hiểm;*  *đ) Thu từ cung ứng dịch vụ tư vấn về ngân hàng, tài chính cho các thành viên;*  *e) Thu từ hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.*  *3. Thu từ hoạt động góp vốn tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam: Thu lãi từ việc góp vốn vào Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.*  *4. Thu từ các hoạt động khác:*  *a) Thu từ các khoản nợ đã xử lý bằng dự phòng rủi ro (bao gồm cả các khoản nợ đã được xóa nay thu được);*  *b) Thu từ nghiệp vụ mua bán nợ;*  *c) Thu từ việc chuyển nhượng, thanh lý tài sản;*  *d) Thu từ hoàn nhập dự phòng;*  *đ) Thu từ hoạt động khác:*  *- Thu từ cho thuê tài sản trừ số tiền thu từ cho thuê các bất động sản tạm thời nắm giữ do việc xử lý nợ vay theo quy định tại khoản 3 Điều 132 Luật các tổ chức tín dụng để thu hồi nợ;*  *- Thu từ hoạt động khác theo quy định của pháp luật.*  *5. Thu nhập khác:*  *a) Thu các khoản nợ phải trả nay đã mất chủ hoặc không xác định được chủ nợ theo quy định của pháp luật được ghi tăng thu nhập;*  *b) Thu tiền phạt khách hàng, tiền khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng được hạch toán vào thu nhập;*  *c) Thu tiền bảo hiểm được bồi thường được hạch toán vào thu nhập sau khi đã bù đắp khoản tổn thất đã mua bảo hiểm;*  *d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật”.*  ***- Điều 6. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:***  *“Nguyên tắc ghi nhận doanh thu đối với các khoản thu của quỹ tín dụng nhân dân quy định tại Điều 16 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP như sau:*  *1. Việc xác định doanh thu khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.*  *2. Đối với thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự;*  *a) Thu lãi từ hoạt động cấp tín dụng: Quỹ tín dụng nhân dân có trách nhiệm đánh giá khả năng thu hồi nợ và thực hiện phân loại nợ theo đúng quy định của pháp luật ngân hàng để làm căn cứ hạch toán lãi phải thu và thực hiện hạch toán như sau:*  *- Quỹ tín dụng nhân dân hạch toán số lãi phải thu phát sinh trong kỳ vào thu nhập đối với các khoản nợ được phân loại là nợ đủ tiêu chuẩn không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*  *- Số lãi phải thu của các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước và số lãi phải thu phát sinh trong kỳ của các khoản nợ còn lại thì không phải hạch toán thu nhập, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu; khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.*  *b) Thu lãi tiền gửi: là số lãi phải thu trong kỳ.*  *3. Đối với thu lãi góp vốn tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam: là số lãi được chia khi có nghị quyết hoặc quyết định chia của Hội đồng quản trị của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.*  *4. Đối với doanh thu từ các hoạt động còn lại: doanh thu là toàn bộ số tiền cung ứng hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong kỳ được khách hàng chấp nhận thanh toán không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.*  *5. Đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì quỹ tín dụng nhân dân hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu nhập”.* | **1. Luật Các TCTD:**  ***- Điều 145. Doanh thu và nguyên tắc ghi nhận doanh thu:***  *“1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của TCTD, CNNHNNg bao gồm:*  *a) Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự;*  *b) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ;*  *c) Thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng;*  *d) Thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, trừ cổ phiếu;*  *đ) Thu từ hoạt động góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần;*  *e) Thu từ hoạt động khác;*  *g) Thu nhập khác theo quy định của pháp luật.*  *2. Các khoản thu của TCTD, CNNHNNg phải được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan, có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ và phải được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.*  *3. Đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào doanh thu nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì TCTD, CNNHNNg phải hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu hồi, xử lý theo quy định của pháp luật; khi thu được thì hạch toán vào doanh thu.*  *4. Đối với doanh thu từ hoạt động cấp tín dụng, TCTD, CNNHNNg có trách nhiệm đánh giá khả năng thu hồi nợ và thực hiện phân loại nợ theo quy định của pháp luật để làm căn cứ hạch toán lãi phải thu và thực hiện hạch toán lãi phải thu từ hoạt động cấp tín dụng vào doanh thu theo quy định của Chính phủ”*. | **Điều 19. Doanh thu và nguyên tắc ghi nhận doanh thu của quỹ tín dụng nhân dân**  **1. Doanh thu của quỹ tín dụng nhân dân bao gồm:**  **a) Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự: thu lãi tiền gửi; thu lãi cho vay; thu lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ; thu khác từ hoạt động tín dụng;**  **b) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ: thu từ dịch vụ thanh toán (gồm thu từ hoạt động cung ứng dịch vụ chuyển tiền, thực hiện các nghiệp vụ thu hộ, chi hộ cho các thành viên); thu từ dịch vụ ngân quỹ; thu từ việc nhận ủy thác, làm đại lý một số lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; thu từ làm đại lý kinh doanh bảo hiểm; thu từ cung ứng dịch vụ tư vấn về ngân hàng, tài chính cho các thành viên; thu từ hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.**  **c) Thu từ hoạt động góp vốn tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam: thu lãi từ việc góp vốn vào Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam;**  **d) Thu từ hoạt động khác gồm: thu từ các khoản nợ đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro (bao gồm cả các khoản nợ đã được xóa nay thu được); thu từ nghiệp vụ mua bán nợ; thu từ việc chuyển nhượng, thanh lý tài sản; thu từ hoàn nhập dự phòng; thu từ hoạt động khác (gồm thu từ cho thuê tài sản trừ số tiền thu được từ cho thuê các bất động sản tạm thời nắm giữ do việc xử lý nợ vay theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Các tổ chức tín dụng để thu hồi nợ và thu từ hoạt động khác theo quy định của pháp luật);**  **đ) Thu nhập khác theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 15 Nghị định này.**  **2. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu đối với các khoản thu của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này.** | Đưa các nội dung tại Thông tư 20 lên Nghị định. Nội dung về nguyên tắc ghi nhận doanh thu dẫn chiếu đến khoản 2 Điều 15 do tương tự. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Thông tư số 20/2018/TT-BTC)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Không quy định | **1. Thông tư 20 (QTDND):**  ***- Điều 7. Chi phí:***  *“1. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự:*  *a) Chi trả lãi tiền gửi: Chi trả lãi tiền gửi thành viên, tổ chức, cá nhân khác;*  *b) Chi trả lãi tiền vay bao gồm chi cho việc trả lãi vay vốn điều hòa, vay vốn của tổ chức tín dụng khác, tổ chức tài chính khác, chi trả lãi tiền vay Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam;*  *c) Chi khác cho hoạt động tín dụng.*  *2. Chi phí hoạt động dịch vụ:*  *a) Chi về dịch vụ thanh toán: Chi cho hoạt động cung ứng dịch vụ chuyển tiền, thực hiện các nghiệp vụ thu hộ, chi hộ cho các thành viên; chi vận chuyển tiền; chi nghiệp vụ kho quỹ;*  *b) Chi về dịch vụ ngân quỹ*  *c) Chi về dịch vụ viễn thông;*  *d) Chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý;*  *đ) Chi cho dịch vụ tư vấn;*  *e) Chi hoa hồng môi giới:*  *- Quỹ tín dụng nhân dân được chi hoa hồng môi giới đối với các hoạt động môi giới được pháp luật cho phép.*  *- Hoa hồng môi giới để chi cho bên thứ ba (làm trung gian), không được áp dụng cho các đối tượng là đại lý của quỹ tín dụng nhân dân; các chức danh quản lý, nhân viên của quỹ tín dụng nhân dân và người có liên quan của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).*  *- Việc chi hoa hồng môi giới phải căn cứ vào hợp đồng hoặc giấy xác nhận giữa quỹ tín dụng nhân dân và bên nhận hoa hồng môi giới, trong đó phải có các nội dung cơ bản gồm: tên của bên nhận hoa hồng; nội dung chi; mức chi; phương thức thanh toán; thời gian thực hiện và kết thúc; trách nhiệm của các bên.*  *- Đối với khoản chi môi giới để cho thuê tài sản (bao gồm cả tài sản xiết nợ, gán nợ): mức chi môi giới để cho thuê mỗi tài sản của quỹ tín dụng nhân dân tối đa không quá 5% tổng số tiền thu được từ hoạt động cho thuê tài sản đó do môi giới mang lại trong năm.*  *- Đối với khoản chi môi giới bán tài sản thế chấp, cầm cố: mức chi hoa hồng môi giới bán mỗi tài sản thế chấp, cầm cố của quỹ tín dụng nhân dân không vượt quá 1% giá trị thực tế thu được từ tiền bán tài sản đó qua môi giới.*  *- Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân ban hành quy chế chi hoa hồng môi giới để áp dụng thống nhất và công khai.*  *3. Chi góp vốn: Các chi phí phát sinh khi thực hiện góp vốn vào Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.*  *4. Chi hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật:*  *a) Chi về nghiệp vụ mua bán nợ;*  *b) Chi hoạt động kinh doanh khác.*  *5. Chi nộp thuế, các khoản phí, lệ phí.*  *6. Chi cho nhân viên theo quy định của pháp luật, bao gồm:*  *a) Chi tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các khoản có tính chất lương cho cán bộ, nhân viên làm việc tại quỹ tín dụng nhân dân:*  *- Chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp cho thành viên chuyên trách của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Mức chi do Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân quyết định trên cơ sở nghị quyết của Đại hội thành viên.*  *- Chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp trả cho cán bộ, nhân viên của quỹ tín dụng nhân dân căn cứ theo hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể.*  *b) Chi các khoản đóng góp theo lương: Chi nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn;*  *c) Chi trang phục giao dịch cho cán bộ nhân viên (nếu có);*  *d) Chi bảo hộ lao động: chỉ được chi cho những đối tượng cần trang bị bảo hộ lao động trong khi làm việc;*  *đ) Chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo quy định của pháp luật lao động;*  *e) Chi mua bảo hiểm tai nạn con người;*  *g) Chi ăn ca;*  *h) Chi y tế bao gồm các khoản chi khám bệnh định kỳ cho người lao động, chi mua thuốc dự phòng và các khoản chi y tế khác thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành;*  *i) Các khoản chi khác cho người lao động theo quy định của pháp luật:*  *- Chi tiền nghỉ phép hàng năm, các khoản chi thêm cho lao động nữ theo quy định của pháp luật về lao động;*  *- Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.*  *7. Chi cho hoạt động quản lý, công vụ bao gồm các khoản chi sau:*  *a) Chi vật liệu giấy tờ in;*  *b) Chi công tác phí;*  *c) Chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ theo quy định của pháp luật;*  *d) Chi nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ gồm:*  *- Chi trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành;*  *- Chi cho phần còn thiếu trong trường hợp số dư quỹ phát triển khoa học và công nghệ không đủ để chi cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong năm.*  *đ) Chi thưởng sáng kiến cải tiến, tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm chi phí theo nguyên tắc phù hợp với hiệu quả thực tế đem lại; quỹ tín dụng nhân dân phải xây dựng và công bố công khai các quy chế chi thưởng và thành lập hội đồng để nghiệm thu sáng kiến;*  *e) Chi bưu phí và điện thoại;*  *g) Chi xuất bản tài liệu, công tác tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại;*  *h) Chi mua tài liệu, sách báo;*  *i) Chi về các hoạt động đoàn thể;*  *k) Chi điện, nước, vệ sinh cơ quan;*  *l) Chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết, giao dịch đối ngoại;*  *m) Chi thuê tư vấn, kiểm toán; chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước;*  *n) Chi phòng cháy chữa cháy;*  *o) Chi cho công tác bảo vệ môi trường. Nếu số chi trong năm lớn và có tác dụng trong nhiều năm thì được phân bổ cho các năm sau;*  *p) Chi hoạt động quản lý, công vụ khác:*  *- Chi xây dựng, phát triển và ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ mới do Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam cung cấp;*  *- Chi bảo vệ cơ quan; chi cho công tác dân quân tự vệ, quốc phòng, an ninh;*  *- Chi khác theo quy định của pháp luật.*  *8. Chi về tài sản:*  *a) Chi khấu hao tài sản cố định sử dụng cho hoạt động kinh doanh thực hiện theo chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định đối với doanh nghiệp;*  *b) Chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản;*  *c) Chi mua sắm, sửa chữa công cụ, dụng cụ;*  *d) Chi bảo hiểm tài sản;*  *đ) Chi thuê tài sản cố định: Chi phí thuê tài sản cố định được thực hiện theo hợp đồng thuê. Trường hợp trả tiền thuê tài sản một lần cho nhiều năm thì tiền thuê được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm sử dụng tài sản.*  *e) Chi thuê dịch vụ quản lý, vận hành tài sản, tòa nhà thực hiện theo hợp đồng thuê;*  *g) Chi khác về tài sản.*  *9. Chi trích lập dự phòng:*  *a) Chi trích lập dự phòng bao gồm:*  *- Chi trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động theo quy định tại Điều 131 Luật các tổ chức tín dụng;*  *- Chi trích lập dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và khoản 12 Điều 1 Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*53/2013/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/nghi-dinh-53-2013-nd-cp-hoat-dong-cong-ty-quan-ly-tai-san-to-chuc-tin-dung-188947.aspx)*; hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung (nếu có);*  *- Chi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi và các khoản dự phòng khác (nếu có) theo quy định chung áp dụng đối với doanh nghiệp.*  *b) Phần chi phí trích lập dự phòng rủi ro được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.*  *10. Chi bảo toàn và bảo hiểm tiền gửi:*  *a) Chi bảo hiểm tiền gửi: chi đóng phí bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.*  *b) Chi bảo toàn tiền gửi: chi đóng Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.*  *11. Chi khác:*  *a) Chi đóng phí hiệp hội ngành nghề mà quỹ tín dụng nhân dân tham gia theo mức phí do các hiệp hội này quy định;*  *b) Chi cho công tác đảng, đoàn thể tại quỹ tín dụng nhân dân (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định);*  *c) Chi nhượng bán, thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có);*  *d) Chi cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa, chi phí thu hồi nợ xấu là các khoản chi cho việc thu hồi nợ bao gồm cả chi phí để thực hiện mua bán nợ và chi trả phí dịch vụ thu hồi nợ cho các tổ chức được phép thực hiện dịch vụ thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;*  *đ) Chi xử lý khoản tổn thất tài sản còn lại: Quỹ tín dụng nhân hạch toán vào chi phí giá trị tổn thất còn lại sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, tổ chức bảo hiểm; sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí; sử dụng quỹ dự phòng tài chính của quỹ tín dụng nhân dân;*  *e) Chi các khoản đã hạch toán doanh thu nhưng thực tế không thu được;*  *g) Chi công tác xã hội theo quy định của pháp luật về thuế;*  *h) Chi nộp phạt vi phạm hành chính trừ các khoản nộp phạt mà cá nhân phải nộp theo quy định của pháp luật;*  *i) Chi khác:*  *- Chi các khoản nợ phải trả, đã xác định mất chủ và hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó lại xác định được chủ nợ;*  *- Chi trả tiền phạt, bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế thuộc trách nhiệm của quỹ tín dụng nhân dân;*  *- Chi án phí, lệ phí thi hành án thuộc trách nhiệm của quỹ tín dụng nhân dân;*  *- Chi khác theo quy định của pháp luật”.*  ***- Điều 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí:***  *“1. Việc xác định chi phí khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.*  *2. Chi phí của quỹ tín dụng nhân dân là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh của quỹ tín dụng nhân dân; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Quỹ tín dụng nhân dân không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan”.* | **1. Luật Các TCTD:**  ***Điều 146. Chi phí và nguyên tắc ghi nhận chi phí***  *“1. Chi phí của TCTD, CNNHNNg bao gồm:*  *a) Chi phí lãi và các chi phí tương tự;*  *b) Chi phí hoạt động dịch vụ;*  *c) Chi hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng;*  *d) Chi hoạt động kinh doanh các loại chứng khoán được phép kinh doanh theo quy định của Luật này;*  *đ) Chi góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần;*  *e) Chi hoạt động kinh doanh khác;*  *g) Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí;*  *h) Chi cho người quản lý, người điều hành, nhân viên;*  *i) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ;*  *k) Chi về tài sản;*  *l) Chi trích lập dự phòng;*  *m) Chi bảo toàn và bảo hiểm tiền gửi;*  *n) Chi phí khác.*  *2. Chi phí của TCTD, CNNHNNg là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh của TCTD, CNNHNNg; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. TCTD, CNNHNNg không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan.*  *3. Việc xác định chi phí khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”*. | **Điều 20. Chi phí và nguyên tắc ghi nhận chi phí của quỹ tín dụng nhân dân1. Chi phí của quỹ tín dụng nhân dân bao gồm:**  **a) Chi phí lãi và các chi phí tương tự: chi trả lãi tiền gửi gồm chi trả lãi tiền gửi của thành viên; chi trả lãi tiền gửi của các tổ chức, cá nhân khác; trả lãi tiền vay gồm trả lãi vay vốn điều hòa, vay vốn của tổ chức tín dụng khác, tổ chức tài chính khác, trả lãi tiền vay Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam; chi khác cho hoạt động tín dụng;**  **b) Chi phí hoạt động dịch vụ: theo quy định tại Điều 16 Nghị định này, trong đó chi về dịch vụ thanh toán gồm chi cho hoạt động cung ứng dịch vụ chuyển tiền, thực hiện các nghiệp vụ thu hộ, chi hộ cho các thành viên; chi vận chuyển tiền; chi nghiệp vụ kho quỹ;**  **c) Chi góp vốn: các chi phí phát sinh khi thực hiện góp vốn vào Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.**  **d) Chi hoạt động kinh doanh khác: chi về nghiệp vụ mua bán nợ; chi về hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật;**  **đ) Chi cho nhân viên theo quy định của pháp luật, bao gồm:**  **- Chi tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các khoản có tính chất lương cho cán bộ, nhân viên làm việc tại quỹ tín dụng nhân dân: chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp cho thành viên chuyên trách của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát với mức chi do Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân quyết định trên cơ sở nghị quyết của Đại hội thành viên; chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp trả cho cán bộ, nhân viên của quỹ tín dụng nhân dân căn cứ theo hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể.**  **- Các khoản chi để đóng góp theo lương: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn;**  **- Chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo quy định của pháp luật lao động;**  **- Chi trang phục giao dịch cho cán bộ nhân viên (nếu có); chi bảo hộ lao động; chi mua bảo hiểm tai nạn con người; chi ăn ca; chi y tế; các khoản chi khác: theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.**  **e) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ: theo quy định tại Điều 16 Nghị định này, trong đó chi cho công tác bảo vệ môi trường; nếu số chi trong năm lớn và có tác dụng trong nhiều năm thì được phân bổ cho các năm sau.**  **g) Chi nộp Quỹ đảm bảo an toàn hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân theo theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;**  **h) Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí; chi về tài sản; chi trích lập dự phòng; chi phí khác: theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.**  **2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 146 Luật Các tổ chức tín dụng.** | Đưa các nội dung tại Thông tư 20 lên Nghị định. Một số nội dung thực hiện chung như các TCTD được dẫn chiếu đến Điều 16 Nghị định này. |

**Mục 4 - DOANH THU, CHI PHÍ CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Thông tư số 18/2018/TT-BTC)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Không quy định | **1. Thông tư 18 (TCTC vi mô):**  ***- Điều 5. Doanh thu:***  *“Doanh thu của tổ chức tài chính vi mô bao gồm các Khoản thu quy định tại Điều 16 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP, cụ thể:*  *1. Thu từ lãi và các Khoản thu nhập tương tự, bao gồm:*  *a) Thu lãi tiền gửi;*  *b) Thu lãi cho vay;*  *c) Thu lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ;*  *d) Thu khác từ hoạt động tín dụng theo quy định của pháp luật.*  *2. Thu từ hoạt động dịch vụ bao gồm:*  *a) Thu từ dịch vụ thanh toán;*  *b) Thu từ dịch vụ ngân quỹ;*  *c) Thu từ cung ứng dịch vụ thu hộ, chi hộ và chuyển tiền cho khách hàng tài chính vi mô;*  *d) Thu từ dịch vụ nhận ủy thác cho vay vốn;*  *d) Thu từ dịch vụ tư vấn tài chính liên quan đến lĩnh vực hoạt động tài chính vi mô;*  *e) Thu từ đại lý cung ứng dịch vụ bảo hiểm;*  *g) Thu từ hoạt động dịch vụ khác gồm:*  *- Thu từ cung ứng dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;*  *- Thu từ cung ứng sản phẩm phục vụ phát triển lợi ích cộng đồng;*  *- Thu từ các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.*  *3. Thu từ chênh lệch tỷ giá theo quy định tại chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.*  *4. Thu từ hoạt động khác gồm:*  *a) Thu từ các Khoản nợ đã được xử lý bằng dự phòng rủi ro (bao gồm cả các Khoản nợ đã được xóa nay thu hồi được);*  *b) Thu từ nghiệp vụ mua bán nợ;*  *c) Thu từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản;*  *d) Thu hoàn nhập dự phòng;*  *đ) Thu từ hoạt động khác theo quy định của pháp luật, bao gồm:*  *- Thu từ cho thuê tài sản trừ số tiền thu từ cho thuê các bất động sản tạm thời nắm giữ do việc xử lý nợ vay theo quy định tại Khoản 3 Điều 132 Luật các tổ chức tín dụng để thu hồi nợ;*  *- Thu từ hoạt động khác.*  *5. Thu nhập khác:*  *a) Thu các Khoản nợ phải trả nay đã mất chủ hoặc không xác định được chủ nợ được ghi tăng thu nhập;*  *b) Thu tiền phạt khách hàng, tiền khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng được hạch toán vào thu nhập;*  *c) Thu tiền do bảo hiểm bồi thường được hạch toán vào thu nhập sau khi đã bù đắp Khoản tổn thất đã mua bảo hiểm;*  *d) Thu từ nhận tài trợ không hoàn lại cho tổ chức tài chính vi mô để thực hiện các Chương trình phát triển, các hoạt động của tổ chức tài chính vi mô;*  *đ) Thu các Khoản thuế đã nộp nay được giảm, được hoàn lại (nếu có);*  *e) Các Khoản thu khác theo quy định của pháp luật”.*  ***- Điều 6. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:***  *“1. Việc xác định doanh thu khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.*  *2. Đối với thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự:*  *a) Thu lãi từ hoạt động cấp tín dụng: Tổ chức tài chính vi mô có trách nhiệm đánh giá khả năng thu hồi nợ và thực hiện phân loại nợ theo đúng quy định của pháp luật về ngân hàng để làm căn cứ hạch toán lãi phải thu và thực hiện hạch toán như sau:*  *- Tổ chức tài chính vi mô hạch toán số lãi phải thu phát sinh trong kỳ vào thu nhập đối với các Khoản nợ được phân loại là nợ đủ tiêu chuẩn không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*  *- Số lãi phải thu của các Khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước và số lãi phải thu phát sinh trong kỳ của các Khoản nợ còn lại thì không phải hạch toán thu nhập, tổ chức tài chính vi mô theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.*  *b) Thu lãi tiền gửi: là số lãi phải thu từ tiền gửi trong kỳ.*  *3. Thu từ nhận tài trợ không hoàn lại cho tổ chức tài chính vi mô để thực hiện các Chương trình phát triển, các hoạt động của tổ chức tài chính vi mô: là số tiền thực tế thu được tại thời điểm nhận tài trợ.*  *4. Đối với các Khoản thu về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ và vàng, tổ chức tài chính vi mô thực hiện ghi nhận theo quy định tại chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật có liên quan.*  *5. Đối với doanh thu từ các hoạt động còn lại: doanh thu là toàn bộ tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung ứng dịch vụ phát sinh trong kỳ được khách hàng chấp nhận thanh toán không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.*  *6. Đối với các Khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì tổ chức tài chính vi mô hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu nhập”.* | **1. Luật Các TCTD:**  ***- Điều 145. Doanh thu và nguyên tắc ghi nhận doanh thu:***  *“1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của TCTD, CNNHNNg bao gồm:*  *a) Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự;*  *b) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ;*  *c) Thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng;*  *d) Thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, trừ cổ phiếu;*  *đ) Thu từ hoạt động góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần;*  *e) Thu từ hoạt động khác;*  *g) Thu nhập khác theo quy định của pháp luật.*  *2. Các khoản thu của TCTD, CNNHNNg phải được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan, có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ và phải được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.*  *3. Đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào doanh thu nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì TCTD, CNNHNNg phải hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu hồi, xử lý theo quy định của pháp luật; khi thu được thì hạch toán vào doanh thu.*  *4. Đối với doanh thu từ hoạt động cấp tín dụng, TCTD, CNNHNNg có trách nhiệm đánh giá khả năng thu hồi nợ và thực hiện phân loại nợ theo quy định của pháp luật để làm căn cứ hạch toán lãi phải thu và thực hiện hạch toán lãi phải thu từ hoạt động cấp tín dụng vào doanh thu theo quy định của Chính phủ”*. | **Điều 21. Doanh thu và nguyên tắc ghi nhận doanh thu của tổ chức tài chính vi mô**  **1. Doanh thu của tổ chức tài chính vi mô bao gồm:**  **a) Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự: thu lãi tiền gửi; thu lãi cho vay; thu lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ; thu khác từ hoạt động tín dụng theo quy định của pháp luật;**  **b) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ: thu từ dịch vụ thanh toán; thu từ dịch vụ ngân quỹ; thu từ cung ứng dịch vụ thu hộ, chi hộ và chuyển tiền cho khách hàng tài chính vi mô; thu từ dịch vụ nhận ủy thác cho vay vốn; thu từ dịch vụ tư vấn tài chính liên quan đến lĩnh vực hoạt động tài chính vi mô; thu từ làm đại lý cung ứng dịch vụ bảo hiểm; thu từ cung ứng dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; thu từ cung ứng sản phẩm phục vụ phát triển lợi ích cộng đồng; thu từ hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.**  **c) Thu từ chênh lệch tỷ giá theo quy định tại chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.**  **d) Thu từ hoạt động khác gồm: thu từ các khoản nợ đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro (bao gồm cả các khoản nợ đã được xóa nay thu được); thu từ nghiệp vụ mua bán nợ; thu từ việc chuyển nhượng, thanh lý tài sản; thu từ hoàn nhập dự phòng; thu từ hoạt động khác (gồm thu từ cho thuê tài sản trừ số tiền thu được từ cho thuê các bất động sản tạm thời nắm giữ do việc xử lý nợ vay theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Các tổ chức tín dụng để thu hồi nợ và thu từ hoạt động khác theo quy định của pháp luật);**  **đ) Thu nhập khác theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 15 Nghị định này, trong đó các khoản thu khác gồm: thu từ nhận tài trợ không hoàn lại cho tổ chức tài chính vi mô để thực hiện các Chương trình phát triển, các hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; thu các khoản thuế đã nộp nay được giảm, được hoàn lại (nếu có); các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.**  **2. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu đối với các khoản thu của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này.** | Đưa các nội dung tại Thông tư 18 lên Nghị định. Nội dung về nguyên tắc ghi nhận doanh thu dẫn chiếu đến khoản 2 Điều 15 do tương tự. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Thông tư số 18/2018/TT-BTC)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Không quy định | **1. Thông tư 18 (TCTC vi mô):**  ***- Điều 7. Chi phí:***  *“Chi phí của tổ chức tài chính vi mô bao gồm các khoản chi quy định tại Điều 17 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:*  *1. Chi phí trả lãi và các khoản chi phí tương tự:*  *a) Chi trả lãi tiền gửi; tiền gửi tiết kiệm bắt buộc; chi trả lãi tiền gửi khác;*  *b) Chi trả lãi tiền vay;*  *c) Chi khác cho hoạt động tín dụng.*  *2. Chi phí hoạt động dịch vụ:*  *a) Chi cho dịch vụ thu hộ, chi hộ và chuyển tiền cho khách hàng tài chính vi mô;*  *b) Chi dịch vụ viễn thông;*  *c) Chi trả phí ủy thác cho vay vốn;*  *d) Chi cho dịch vụ tư vấn tài chính liên quan đến lĩnh vực hoạt động tài chính vi mô;*  *đ) Chi hoa hồng cho đại lý, môi giới, ủy thác đối với các hoạt động đại lý môi giới, ủy thác được phép. Trong đó, đối với chi hoa hồng môi giới thực hiện theo quy định sau:*  *- Tổ chức tài chính vi mô được chi hoa hồng môi giới đối với hoạt động môi giới được pháp luật cho phép;*  *- Hoa hồng môi giới để chi cho bên thứ ba (làm trung gian), không được áp dụng cho các đối tượng là đại lý của tổ chức tài chính vi mô; các chức danh quản lý, nhân viên của tổ chức tài chính vi mô và người có liên quan của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).*  *- Việc chi hoa hồng môi giới phải căn cứ vào hợp đồng hoặc giấy xác nhận giữa tổ chức tài chính vi mô và bên nhận hoa hồng môi giới, trong đó phải có các nội dung cơ bản: tên của bên nhận hoa hồng; nội dung chi; mức chi; phương thức thanh toán; thời gian thực hiện và kết thúc; trách nhiệm của các bên;*  *- Đối với khoản chi môi giới để cho thuê tài sản (bao gồm cả tài sản xiết nợ, gán nợ): mức chi môi giới để cho thuê mỗi tài sản của tổ chức tài chính vi mô tối đa không quá 5% tổng số tiền thu được từ hoạt động cho thuê tài sản đó do môi giới mang lại trong năm;*  *- Đối với khoản chi môi giới bán tài sản thế chấp, cầm cố: mức chi hoa hồng môi giới bán mỗi tài sản thế chấp, cầm cố của tổ chức tài chính vi mô không vượt quá 1% giá trị thực tế thu được từ tiền bán tài sản đó qua môi giới;*  *- Tổ chức tài chính vi mô xây dựng quy chế chi hoa hồng môi giới áp dụng thống nhất và công khai trong đơn vị. Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) phê duyệt quy chế chi hoa hồng môi giới.*  *e) Chi cho hoạt động làm đại lý cung ứng dịch vụ bảo hiểm.*  *3. Chi chênh lệch tỷ giá theo quy định tại chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.*  *4. Chi hoạt động khác*  *a) Chi về nghiệp vụ mua bán nợ;*  *b) Chi hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.*  *5. Chi nộp các khoản thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.*  *6. Chi cho cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật, bao gồm các Khoản:*  *a) Chi tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất lương, bao gồm:*  *- Chi phí tiền lương cho thành viên chuyên trách của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc; chi phụ cấp cho thành viên bán chuyên trách Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát;*  *- Chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp trả cho cán bộ nhân viên của tổ chức tài chính vi mô căn cứ theo hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể.*  *b) Chi các khoản đóng góp theo lương: Chi nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn;*  *c) Chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo quy định của pháp luật về lao động;*  *d) Chi mua bảo hiểm tai nạn con người;*  *đ) Chi bảo hộ lao động đối với những đối tượng cần trang bị bảo hộ lao động trong khi làm việc;*  *e) Chi trang phục giao dịch cho cán bộ nhân viên làm việc trong tổ chức tài chính vi mô theo chế độ quy định;*  *g) Chi ăn ca: Đối với tổ chức vi mô do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lộ thực hiện chi ăn ca theo quy định đối với doanh nghiệp nhà nước;*  *h) Chi y tế bao gồm các Khoản chi khám bệnh định kỳ cho người lao động, chi mua thuốc dự phòng và các khoản chi y tế khác thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành;*  *i) Các khoản chi khác cho người lao động theo quy định của pháp luật:*  *- Chi theo chế độ quy định đối với lao động nữ;*  *- Chi tiền nghỉ phép hàng năm theo quy định của pháp luật;*  *- Các khoản chi khác.*  *7. Chi cho hoạt động quản lý, công vụ:*  *a) Chi vật liệu, giấy tờ in;*  *b) Chi công tác phí;*  *c) Chi huấn luyện, đào tạo tăng cường năng lực cho cán bộ, nhân viên bao gồm cả chi đào tạo cộng tác viên và khách hàng thuộc phạm vi hoạt động tài chính vi mô;*  *d) Chi nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ gồm:*  *- Chi trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng quỹ thực hiện theo quy định hiện hành;*  *- Chi cho Phần còn thiếu trong trường hợp số dư quỹ phát triển khoa học và công nghệ không đủ để chi cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong năm.*  *đ) Chi thưởng sáng kiến cải tiến, tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm chi phí: theo nguyên tắc phù hợp với hiệu quả thực tế đem lại; tổ chức tài chính vi mô phải xây dựng và công bố công khai các quy chế chi thưởng sáng kiến và thành lập Hội đồng để nghiệm thu sáng kiến;*  *e) Chi bưu phí và điện thoại;*  *g) Chi xuất bản tài liệu, công tác tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại;*  *h) Chi mua tài liệu, sách báo;*  *i) Chi trả tiền điện, tiền nước, vệ sinh văn phòng;*  *k) Chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết, giao dịch đối ngoại;*  *l) Chi thuê tư vấn, chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước;*  *m) Chi kiểm toán;*  *n) Chi phòng cháy chữa cháy;*  *o) Chi cho công tác bảo vệ môi trường. Nếu số chi trong năm lớn và có tác dụng trong nhiều năm thì được phân bổ cho các năm sau.*  *p) Chi khác:*  *- Chi bảo vệ cơ quan; chi an ninh, quốc phòng;*  *- Chi khác theo quy định của pháp luật.*  *8. Chi cho tài sản:*  *a) Chi khấu hao tài sản cố định sử dụng cho hoạt động kinh doanh thực hiện theo chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định đối với doanh nghiệp;*  *b) Chi thuê tài sản cố định: Chi phí thuê tài sản cố định được thực hiện theo hợp đồng thuê. Trường hợp trả tiền thuê tài sản một lần cho nhiều năm thì tiền thuê được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm sử dụng tài sản;*  *c) Chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định;*  *d) Chi mua sắm, sửa chữa công cụ dụng cụ;*  *đ) Chi bảo hiểm tài sản;*  *c) Chi khác về tài sản theo quy định của pháp luật.*  *9. Chi trích lập dự phòng:*  *a) Chi trích lập dự phòng bao gồm:*  *- Chi trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động theo quy định tại Điều 131 Luật các tổ chức tín dụng;*  *- Chi trích lập dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số*[*53/2013/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/nghi-dinh-53-2013-nd-cp-hoat-dong-cong-ty-quan-ly-tai-san-to-chuc-tin-dung-188947.aspx)*; hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung (nếu có);*  *- Chi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các Khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi và các Khoản dự phòng khác (nếu có) theo quy định chung áp dụng đối với doanh nghiệp.*  *b) Phần chi phí trích lập dự phòng rủi ro được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.*  *10. Chi phí tham gia tổ chức bảo toàn và bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.*  *11. Chi khác:*  *a) Chi đóng phí hiệp hội ngành nghề mà tổ chức tài chính vi mô tham gia theo mức phí do các hiệp hội này quy định;*  *b) Chi cho công tác đảng, đoàn thể tại tổ chức tài chính vi mô (Phần chi ngoài kinh phí của tổ chức đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định);*  *c) Chi nhượng bán, thanh lý tài sản (nếu có) bao gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định được thanh lý, nhượng bán;*  *d) Chi cho việc thu hồi các Khoản nợ đã xóa, chi phí thu hồi nợ xấu là các Khoản chi cho việc thu hồi nợ bao gồm cả chi trả phí dịch vụ thu hồi nợ cho các tổ chức được phép thực hiện dịch vụ thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, chi phí để thực hiện mua bán nợ;*  *đ) Chi xử lý Khoản tổn thất tài sản còn lại: tổ chức tài chính vi mô hạch toán vào chi phí giá trị tổn thất còn lại sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, tổ chức bảo hiểm; sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí; sử dụng quỹ dự phòng tài chính của tổ chức tài chính vi mô;*  *c) Chi các khoản đã hạch toán doanh thu nhưng thực tế không thu được;*  *g) Chi công tác xã hội theo quy định của pháp luật về thuế;*  *h) Chi nộp phạt vi phạm hành chính trừ các Khoản nộp phạt mà cá nhân phải nộp theo quy định của pháp luật;*  *i) Chi khác:*  *- Chi các Khoản nợ phải trả, đã xác định mất chủ và hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó lại xác định được chủ nợ;*  *- Chi trả tiền phạt, bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế thuộc trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô;*  *- Chi án phí, lệ phí thi hành án thuộc trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô;*  *- Chi phát triển cộng đồng theo quy định của pháp luật;*  *- Chi khác theo quy định của pháp luật”.*  ***- Điều 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí:***  *“1. Chi phí của tổ chức tài chính vi mô là các Khoản chi phí phải chi thực tế phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính vi mô.*  *2. Các chi phí được ghi nhận vào chi phí kinh doanh của tổ chức tài chính vi mô phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí và có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật. Tổ chức tài chính vi mô không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.*  *3. Việc xác định chi phí khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.*  *4. Đối với tổ chức tài chính vi mô do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ chỉ được hạch toán vào chi phí kinh doanh các khoản chi phí được trừ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Riêng đối với Phần chi trích lập dự phòng rủi ro vượt mức quy định được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp do có sự khác biệt giữa quy định về chi trích lập dự phòng rủi ro của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có) và Khoản chi nộp phạt vi phạm hành chính (trừ các Khoản tiền phạt vi phạm hành chính mà cá nhân phải nộp phạt theo quy định của pháp luật) tổ chức tài chính vi mô do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ được sử dụng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để bù đắp”.* | **1. Luật Các TCTD:**  ***Điều 146. Chi phí và nguyên tắc ghi nhận chi phí***  *“1. Chi phí của TCTD, CNNHNNg bao gồm:*  *a) Chi phí lãi và các chi phí tương tự;*  *b) Chi phí hoạt động dịch vụ;*  *c) Chi hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng;*  *d) Chi hoạt động kinh doanh các loại chứng khoán được phép kinh doanh theo quy định của Luật này;*  *đ) Chi góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần;*  *e) Chi hoạt động kinh doanh khác;*  *g) Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí;*  *h) Chi cho người quản lý, người điều hành, nhân viên;*  *i) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ;*  *k) Chi về tài sản;*  *l) Chi trích lập dự phòng;*  *m) Chi bảo toàn và bảo hiểm tiền gửi;*  *n) Chi phí khác.*  *2. Chi phí của TCTD, CNNHNNg là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh của TCTD, CNNHNNg; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. TCTD, CNNHNNg không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan.*  *3. Việc xác định chi phí khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”*. | **Điều 22. Chi phí và nguyên tắc ghi nhận chi phí của tổ chức tài chính vi mô**  **1. Chi phí của của tổ chức tài chính vi mô bao gồm:**  **a) Chi phí lãi và các chi phí tương tự: trả lãi tiền gửi; tiền gửi tiết kiệm bắt buộc; chi trả lãi tiền gửi khác; trả lãi tiền vay; chi khác cho hoạt động tín dụng;**  **b) Chi phí hoạt động dịch vụ: chi cho dịch vụ thu hộ, chi hộ và chuyển tiền cho khách hàng tài chính vi mô; chi về dịch vụ viễn thông; chi trả phí ủy thác cho vay vốn; chi cho dịch vụ tư vấn tài chính liên quan đến lĩnh vực hoạt động tài chính vi mô; chi cho hoạt động làm đại lý cung ứng dịch vụ bảo hiểm; chi hoa hồng cho đại lý, môi giới, ủy thác theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định này.**  **c)  Chi chênh lệch tỷ giá theo quy định tại chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành;**  **d) Chi hoạt động kinh doanh khác: chi về nghiệp vụ mua bán nợ; chi hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật;**  **đ) Chi cho cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật: chi tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất lương (bao gồm: chi phí tiền lương cho thành viên chuyên trách của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc; chi phụ cấp cho thành viên bán chuyên trách Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp trả cho cán bộ nhân viên của tổ chức tài chính vi mô căn cứ theo hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể); các khoản chi để đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, mua bảo hiểm tai nạn con người, kinh phí công đoàn); chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; chi ăn ca; chi trang phục giao dịch cho cán bộ nhân viên làm việc trong tổ chức tài chính vi mô; chi bảo hộ lao động; chi y tế; các khoản chi khác: theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.**  **đ) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ: theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 16 Nghị định này, trong đó: chi huấn luyện, đào tạo tăng cường năng lực cho cán bộ, nhân viên bao gồm cả chi đào tạo cộng tác viên và khách hàng thuộc phạm vi hoạt động tài chính vi mô; chi cho công tác bảo vệ môi trường; nếu số chi trong năm lớn và có tác dụng trong nhiều năm thì được phân bổ cho các năm sau; chi khác gồm chi bảo vệ cơ quan; chi an ninh, quốc phòng; chi khác theo quy định của pháp luật.**  **e) Chi bảo toàn và bảo hiểm tiền gửi; chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí; chi về tài sản; Chi trích lập dự phòng; Chi phí khác (gồm cả chi phát triển cộng đồng theo quy định của pháp luật): theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.**  **2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí của tổ chức tài chính vi mô thực hiện theo quy định tại Điều 146 Luật Các tổ chức tín dụng.** | Đưa các nội dung tại Thông tư 18 lên Nghị định. Một số nội dung thực hiện chung như các TCTD được dẫn chiếu đến Điều 16 Nghị định này. |

**Chương IV -** **PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 20.** **Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp**  Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. |  | **Không có quy định** | **Điều 23. Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp**  **Doanh thu, chi phí,** thu nhập tính thuế**và các nội dung khác liên quan cho mục đích tính thuế** thu nhập doanh nghiệp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. | Bổ sung quy định để đảm bảo phân định rõ ràng giữa doanh thu, chi phí tài chính với doanh thu, chi phí, thu nhập tính thuế cho mục đích tính thuế. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD, Luật 69, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 21.** **Phân phối lợi nhuận đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ**  Lợi nhuận của tổ chức tín dụng sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của [Luật thuế thu nhập doanh nghiệp](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-2008-66935.aspx" \t "_blank), nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:  1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).  2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.  3. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự sau:  a) Trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng;  b) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính;  c) Trích tối đa 25% vào quỹ đầu tư phát triển;  d) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong tổ chức tín dụng:  Tổ chức tín dụng xếp loại A theo quy định pháp luật được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;  Tổ chức tín dụng xếp loại B theo quy định pháp luật được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;  Tổ chức tín dụng xếp loại C theo quy định pháp luật được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;  Tổ chức tín dụng không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.  đ) Trích quỹ thưởng người quản lý tổ chức tín dụng, kiểm soát viên:  Tổ chức tín dụng xếp loại A theo quy định pháp luật được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;  Tổ chức tín dụng xếp loại B theo quy định pháp luật được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;  Tổ chức tín dụng xếp loại C theo quy định pháp luật hoặc doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.  e) Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ khoản này nộp về ngân sách nhà nước. |  | **1. Luật Các TCTD:**  ***Điều 148. Phân phối lợi nhuận và các quỹ***  *“1. Phần lợi nhuận còn lại của TCTD, CNNHNNg sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của*[*Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-2008-66935.aspx)*và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì được phân phối theo quy định của Chính phủ.*  *2. Hằng năm, TCTD, CNNHNNg phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau đây:*  *a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hoặc quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp phải trích lập hằng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ hoặc vốn được cấp của TCTD, CNNHNNg;*  *b) Quỹ dự phòng tài chính;*  *c) Quỹ đầu tư phát triển đối với TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và TCTD là hợp tác xã;*  *d) Quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.*  *3. Ngân hàng thương mại là công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu do Thủ tướng Chính phủ quyết định.*  *4. TCTD, CNNHNNg quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật”*.  **2. Luật 69:**  ***Điều 34. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ***  *“1. Trích không quá 30% lợi nhuận sau thuế để lại doanh nghiệp sử dụng vào mục đích đầu tư phát triển ngành, nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp.*  *2. Trích một phần lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trên cơ sở hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được Nhà nước giao.*  *3. Nhà nước thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để bảo đảm lợi ích của Nhà nước từ việc đầu tư vốn vào doanh nghiệp”*.  **3. Nghị định 140 hợp nhất:**  ***Điều 31. Phân phối lợi nhuận đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ***  *“Lợi nhuận của doanh nghiệp nhà nước sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:*  *1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).*  *2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.*  *3. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự như sau:*  *a)  Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp.*  *b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp:*  *- Doanh nghiệp xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;*  *- Doanh nghiệp xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;*  *- Doanh nghiệp xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;*  *- Doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.*  *c) Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên:*  *- Doanh nghiệp xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;*  *- Doanh nghiệp xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;*  *- Doanh nghiệp xếp loại C hoặc doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.*  *d) Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển quy định tại Điểm b Khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định thì doanh nghiệp được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.*  *đ) Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản này được nộp về ngân sách nhà nước”*. | **Điều 24. Phân phối lợi nhuận đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ**  **Phần** lợi nhuận **còn lại** của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp **và** nộp thuế thu nhập doanh nghiệp~~, phần lợi nhuận còn lại~~ thì được phân phối theo thứ tự như sau:  1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).  2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.  3. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự sau:  a) Trích ~~5%~~**10%** vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.  b) Trích ~~10%~~**5%** vào quỹ dự phòng tài chính.  c) Trích tối đa ~~25%~~**20%** vào quỹ đầu tư phát triển.  d) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong tổ chức tín dụng:  Tổ chức tín dụng xếp loại A theo quy định pháp luật được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;  Tổ chức tín dụng xếp loại B theo quy định pháp luật được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;  Tổ chức tín dụng xếp loại C theo quy định pháp luật được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;  Tổ chức tín dụng không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.  đ) Trích quỹ thưởng người quản lý tổ chức tín dụng, kiểm soát viên:  Tổ chức tín dụng xếp loại A theo quy định pháp luật được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;  Tổ chức tín dụng xếp loại B theo quy định pháp luật được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;  Tổ chức tín dụng xếp loại C theo quy định pháp luật hoặc tổ chức tín dụng không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.  **4. Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển quy định tại khoản 3 Điều này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý tổ chức tín dụng, kiểm soát viên theo mức quy định thì tổ chức tín dụng được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý tổ chức tín dụng, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.**  ~~e)~~**5.** Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại ~~các điểm a, b, c, d, đ khoản này~~ **khoản 3, Điều này** nộp về ngân sách nhà nước. | - Thiết kế lại Điều này như đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước quy định tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.  - Đối với việc doanh nghiệp Nhà nước được trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quy định tại Điều 31 Nghị định 140, không đưa vào dự thảo Nghị định nội dung này vì tại điểm i khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định này đã cho phép tính vào chi phí khoản chi nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, trong đó bao gồm chi trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và chi cho phần còn thiếu trong trường hợp số dư quỹ phát triển khoa học và công nghệ không đủ để chi cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong năm.  - Sửa đổi tỷ lệ trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ do Luật Các TCTD tăng từ 5% lên 10% lợi nhuận sau thuế. Theo đó, tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển cũng giảm tương ứng từ 25% xuống còn 20% để đảm bảo tổng nguồn trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ đầu tư phát triển của TCTD không vượt quá 30% lợi nhuận sau thuế như đối với các doanh nghiệp.  - Sửa đổi tỷ lệ trích Quỹ dự phòng tài chính từ 10% xuống còn 5% vì hiện nay theo báo cáo của một số ngân hàng thương mại, với mức trích là 10% thì các TCTD chỉ sử dụng đến gần 1% và số dư tồn quỹ này tại các TCTD là khá cao, ảnh hưởng đến lợi nhuận còn lại để chia cổ tức của các TCTD.  - Bổ sung khoản 4 Điều này quy định về việc xử lý trong trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý TCTD, kiểm soát viên tương tự như đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quy định tại điểm d khoản 3 Điều 31 Nghị định 140. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD, Luật 69, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 23. Phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  Lợi nhuận của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của [Luật thuế thu nhập doanh nghiệp](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-2008-66935.aspx), nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:  1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).  2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.  3. Trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc vào quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.  5. Việc phân chia phần lợi nhuận còn lại do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự quyết định. Đối với tổ chức tín dụng là ngân hàng thương mại cổ phần do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tối thiểu trước 30 ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông, người đại diện phần vốn nhà nước tại ngân hàng phải xin ý kiến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam việc phân chia phần lợi nhuận còn lại trước khi biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông.  Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải lấy ý kiến thống nhất với Bộ Tài chính việc phân chia phần lợi nhuận còn lại để chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại ngân hàng biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông.  Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ Tài chính có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | Không quy định | **1. Luật Các TCTD:**  ***Điều 148. Phân phối lợi nhuận và các quỹ***  *“1. Phần lợi nhuận còn lại của TCTD, CNNHNNg sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của*[*Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-2008-66935.aspx)*và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì được phân phối theo quy định của Chính phủ.*  *2. Hằng năm, TCTD, CNNHNNg phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau đây:*  *a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hoặc quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp phải trích lập hằng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ hoặc vốn được cấp của TCTD, CNNHNNg;*  *b) Quỹ dự phòng tài chính;*  *c) Quỹ đầu tư phát triển đối với TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và TCTD là hợp tác xã;*  *d) Quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.*  *3. Ngân hàng thương mại là công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu do Thủ tướng Chính phủ quyết định.*  *4. TCTD, CNNHNNg quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật”*.  **2. Luật 69:** không quy định  **3. Nghị định 140 hợp nhất:**  ***Điểm a, b khoản 3 Điều 37:***  *“Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Nhà nước, phải xin ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm của doanh nghiệp mà mình làm đại diện vốn để tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng thành viên theo quy định. Trước khi chỉ đạo người đại diện tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng thành viên, cơ quan đại diện chủ sở hữu phải có văn bản xin ý kiến gửi đến cơ quan tài chính cùng cấp (đối với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Nhà nước giữ từ 36% vốn điều lệ trở lên). Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu (gửi kèm theo: Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp hiện hành, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm của doanh nghiệp), cơ quan tài chính cùng cấp có ý kiến để cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng thành viên. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm tại doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của nhà nước (trừ TCTD là ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước) phải đảm bảo thực hiện theo các nguyên tắc sau:*  *- Đối với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp mà nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm được phân phối theo thứ tự như sau:*  *+ Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);*  *+ Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.*  *+ Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp (nếu Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp có quy định việc trích lập Quỹ này).*  *+ Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.*  *+ Lợi nhuận còn lại thực hiện chia hết cổ tức, lợi nhuận bằng tiền mặt cho các cổ đông, thành viên góp vốn. Đối với khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền mặt cho phần vốn nhà nước góp trong doanh nghiệp thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.*  *- Đối với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp mà Nhà nước nắm giữ từ 36% đến 50% vốn điều lệ, sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng thành viên phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm theo thứ tự như doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp mà nhà nước giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên nêu trên.*  *- Đối với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp mà Nhà nước nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ, căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng thành viên phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm cho phù hợp, trong đó phần lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính được chia hết cổ tức, lợi nhuận bằng tiền mặt cho các cổ đông, thành viên góp vốn. Đối với khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền mặt cho phần vốn nhà nước góp trong doanh nghiệp này thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.*  *b) Đối với TCTD là ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước, việc phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định số*[*93/2017/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-93-2017-nd-cp-che-do-tai-chinh-to-chuc-tin-dung-danh-gia-hieu-qua-dau-tu-von-nha-nuoc-358448.aspx)*ngày và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế”*. | **Điều 25. Phân phối lợi nhuận đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ**  **Phần** lợi nhuận còn lại của tổ chức tín dụng sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì được phân phối theo thứ tự như sau:  1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).  2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.  **3. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự sau:**  ~~3.~~**a)** Trích ~~5%~~**10%** vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ~~của tổ chức tín dụng hoặc vào quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài~~, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ~~hoặc vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài~~;  ~~4.~~**b)** Trích **5%**~~10%~~ vào quỹ dự phòng tài chính.  **c) Trích tối đa 20% vào quỹ đầu tư phát triển;**  **d) Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động trong tổ chức tín dụng, quỹ thưởng người quản lý tổ chức tín dụng theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ.**  **đ) Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định nêu trên, tổ chức tín dụng thực hiện chia hết cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Đối với khoản cổ tức được chia bằng tiền mặt cho phần vốn nhà nước góp trong tổ chức tín dụng thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.**  **4.**~~5. Việc phân chia phần lợi nhuận còn lại do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự quyết định. Đối với tổ chức tín dụng là ngân hàng thương mại cổ phần do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ,~~ Tối thiểu trước 30 ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, người đại diện phần vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng phải xin ý kiến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo về việc phân chia phần lợi nhuận còn lại **quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ khoản 3 Điều này** trước khi biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ **của tổ chức tín dụng**, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải lấy ý kiến thống nhất với Bộ Tài chính ~~việc phân chia phần lợi nhuận còn lại~~. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ Tài chính có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  **5. Trường hợp chia cổ tức bằng cổ phiếu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải lấy ý kiến thống nhất với Bộ Tài chính trước khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu.** | - Bổ sung quy định về phân phối lợi nhuận đối với TCTD do Nhà nước nắm trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ để đảm bảo rõ ràng. Nguyên tắc thiết kế Điều này tương tự như Điều 25 quy định đối với TCTD do Nhà nước nắm 100% vốn điều lệ, chỉ khác ở chỗ:  + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước - hiện nay là Nghị định số 53/2016/NĐ-CP (kế thừa quy định tại Nghị định 93);  + Phần lợi nhuận còn lại sau trích các quỹ thực hiện chia hết bằng tiền mặt và nộp NSNN theo quy định (trừ trường hợp chia cổ tức bằng cổ phiếu). Người đại diện phần vốn nhà nước tại TCTD phải xin ý kiến NHNN và NHNN phải lấy ý kiến thống nhất với Bộ Tài chính việc phân chia phần lợi nhuận còn lại của TCTD trước khi biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.  + Bổ sung quy định trường hợp chia cổ tức bằng cổ phiếu, NHNN lấy ý kiến thống nhất với Bộ Tài chính trước khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu do tại khoản 3 Điều 148 Luật Các TCTD quy định. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Thông tư 19/2018/TT-BTC, 20/2018/TT-BTC)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD, Luật HTX)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 22.** **Phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng là hợp tác xã**  Lợi nhuận của tổ chức tín dụng là hợp tác xã sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của [Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-2008-66935.aspx" \t "_blank), nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:  1. Trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.  2. Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.  3. Trích tối thiểu 20% vào quỹ đầu tư phát triển.  4. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này được phân phối theo thứ tự sau:  a) Đối với Ngân hàng Hợp tác xã:  Tối thiểu trước 30 ngày tổ chức đại hội thành viên, người đại diện phần vốn nhà nước tại Ngân hàng phải xin ý kiến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam việc phân chia phần lợi nhuận còn lại trước khi biểu quyết tại đại hội thành viên.  Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải lấy ý kiến thống nhất với Bộ Tài chính việc phân chia phần lợi nhuận còn lại để chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại ngân hàng biểu quyết tại đại hội thành viên.  Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ Tài chính có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  Riêng đối với phần lợi nhuận chia cho thành viên là Nhà nước được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ (phần vốn hỗ trợ của Nhà nước).  b) Đối với quỹ tín dụng nhân dân: Việc phân phối phần lợi nhuận còn lại thực hiện theo quy định của [Luật Hợp tác xã](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-hop-tac-xa-2012-23-2012-QH13-152716.aspx" \t "_blank) và Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân. | **1. Thông tư 19 (NH HTX)**  ***Điều 9. Phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Ngân hàng***  *“1. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Ngân hàng thực hiện theo quy định tại**Điều 22 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP.*  *2. Ngân hàng thực hiện hạch toán, theo dõi phần lợi nhuận chia cho thành viên là Nhà nước được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ (phần vốn hỗ trợ của Nhà nước) tại một tiểu khoản riêng”*.  **2.Thông tư 20 (QTDND):**  ***Điều 9. Phân phối lợi nhuận, quản lý và sử dụng các quỹ***  *“Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện phân phối lợi nhuận, quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định tại Điều 22 và Điều 24 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP*”. | **1. Luật Các TCTD:**  ***Điều 148. Phân phối lợi nhuận và các quỹ***  *“1. Phần lợi nhuận còn lại của TCTD, CNNHNNg sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của*[*Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-2008-66935.aspx)*và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì được phân phối theo quy định của Chính phủ.*  *2. Hằng năm, TCTD, CNNHNNg phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau đây:*  *a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hoặc quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp phải trích lập hằng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ hoặc vốn được cấp của TCTD, CNNHNNg;*  *b) Quỹ dự phòng tài chính;*  *c) Quỹ đầu tư phát triển đối với TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và* ***TCTD là hợp tác xã****;*  *d) Quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.*  *3. Ngân hàng thương mại là công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu do Thủ tướng Chính phủ quyết định.*  *4. TCTD, CNNHNNg quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật”*.  **2. Luật HTX:**  ***Điều 86. Phân phối thu nhập***  *“Sau khi trích lập quỹ chung không chia, nộp thuế, hoàn thành nghĩa vụ tài chính khác và xử lý lỗ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật, thu nhập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được phân phối như sau:*  *1. Trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật (nếu có);*  *2. Trích lập quỹ khác do Đại hội thành viên quyết định;*  *3. Thu nhập còn lại của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được phân phối cho thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn theo trình tự sau đây:*  *a) Đối với thu nhập từ giao dịch nội bộ còn lại thì phân phối tối thiểu 51% cho thành viên chính thức theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ và mức độ góp sức lao động; phần còn lại được phân phối theo tỷ lệ phần vốn góp cho thành viên chính thức và thành viên liên kết góp vốn theo quy định của Điều lệ;*  *b) Đối với thu nhập từ giao dịch bên ngoài còn lại thì phân phối cho thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn theo quy định của Điều lệ”*. | **Điều 26. Phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng là hợp tác xã**  Lợi nhuận của tổ chức tín dụng là hợp tác xã sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:  1. **Trích** ~~5%~~**10%** vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.  2. Trích **5%**~~10%~~ vào quỹ dự phòng tài chính.  3. Trích tối **đa** ~~thiểu~~ 20% vào quỹ đầu tư phát triển.  ~~4. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này được phân phối theo thứ tự sau:~~  **4.**~~a)~~ Đối với Ngân hàng Hợp tác xã: phần lợi nhuận chia cho thành viên là Nhà nước được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ (phần vốn hỗ trợ của Nhà nước). **Ngân hàng thực hiện quản lý, theo dõi phần lợi nhuận này.**  Tối thiểu trước 30 ngày tổ chức đại hội thành viên, người đại diện phần vốn nhà nước tại ngân hàng phải xin ý kiến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo về việc phân chia phần lợi nhuận còn lại **quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này** trước khi biểu quyết tại Đại hội thành viên. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải lấy ý kiến Bộ Tài chính việc phân chia phần lợi nhuận còn lại để chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại ngân hàng biểu quyết tại đại hội thành viên. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ Tài chính có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  ~~b)~~**5.** Đối với quỹ tín dụng nhân dân: Việc phân phối phần lợi nhuận còn lại **sau khi trích các quỹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này** thực hiện theo quy định của **Luật Các tổ chức tín dụng,** [Luật Hợp tác xã](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-hop-tac-xa-2012-23-2012-QH13-152716.aspx) và Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân. | - Cơ bản kế thừa Nghị định 93.  - Riêng về việc trích Quỹ đầu tư phát triển, điểm c khoản 2 Điều 148 Luật Các TCTD quy định TCTD là hợp tác xã (bao gồm cả NH HTX và quỹ tín dụng nhân dân) được trích Quỹ đầu tư phát triển. Về tỷ lệ trích quỹ, Luật Hợp tác xã 2023 (Điều 86) không còn quy định cụ thể về tỷ lệ trích Quỹ đầu tư phát triển *“tối thiểu 20%”* như Luật Hợp tác xã năm 2012 nên đối với Ngân hàng Hợp tác xã dự kiến quy định mức trích Quỹ đầu tư phát triển tương tự như TCTD do Nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ là *“tối đa 20%”*.  - Sửa đổi tỷ lệ trích Quỹ dự phòng tài chính từ 10% xuống còn 5% để đồng bộ với các TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn nhà nước, Qua theo dõi thì 05 năm gần đây NH HTX vẫn trích lập nhưng không sử dụng quỹ này.  - Về phần lợi nhuận chia cho thành viên là Nhà nước giữ nguyên quy định hiện hành là ***cho phép sử dụng để bổ sung vốn điều lệ***, đồng thời bổ sung nội dung *“Ngân hàng thực hiện quản lý, theo dõi phần lợi nhuận chia cho thành viên là Nhà nước được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ (phần vốn hỗ trợ của Nhà nước)”* đưa từ khoản 2 Điều 9 Thông tư 19 lên, trong đó có thay cụm từ “hạch toán” bằng cụm từ “quản lý” để tránh cách hiểu Ngân hàng phải mở tài khoản kế toán riêng theo dõi nội dung này. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Thông tư 18/2018/TT-BTC)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 23.** **Phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  Lợi nhuận của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của [Luật thuế thu nhập doanh nghiệp](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-2008-66935.aspx" \t "_blank), nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:  1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).  2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.  3. Trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc vào quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.  5. Việc phân chia phần lợi nhuận còn lại do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự quyết định. Đối với tổ chức tín dụng là ngân hàng thương mại cổ phần do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tối thiểu trước 30 ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông, người đại diện phần vốn nhà nước tại ngân hàng phải xin ý kiến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam việc phân chia phần lợi nhuận còn lại trước khi biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông.  Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải lấy ý kiến thống nhất với Bộ Tài chính việc phân chia phần lợi nhuận còn lại để chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại ngân hàng biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông.  Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ Tài chính có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | **1. Thông tư 18 (TCTC vi mô):**  ***Điều 9. Phân phối lợi nhuận***  *“Lợi nhuận của tổ chức tài chính vi mô sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, Phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:*  *1. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.*  *2. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ khoản quy định tại khoản 1 Điều này được phân phối như sau:*  *a) Trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô;*  *b) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.*  *3. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện phân phối như sau:*  *a) Đối với tổ chức tài chính vi mô do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ:*  *- Trích tối đa 25% vào quỹ đầu tư phát triển;*  *- Cơ quan đại diện chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô căn cứ quy định về đánh giá xếp loại đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để thực hiện việc rà soát kế hoạch tài chính, giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại và thực hiện đánh giá xếp loại cho tổ chức tài chính vi mô tương tự như với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Căn cứ kết quả đánh giá xếp loại, tổ chức tài chính vi mô thực hiện phân phối lợi nhuận còn lại theo quy định đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ.*  *b) Đối với tổ chức tài chính vi mô khác: tổ chức tài chính vi mô tự quyết định việc phân chia phần lợi nhuận còn lại theo Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô và quy định pháp luật liên quan”*. | **1. Luật Các TCTD:**  ***Điều 148. Phân phối lợi nhuận và các quỹ***  *“1. Phần lợi nhuận còn lại của TCTD, CNNHNNg sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của*[*Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-2008-66935.aspx)*và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì được phân phối theo quy định của Chính phủ.*  *2. Hằng năm, TCTD, CNNHNNg phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau đây:*  *a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hoặc quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp phải trích lập hằng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ hoặc vốn được cấp của TCTD, CNNHNNg;*  *b) Quỹ dự phòng tài chính;*  *c) Quỹ đầu tư phát triển đối với TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và TCTD là hợp tác xã;*  *d) Quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.*  *3. Ngân hàng thương mại là công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu do Thủ tướng Chính phủ quyết định.*  *4. TCTD, CNNHNNg quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật”*. | **Điều 27. Phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  Lợi nhuận của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:  1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).  2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.  3. **Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự sau:**  **a)** Trích ~~5%~~**10%** vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc vào quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  **b)**~~4.~~ Trích **5%**~~10%~~ vào quỹ dự phòng tài chính.  **c)**~~5.~~ Việc phân chia phần lợi nhuận còn lại do tổ chức tín dụng **báo cáo Đại hội đồng cổ đông quyết định**; **đối với** chi nhánh ngân hàng nước ngoài **do ngân hàng nước ngoài** ~~tự~~ quyết định. ~~Đối với tổ chức tín dụng là ngân hàng thương mại cổ phần do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tối thiểu trước 30 ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông, người đại diện phần vốn nhà nước tại ngân hàng phải xin ý kiến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam việc phân chia phần lợi nhuận còn lại trước khi biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông.~~  ~~Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải lấy ý kiến thống nhất với Bộ Tài chính việc phân chia phần lợi nhuận còn lại để chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại ngân hàng biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông.~~  ~~Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ Tài chính có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.~~ | - Sửa đổi tỷ lệ trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ do Điều 148 Luật Các TCTD tăng từ 5% lên 10% lợi nhuận sau thuế.  - Bỏ quy định về phân phối lợi nhuận đối với TCTD là ngân hàng TMCP do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ do đã quy định tại Điều 25 Nghị định này.  - Đối với TCTC vi mô hiện nay chưa phát sinh loại hình tổ chức tài chính vi mô do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ quy định tại điểm a khoản 3 Thông tư 18. Nếu sau này phát sinh thì sẽ thuộc loại hình TCTD do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đã được quy định tại Điều 24 Nghị định này. Vì vậy không cần thiết phải đưa quy định tại Thông tư 18 lên Nghị định. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Thông tư 20/2018/TT-BTC)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD, Luật 69, Nghị định 140 hợp nhất)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 24. Quản lý và sử dụng các quỹ**  1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp dùng để bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp.  2. Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật.  3. Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của tổ chức tín dụng và bổ sung vốn điều lệ cho tổ chức tín dụng. Căn cứ vào nhu cầu đầu tư và khả năng của quỹ, tổ chức tín dụng quyết định hình thức và biện pháp đầu tư theo nguyên tắc có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn.  4. Quỹ thưởng người quản lý tổ chức tín dụng, kiểm soát viên được sử dụng để:  a) Thưởng cho Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng;  b) Mức thưởng do Đại hội đồng cổ đông/đại diện chủ sở hữu quyết định trên cơ sở hiệu quả hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng.  5. Quỹ khen thưởng dùng để:  a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ, nhân viên trong tổ chức tín dụng. Mức thưởng do Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng quyết định theo đề nghị của Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) và công đoàn của tổ chức tín dụng trên cơ sở năng suất lao động, thành tích Công tác của mỗi cán bộ, nhân viên trong tổ chức tín dụng;  b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong tổ chức tín dụng có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả trong kinh doanh. Mức thưởng do Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng quyết định;  c) Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài tổ chức tín dụng có quan hệ kinh tế đã hoàn thành tốt những điều kiện hợp đồng, đóng góp có hiệu quả vào hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Mức thưởng do Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng quyết định.  6. Quỹ phúc lợi dùng để:  a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của tổ chức tín dụng, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng thỏa thuận;  b) Chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, nhân viên của tổ chức tín dụng;  c) Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, nhân viên kể cả các cán bộ, nhân viên đã về hưu, mất sức của tổ chức tín dụng;  d) Chi cho các hoạt động phúc lợi khác.  Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) của tổ chức tín dụng phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn của tổ chức tín dụng quản lý, sử dụng quỹ này. | **1. Thông tư 20 (QTDND):**  ***Điều 9. Phân phối lợi nhuận, quản lý và sử dụng các quỹ***  *“Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện phân phối lợi nhuận, quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định tại Điều 22 và Điều 24 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP”*.  **2.** Các Thông tư còn lại: không có quy định. | **1. Luật Các TCTD:**  ***- Điều 148. Phân phối lợi nhuận và các quỹ***  *“1. Phần lợi nhuận còn lại của TCTD, CNNHNNg sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của*[*Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-2008-66935.aspx)*và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì được phân phối theo quy định của Chính phủ.*  *2. Hằng năm, TCTD, CNNHNNg phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau đây:*  *a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hoặc quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp phải trích lập hằng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ hoặc vốn được cấp của TCTD, CNNHNNg;*  *b) Quỹ dự phòng tài chính;*  *c) Quỹ đầu tư phát triển đối với TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và TCTD là hợp tác xã;*  *d) Quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.*  *3. Ngân hàng thương mại là công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu do Thủ tướng Chính phủ quyết định.*  *4. TCTD, CNNHNNg quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật”*.  **2. Luật 69:**  ***- Khoản 1, khoản 2 Điều 34 về nguyên tắc phân phối lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước:***  *“1. Trích không quá 30% lợi nhuận sau thuế để lại doanh nghiệp sử dụng vào mục đích đầu tư phát triển ngành, nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp.*  *2. Trích một phần lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trên cơ sở hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được Nhà nước giao”*.  ***- Khoản 3 Điều 40 về trách nhiệm của Chính phủ bao gồm:*** *“ Quy định việc… phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp…”.*  ***- Khoản 4 Điều 70*** ***về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần:*** *“4. …quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị”.*  **3. Nghị định 140 hợp nhất:**  ***- Điều 32******. Quản lý và sử dụng các quỹ***  *“1. Việc sử dụng các quỹ của doanh nghiệp nhà nước phải đúng mục đích, đúng đối tượng.*  *a) Doanh nghiệp nhà nước phải xây dựng, ban hành Quy chế quản lý sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ doanh nghiệp; quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của Ban Chấp hành công đoàn doanh nghiệp và công khai trong doanh nghiệp trước khi thực hiện.*  *b) Trong năm tài chính, doanh nghiệp nhà nước chủ động thực hiện tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích đã quy định.*  *2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển doanh nghiệp và bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp.*  *3. Quỹ khen thưởng được dùng để:*  *a) Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho người lao động trong doanh nghiệp (bao gồm cả người quản lý doanh nghiệp làm việc theo hợp đồng lao động). Không dùng quỹ khen thưởng của doanh nghiệp để chi thưởng cho đối tượng là người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm (trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng).*  *b) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài doanh nghiệp có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của doanh nghiệp.*  *c) Mức thưởng do Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp quyết định được ghi trong Quy chế quản lý sử dụng quỹ của doanh nghiệp.*  *4. Quỹ phúc lợi được dùng để:*  *a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của doanh nghiệp.*  *b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động trong doanh nghiệp bao gồm cả người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm.*  *c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.*  *d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.*  *đ) Mức chi sử dụng quỹ do Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp quyết định, được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của doanh nghiệp.*  *5. Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên được sử dụng để:*  *a) Thưởng hàng năm; thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ cho Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng doanh nghiệp.*  *b) Mức thưởng hàng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ do đại diện chủ sở hữu quyết định gắn với tiêu chí đánh giá người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty.*  *c) Trường hợp Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng doanh nghiệp được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng thì doanh nghiệp sử dụng nguồn quỹ khen thưởng của doanh nghiệp để chi thưởng cho các đối tượng nêu trên theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua, khen thưởng”*. | **Điều 28. Quản lý và sử dụng các quỹ**  **1. Việc sử dụng các quỹ của tổ chức tín dụng phải đúng mục đích, đúng đối tượng.**  ~~1.~~**2.** Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp **của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài** dùng để bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp.  ~~2.~~**3.** Quỹ dự phòng tài chính **của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài** dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật.  ~~3.~~**4.** Quỹ đầu tư phát triển **của tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng là hợp tác xã** dùng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của tổ chức tín dụng và bổ sung vốn điều lệ cho tổ chức tín dụng. Căn cứ vào nhu cầu đầu tư và khả năng của quỹ, tổ chức tín dụng quyết định hình thức và biện pháp đầu tư theo nguyên tắc có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn.  ~~5.~~**5.** Quỹ khen thưởng **của tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng là hợp tác xã** dùng để:  a) Thưởng cuối năm hoặc, thưởng thường kỳ cho cán bộ, nhân viên trong tổ chức tín dụng~~. Mức thưởng do Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng quyết định theo đề nghị của Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) và công đoàn của tổ chức tín dụng~~ trên cơ sở năng suất lao động, thành tích Công tác của mỗi cán bộ, nhân viên trong tổ chức tín dụng **và ý kiến của công đoàn của tổ chức tín dụng**;  b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong tổ chức tín dụng có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả trong kinh doanh. ~~Mức thưởng do Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng quyết định;~~  c) Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài tổ chức tín dụng có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của tổ chức tín dụng có quan hệ kinh tế đã hoàn thành tốt những điều kiện hợp đồng, đóng góp có hiệu quả vào hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. ~~Mức thưởng do Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng quyết định~~.  **d) Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng quyết định mức thưởng đối với Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.**  **Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của tổ chức tín dụng quyết định mức thưởng thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng**.  6. Quỹ phúc lợi **của tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng là hợp tác xã** dùng để:  a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của tổ chức tín dụng, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng thỏa thuận;  b) Chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, nhân viên của tổ chức tín dụng;  c) Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, nhân viên kể cả các cán bộ, nhân viên đã về hưu, mất sức của tổ chức tín dụng;  d) Chi cho các hoạt động phúc lợi khác.  **đ) Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng quyết định mức thưởng đối với Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.**  **Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của tổ chức tín dụng quyết định mức thưởng thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.**  ~~Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) của tổ chức tín dụng phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn của tổ chức tín dụng quản lý, sử dụng quỹ này.~~  ~~4.~~**7.** Quỹ thưởng người quản lý tổ chức tín dụng, kiểm soát viên **của tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng là hợp tác xã** được sử dụng để:  a) Thưởng cho Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng;  b) Mức thưởng do Đại hội đồng cổ đông/đại diện chủ sở hữu quyết định trên cơ sở hiệu quả hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng.  **8. Đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:**  **a) Phải xây dựng, ban hành Quy chế quản lý sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của tổ chức tín dụng theo pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp để áp dụng trong nội bộ tổ chức tín dụng; quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của Ban Chấp hành công đoàn của tổ chức tín dụng và công khai trong tổ chức tín dụng trước khi thực hiện.**  **b) Trong năm tài chính, tổ chức tín dụng chủ động thực hiện tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức tín dụng có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích đã quy định.** | - Cơ bản kế thừa Nghị định 93. Có bổ sung nội dung khoản 1, khoản 8 lấy từ khoản 1 Điều 32, Nghị định 140.  - Bổ sung tên các đối tượng phải trích quỹ đối với từng loại quỹ để cho rõ ràng khi áp dụng. Trong đó, đối tượng trích Quỹ đầu tư phát triển bổ sung thêm TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và TCTD là hợp tác xã do tại điểm c khoản 2 Điều 148 quy định các TCTD này được trích Quỹ đầu tư phát triển.  - Về thẩm quyền quyết định mức khen thưởng phúc lợi, điểm d khoản 5, điểm đ khoản 6 và điểm b khoản 7 quy định Hội đồng quản trị quyết định mức khen thưởng đối với các chức danh quản lý để phù hợp với khoản 4 Điều 70 Luật Các TCTD. Đối với các vị trí còn lại do Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc quyết định theo phân cấp thẩm quyền. *(Thực tế hiện nay các TCTD cũng đang làm như vậy).* |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD, Luật 69, Nghị định 140 hợp nhất)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Không quy định |  | **1. Luật Các TCTD:**  ***- Khoản 38 Điều 4 giải thích từ ngữ:*** *“Tổ chức tín dụng là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân thực hiện một, một số hoặc tất cả hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này. Tổ chức tín dụng bao gồm ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân”.*  **2. Luật 69 và Nghị định 140 hợp nhất:**  ***2.1 Đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước:***  ***- Phạm vi tăng vốn:***  + Điều 13 Luật 69 về phạm vi đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp đang hoạt động:  *“1. Việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc phạm vi quy định tại**khoản 1 Điều 10 của Luật này**và thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.*  *2. Trường hợp được đầu tư bổ sung vốn điều lệ:*  *a) Doanh nghiệp đang hoạt động có hiệu quả nhưng vốn điều lệ không bảo đảm thực hiện ngành, nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;*  *b) Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh nhưng vốn điều lệ không bảo đảm thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao”*.  + Điểm d khoản 1 Điều 10 Luật 69 quy định phạm vi đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp: “*d) Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đầu tư lớn, tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực khác và nền kinh tế”.*  + Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định 140 hợp nhất quy định phạm vi đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động:  *“1. Việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước quy định tại Điều 5 Nghị định này đang hoạt động và thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.*  *2. Trường hợp được đầu tư bổ sung vốn điều lệ:*  *a) Doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động có hiệu quả được đánh giá dựa trên tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động quy định tại Điều 8 Nghị định này có mức vốn điều lệ hiện tại không bảo đảm thực hiện ngành, nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.*  + Khoản 4 Điều 5 Nghị định 140 hợp nhất quy định về phạm vi đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp nhà nước[:](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Van-ban-hop-nhat-04-VBHN-BTC-2021-Nghi-dinh-dau-tu-von-nha-nuoc-vao-doanh-nghiep-475099.aspx#_ftn8) *“Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ứng dụng công nghệ cao, đầu tư lớn, hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực khác và nền kinh tế”*.  ***- Thẩm quyền tăng vốn:***  + Điều 14 Luật 69 quy định thẩm quyền quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp đang hoạt động:  *“1. Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp do mình quyết định thành lập.*  *2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý theo quy định của Luật này, trừ doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này.*  *3. Trường hợp đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp đang hoạt động có mức vốn bổ sung tương đương với mức vốn của dự án quan trọng quốc gia, Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư bổ sung sau khi Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư”.*  ***- Trình tự, thủ tục tăng vốn:***  *+* Điều 15 Luật 69 quy định trình tự, thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp đang hoạt động.  + Điều 10 Nghị định 140 hợp nhất quy định trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đang hoạt động.  + Điều 11 Nghị định 140 hợp nhất quy định việc thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đang hoạt động.  ***2.2 Đối với doanh nghiệp trên 50% vốn nhà nước:***  ***- Phạm vi tăng vốn:***  + Điều 16 Luật 69 quy định phạm vi đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:  *“1. Đầu tư bổ sung vốn nhà nước để tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thuộc một trong các trường hợp sau đây:*  *a) Không thu hút được các nhà đầu tư Việt Nam và nước ngoài đối với doanh nghiệp cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội;*  *b) Cần thiết phải duy trì để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.*  *2. Chính phủ quy định chi tiết việc đầu tư bổ sung vốn nhà nước để tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên quy định tại khoản 1 Điều này”*.  + Điểm h khoản 2 Điều 12 Nghị định 140 hợp nhất quy định phạm vi đầu tư bổ sung vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bao gồm: *“Lĩnh vực ngân hàng áp dụng đối với các ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ”*.  ***- Thẩm quyền tăng vốn:***  + Điều 17 Luật 69 quy định thẩm quyền quyết định đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:  *“1. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được chuyển đổi từ doanh nghiệp do mình quyết định thành lập.*  *2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được chuyển đổi từ doanh nghiệp do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý theo quy định của Luật này, trừ doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này.*  *3. Trường hợp đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có mức vốn bổ sung tương đương với mức vốn của dự án quan trọng quốc gia, Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư bổ sung sau khi Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư”*.  ***- Trình tự, thủ tục tăng vốn:***  + Điều 18 Luật 69 quy định trình tự, thủ tục đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.  + Điều 13 Nghị định 140 hợp nhất quy định trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.  + Điều 14 Nghị định 140 hợp nhất quy định việc thực hiện đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. | **Điều 29. Phạm vi, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư và thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ**  **Phạm vi, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư vốn nhà nước và đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng thực hiện theo pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.** | - Bổ sung quy định về phạm vi, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư và thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ như đối với các doanh nghiệp nhà nước để đảm bảo cơ sở pháp lý do tại khoản 38 Điều 4 Luật Các TCTD quy định *“TCTD là tổ chức kinh tế…”*. |

**Chương V** **- KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH VÀ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ**

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Thông tư 12/2018/TT-BTC hợp nhất)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật 69, Nghị định 87/2015/NĐ-CP)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 25. Kế hoạch tài chính**  1. Kế hoạch tài chính hàng năm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gồm:  a) Kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn;  b) Kế hoạch thu nhập, chi phí, kết quả kinh doanh và chi tiêu nộp ngân sách nhà nước;  c) Kế hoạch lao động, tiền lương.  2. Lập kế hoạch tài chính  a) Đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.  Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm, tổ chức tín dụng lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp và gửi Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phục vụ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước.  Trước ngày 01 tháng 3 của năm kế hoạch, căn cứ kết quả kinh doanh của năm trước, tổ chức tín dụng rà soát, hoàn chỉnh kế hoạch tài chính gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính để phục vụ công tác giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.  Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện rà soát lại kế hoạch tài chính do tổ chức tín dụng lập để có ý kiến chính thức bằng văn bản và giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại đối với tổ chức tín dụng trước ngày 30 tháng 4 của năm kế hoạch.  b) Đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.  Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm, tổ chức tín dụng lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp và gửi Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phục vụ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước.  Trước ngày 01 tháng 3 của năm kế hoạch, căn cứ kết quả kinh doanh của năm trước, tổ chức tín dụng rà soát, hoàn chỉnh kế hoạch tài chính gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính để phục vụ công tác giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng.  Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện rà soát lại kế hoạch tài chính do tổ chức tín dụng lập và xác định các chỉ tiêu đánh giá cụ thể để giao nhiệm vụ cho Người đại diện vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng trước ngày 30 tháng 4 của năm kế hoạch.  c) Đối với tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, việc lập kế hoạch tài chính thực hiện theo quy định tại điều lệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | **1. Thông tư 12 hợp nhất:**  ***- Điều 3. Kế hoạch tài chính, giao chỉ tiêu đánh giá xếp loại và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại TCTD***  *“1. Nội dung kế hoạch tài chính hàng năm của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định 93, bao gồm:*  *a) Kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn bao gồm cả tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn theo**Phụ lục 1 đính kèm Thông tư này;*  *b) Kế hoạch thu nhập, chi phí trong đó bao gồm một số chỉ tiêu hiệu quả: lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản và các chỉ tiêu khác theo**Phụ lục 2 đính kèm Thông tư này;*  *c) Kế hoạch lao động, tiền lương theo**Phụ lục 3 đính kèm Thông tư này.*  *2. Việc lập kế hoạch tài chính, giao chỉ tiêu đánh giá xếp loại và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Điều 25, Điều 29, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 Nghị định 93”*. | **1. Luật 69**  ***- Điểm a khoản 1 Điều 60 quy định báo cáo hoạt động của doanh nghiệp nhà nước:***  *“Doanh nghiệp báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu các nội dung sau đây:*  *a) Kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kế hoạch tài chính hằng năm của doanh nghiệp”*.  **2. Nghị định 87:**  **- *Khoản 1 Điều 30 quy định*** ***phương thức đánh giá hiệu quả và kết quả xếp loại doanh nghiệp:***  *“* *Căn cứ các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp quy định tại**Điều 28 của Nghị định này, cơ quan đại diện chủ sở hữu giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng doanh nghiệp. Các chỉ tiêu này phải giao cho doanh nghiệp bằng văn bản trước ngày 30/4 của năm kế hoạch và không được điều chỉnh trong suốt kỳ thực hiện kế hoạch (trừ các trường hợp bất khả kháng lớn).*  *Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hằng năm của doanh nghiệp phải được lập căn cứ vào kế hoạch chiến lược của doanh nghiệp, xu hướng phát triển của ngành, các thay đổi về mặt pháp lý, kết quả hoạt động của năm trước, các nhiệm vụ chiến lược hoặc các nhiệm vụ được giao trong năm kế hoạch, các điều kiện bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Kế hoạch hằng năm phải bao gồm các mục tiêu tài chính cụ thể”.* | **Điều 30. Kế hoạch tài chính**  1. Kế hoạch tài chính hàng năm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gồm:  a) Kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn**, trong đó bao gồm cả tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn**;  b) Kế hoạch thu nhập, chi phí, kết quả kinh doanh và chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước**, trong đó bao gồm một số chỉ tiêu hiệu quả: lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản và các chỉ tiêu khác**;  c) Kế hoạch lao động, tiền lương.  2. Lập kế hoạch tài chính  a) Đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:  Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm, tổ chức tín dụng lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp và gửi Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phục vụ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước.  Trước ngày 01 tháng 3 của năm kế hoạch, căn cứ kết quả kinh doanh của năm trước, tổ chức tín dụng rà soát, hoàn chỉnh kế hoạch tài chính gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính để phục vụ công tác giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. **Mẫu biểu lập Kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn; Kế hoạch thu nhập, chi phí, kết quả kinh doanh và chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước và Kế hoạch lao động, tiền lương theo Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 Nghị định này.**  Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện rà soát lại kế hoạch tài chính do tổ chức tín dụng lập để có ý kiến chính thức bằng văn bản và giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại đối với tổ chức tín dụng trước ngày 30 tháng 4 của năm kế hoạch.  b) Đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ:  Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm, tổ chức tín dụng lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp và gửi Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phục vụ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước.  Trước ngày 01 tháng 3 của năm kế hoạch, căn cứ kết quả kinh doanh của năm trước, tổ chức tín dụng rà soát, hoàn chỉnh kế hoạch tài chính gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính để phục vụ công tác giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng. **Mẫu biểu lập Kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn; Kế hoạch thu nhập, chi phí, kết quả kinh doanh và chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước và Kế hoạch lao động, tiền lương theo Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 Nghị định này.**  Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện rà soát lại kế hoạch tài chính do tổ chức tín dụng lập và xác định các chỉ tiêu đánh giá cụ thể để giao nhiệm vụ cho Người đại diện vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng trước ngày 30 tháng 4 của năm kế hoạch.  c) Đối với tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, việc lập kế hoạch tài chính thực hiện theo quy định tại điều lệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | - Kế thừa và giữ nguyên như Nghị định 93.  - Khoản 1, khoản 2: Bổ sung quy định, mẫu biểu chi tiết từ Điều 3 và Phụ lục 1, 2, 3 đính kèm Thông tư 12/2018/TT-BTC (đã được sửa đổi bởi Thông tư 114/2020/TT-BTC) |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Nghị định 87)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 29.** **Giám sát tài chính doanh nghiệp là tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước**  1. Việc giám sát tài chính doanh nghiệp là tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, giám sát tài chính đối với công ty con, công ty liên kết, giám sát vốn của tổ chức tín dụng đầu tư ra nước ngoài, giám sát tài chính đặc biệt doanh nghiệp là tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thực hiện theo quy định chung áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước và quy định tại Nghị định này.  2. Đối với doanh nghiệp là tổ chức tín dụng có vốn nhà nước, nội dung, phương thức, chế độ báo cáo giám sát tài chính thực hiện theo quy định về giám sát tài chính đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước và quy định tại Nghị định này. |  | **1. Nghị định 87:**  **1.1 Đối với doanh nghiệp nhà nước (100% vốn)**  ***Mục 1 Chương III quy định về giám sát tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước bao gồm:***  - Điều 8. Chủ thể giám sát;  - Điều 9. Nội dung giám sát;  - Điều 10. Căn cứ thực hiện giám sát tài chính;  - Điều 11. Phương thức giám sát;  - Điều 12. Tổ chức giám sát.  ***Mục 2. Chương III quy định về giám sát tài chính đối với công ty con, công ty liên kết gồm:***  - Điều 13. Chủ thể giám sát;  - Điều 14. Đối tượng giám sát;  - Điều 15. Nội dung giám sát;  - Điều 16. Phương thức giám sát;  - Điều 17. Tổ chức giám sát.  ***Mục 3. Chương III quy định về giám sát vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra nước ngoài:***  - Điều 18. Chủ thể giám sát;  - Điều 19. Đối tượng giám sát;  - Điều 20. Nội dung giám sát;  - Điều 21. Căn cứ giám sát;  - Điều 22. Phương thức giám sát;  - Điều 23. Tổ chức giám sát.  ***Mục 3. Chương III quy định về giám sát tài chính đặc biệt:***  - Điều 24. Các dấu hiệu mất an toàn tài chính của doanh nghiệp;  - Điều 25. Quyết định giám sát tài chính đặc biệt;  - Điều 26. Quy trình xử lý của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp được đưa vào diện giám sát tài chính đặc biệt;  - Điều 27. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên (Chủ tịch Công ty), Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt.  **1.2 Đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước (Chương IV):**  - Điều 32. Chủ thể giám sát;  - Điều 33. Nội dung giám sát;  - Điều 34. Phương thức giám sát;  - Điều 35. Chế độ báo cáo giám sát tài chính; | **Điều 31. Giám sát tài chính ~~doanh nghiệp là~~ tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ**  1. Việc giám sát tài chính ~~doanh nghiệp là~~ tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, giám sát tài chính đối với công ty con, công ty liên kết, giám sát vốn của tổ chức tín dụng đầu tư ra nước ngoài, giám sát tài chính đặc biệt ~~doanh nghiệp là~~ tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thực hiện theo quy định chung áp dụng đối với doanh nghiệp **do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ** ~~nhà nước~~ và quy định tại Nghị định này.  2. Đối với ~~doanh nghiệp là~~ tổ chức tín dụng **do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ** ~~có vốn nhà nước~~, nội dung, phương thức, chế độ báo cáo giám sát tài chính thực hiện theo quy định về giám sát tài chính đối với doanh nghiệp **do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ** ~~có vốn nhà nước~~ và quy định tại Nghị định này. | Cơ bản kế thừa và giữ nguyên quy định tại Nghị định 93, đồng thời bỏ cụm từ “doanh nghiệp là TCTD” để đảm bảo chặt chẽ hơn do tại Luật Các TCTD không còn định nghĩa “TCTD là doanh nghiệp” như trước đây. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Thông tư 12 hợp nhất)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Các TCTD, Luật 69, Nghị định 87, Nghị định 159)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 30. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước**  1. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước bao gồm:  a) Tiêu chí 1. Doanh thu;  b) Tiêu chí 2. Lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận sau thuế;  c) Tiêu chí 3. Tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn;  d) Tiêu chí 4. Chấp hành pháp luật của tổ chức tín dụng về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính;  đ) Tiêu chí 5. Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có).  2. Các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này được xác định và tính toán từ số liệu trong các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo thống kê định kỳ theo quy định pháp luật.  Các tiêu chí 1, 2, 4, 5 quy định tại khoản 1 Điều này khi tính toán được xem xét, loại trừ các yếu tố tác động:  a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân khách quan bất khả kháng khác;  b) Tổ chức tín dụng đầu tư mở rộng kinh doanh theo kế hoạch, tăng khấu hao để thu hồi vốn nhanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện chương trình an sinh xã hội theo quy định của Chính phủ;  c) Nhà nước điều chỉnh giá (đối với sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá) làm ảnh hưởng đến doanh thu của tổ chức tín dụng hoặc phải thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.  3. Việc đánh giá kết quả hoạt động của Người quản lý tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Chính phủ và các tiêu chí sau:  a) Mức độ hoàn thành chỉ tiêu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giao về lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu;  b) Kết quả xếp loại tổ chức tín dụng;  c) Mức độ hoàn thành kế hoạch cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (đối với tổ chức tín dụng cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích).  4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn cách thức xác định các chỉ tiêu đánh giá phù hợp với đặc thù hoạt động của tổ chức tín dụng. | **1. Thông tư 12 hợp nhất (đối tượng áp dụng bao gồm TCTD do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ):**  **- Khoản 2 Điều 3: *“****Việc lập kế hoạch tài chính, giao chỉ tiêu đánh giá xếp loại và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại TCTD thực hiện theo quy định tại Điều 25, Điều 29, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 Nghị định 93”*.  **- Điều 4. Cách thức xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại TCTD**  *“1. Tổng doanh thu: Chỉ tiêu tổng doanh thu được xác định theo báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của TCTD.*  *2. Lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu.*  *a) Lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh sau khi trừ đi chi phí dự phòng rủi ro tín dụng và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại;*  *b) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu:*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu* | *=* | *Lợi nhuận sau thuế* | | *Vốn chủ sở hữu bình quân trong năm* |   *Trong đó:*  *- Lợi nhuận sau thuế xác định như quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.*  *- Vốn chủ sở hữu bình quân trong năm:*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Vốn chủ sở hữu bình quân trong năm* | *=* | *Số dư vốn chủ sở hữu đầu năm + Số dư vốn chủ sở hữu cuối năm* | | *2* |   *Vốn chủ sở hữu được lấy từ khoản mục vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng, gồm: Vốn của tổ chức tín dụng, các quỹ của tổ chức tín dụng, chênh lệch tỷ giá hối đoái, chênh lệch đánh giá lại tài sản và lợi nhuận chưa phân phối.*  *3. Tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn.*  *a) Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;*  *b) Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn là tỷ lệ giữa số dư nợ có khả năng mất vốn (nợ nhóm 5) so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*  *4. Tình hình chấp hành pháp luật:*  *a) Chế độ, chính sách pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định 93 bao gồm các lĩnh vực về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng, thuế (trừ thuế thu nhập cá nhân), các khoản thu nộp ngân sách Nhà nước khác, quy định về chế độ báo cáo tài chính, báo cáo để thực hiện giám sát tài chính;*  *b) Mức xử phạt vi phạm hành chính làm căn cứ để đánh giá xếp loại là số tiền phải nộp phạt ghi trên quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm được phát hiện trong năm tài chính thực hiện đánh giá xếp loại, không bao gồm số tiền phải nộp để thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.*  *5. Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có).*  *Thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích là việc trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc cung ứng dịch vụ công theo chính sách của Nhà nước thông qua hình thức đấu thầu hoặc nhận đặt hàng hoặc nhận nhiệm vụ Nhà nước giao. Việc đánh giá chỉ tiêu này căn cứ vào mức độ hoàn thành về số lượng và chất lượng dịch vụ. Căn cứ vào lĩnh vực hoạt động, chuyên ngành, tính đặc thù, cơ quan đại diện chủ sở hữu đưa ra các tiêu chí đánh giá cho phù hợp.*  *6. Các tiêu chí quy định tại Điều này được xác định và tính toán từ số liệu trong các báo cáo tài chính năm riêng lẻ đã được kiểm toán, báo cáo thống kê định kỳ theo quy định pháp luật.*  *Khi tính các tiêu chí quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều này, tổ chức tín dụng được loại trừ những ảnh hưởng của các yếu tố theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định 93 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).* | **1. Luật TCTD:**  ***Điều 147. Dự phòng rủi ro***  *“1. TCTD, CNNHNNg phải dự phòng rủi ro trong hoạt động của TCTD, CNNHNNg. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động.*  *2. Việc phân loại tài sản có thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.*  *3. Việc sử dụng dự phòng rủi ro không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của khách hàng đối với khoản nợ được sử dụng dự phòng rủi ro và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến khoản nợ. Mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, CNNHNNg thực hiện theo quy định của Chính phủ”.*  **2. Luật 69:**  ***Khoản 6 Điều 15*** giao**:** *“**Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí đánh giá hiệu quả, trình tự, thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp đang hoạt động”*.  **3. Nghị định 87:**  ***- Khoản 6 Điều 2 về đối tượng áp dụng:*** *“**Các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực… tài chính, ngân hàng… thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật về…tài chính, ngân hàng... Trường hợp quy định của pháp luật về… tài chính, ngân hàng… khác quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về… tài chính, ngân hàng…”*.  **4. Nghị định 159 (quy định chi tiết tại Chương III), trong đó:**  **- *Điều 8. Xếp loại chất lượng:***  *“Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước được đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm theo 4 mức độ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ”.*  ***Điều 9. Trách nhiệm đánh giá, xếp loại chất lượng.***  ***Điều 10. Thời điểm đánh giá.***  ***Điều 11. Căn cứ đánh giá, xếp loại chất lượng.***  ***Điều 12. Nội dung đánh giá:***  *“Nội dung đánh giá người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước bao gồm:*  *1. Kết quả hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp;*  *2. Kết quả công tác của cá nhân:*  *a) Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; ý thức tổ chức kỷ luật; tác phong, lề lối làm việc;*  *b) Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nội quy, quy chế của doanh nghiệp;*  *c) Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm;*  *d) Kết quả khắc phục hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra (nếu có);*  *đ) Việc chấp hành, tuân thủ chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu”.*  ***Điều 13. Trình tự, thủ tục đánh giá.***  ***Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17. Tiêu chí đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.*** | **Điều 32. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại ~~doanh nghiệp là~~ tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ**  1. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ bao gồm:  a) Tiêu chí 1. Doanh thu;  b) Tiêu chí 2. Lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận sau thuế;  c) Tiêu chí 3. Tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn;  d) Tiêu chí 4. Chấp hành pháp luật của tổ chức tín dụng về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính;  đ) Tiêu chí 5. Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có).  2. Các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này được xác định và tính toán từ số liệu trong các báo cáo tài chính năm riêng lẻ đã được kiểm toán, báo cáo thống kê định kỳ theo quy định pháp luật.  Các tiêu chí 1, 2, 4, 5 quy định tại khoản 1 Điều này khi tính toán được xem xét, loại trừ các yếu tố tác động:  a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân khách quan bất khả kháng khác;  b) Tổ chức tín dụng đầu tư mở rộng kinh doanh theo kế hoạch, tăng khấu hao để thu hồi vốn nhanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện chương trình an sinh xã hội theo quy định của Chính phủ;  c) Nhà nước điều chỉnh giá (đối với sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá) làm ảnh hưởng đến doanh thu của tổ chức tín dụng hoặc phải thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.  **3. Cách thức xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng như sau:**  **a) Doanh thu: Chỉ tiêu doanh thu được xác định theo báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của tổ chức tín dụng.**  **b) Lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu:**  **Lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh sau khi trừ đi chi phí dự phòng rủi ro tín dụng và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại;**  **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: được tính bằng lợi nhuận sau thuế chia cho vốn chủ sở hữu bình quân trong năm. Trong đó, vốn chủ sở hữu bình quân trong năm được tính như sau:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Vốn chủ sở hữu bình quân trong năm | = | Số dư vốn chủ sở hữu đầu năm + Số dư vốn chủ sở hữu cuối năm | | 2 |   **Vốn chủ sở hữu được lấy từ khoản mục vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng, gồm: Vốn của tổ chức tín dụng, các quỹ của tổ chức tín dụng, chênh lệch tỷ giá hối đoái, chênh lệch đánh giá lại tài sản và lợi nhuận chưa phân phối.**  **c) Tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn:**  **Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại tài sản có, quy định của Chính phủ về mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.**  **Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn là tỷ lệ giữa số dư nợ có khả năng mất vốn (nợ nhóm 5) so với tổng dư nợ theo quy định của Chính phủ về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.**  **d) Tình hình chấp hành pháp luật:**  **Tình hình chấp hành pháp luật bao gồm chấp hành các chế độ, chính sách pháp luật trong lĩnh vực về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng, thuế (trừ thuế thu nhập cá nhân), các khoản thu nộp ngân sách nhà nước khác, quy định về chế độ báo cáo tài chính, báo cáo để thực hiện giám sát tài chính;**  **Mức xử phạt vi phạm hành chính làm căn cứ để đánh giá xếp loại là số tiền phải nộp phạt ghi trên quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm được phát hiện trong năm tài chính thực hiện đánh giá xếp loại, không bao gồm số tiền phải nộp để thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.**  **đ) Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có):**  **Thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích là việc trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc cung ứng dịch vụ công theo chính sách của Nhà nước thông qua hình thức đấu thầu hoặc nhận đặt hàng hoặc nhận nhiệm vụ Nhà nước giao. Việc đánh giá chỉ tiêu này căn cứ vào mức độ hoàn thành về số lượng và chất lượng dịch vụ. Căn cứ vào lĩnh vực hoạt động, chuyên ngành, tính đặc thù, cơ quan đại diện chủ sở hữu đưa ra các tiêu chí đánh giá cho phù hợp.**  ~~3.~~**4.** Việc đánh giá kết quả hoạt động của Người quản lý tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định **tại Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020** của Chính phủ **về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).**~~và các tiêu chí sau:~~  ~~a) Mức độ hoàn thành chỉ tiêu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giao về lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu;~~  ~~b) Kết quả xếp loại tổ chức tín dụng;~~  ~~c) Mức độ hoàn thành kế hoạch cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (đối với tổ chức tín dụng cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích).~~  ~~4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn cách thức xác định các chỉ tiêu đánh giá phù hợp với đặc thù hoạt động của tổ chức tín dụng.~~ | - Sửa tên điều này theo hướng bỏ cụm từ “doanh nghiệp là TCTD” để đảm bảo chặt chẽ hơn do tại Luật Các TCTD không còn định nghĩa “TCTD là doanh nghiệp” như trước đây.  - Cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 93. Ngoài ra, khoản 3 có bổ sung thêm quy định từ Thông tư 12 hợp nhất (thay cụm từ *“tổng doanh thu”* tại Thông tư 12 thành *“doanh thu”* để thống nhất với Nghị định)  - Sửa lại điểm c *“Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Thống đốc NHNN về phân loại tài sản có, quy định của Chính phủ về mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, CNNHNNg”* để phù hợp với khoản 2, khoản 3 Điều 147.  - Bỏ nội dung khoản 3 Nghị định 93 và dẫn chiếu đến Nghị định số 159/2020/NĐ-CP do đã được quy định chung đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước chi tiết tại Nghị định này.  - Bỏ quy định tại khoản 4 Nghị định 93 giao *“Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với NHNN hướng dẫn cách thức xác định các chỉ tiêu đánh giá phù hợp với đặc thù hoạt động của TCTD”* do không còn Thông tư hướng dẫn. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Thông tư 12 hợp nhất)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật 69, Nghị định 87)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 31. Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp nhà nước là tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ**  1. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp nhà nước và quy định cụ thể tại Nghị định này.  2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát kế hoạch tài chính để giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại cho tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Các chỉ tiêu này phải giao cho tổ chức tín dụng bằng văn bản trước ngày 30 tháng 4 của năm kế hoạch và không được điều chỉnh trong suốt kỳ thực hiện kế hoạch, trừ các trường hợp bất khả kháng.  3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn cụ thể phương thức đánh giá hiệu quả và xếp loại tổ chức tín dụng theo quy định tại Nghị định này phù hợp với đặc thù hoạt động của tổ chức tín dụng. | **1. Thông tư 12 hợp nhất:**  ***Điều 5. Phương thức đánh giá hiệu quả và xếp loại TCTD***  *“Việc đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại TCTD được thực hiện thông qua đánh giá mức độ hoàn thành (A, B, C) các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả và xếp loại do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giao cho TCTD, cụ thể:*  *1. Phương thức đánh giá đối với từng tiêu chí được thực hiện như sau:*  *a) Tiêu chí 1: Tổng doanh thu.*  *- TCTD xếp loại A khi tổng doanh thu thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch được giao.*  *- TCTD xếp loại B khi tổng doanh thu thực hiện thấp hơn nhưng tối thiểu bằng 90% so với kế hoạch được giao.*  *- TCTD xếp loại C khi tổng doanh thu thực hiện đạt dưới 90% kế hoạch được giao.*  *b)* *Tiêu chí 2: Lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu.*  *- Đối với những TCTD có lợi nhuận kế hoạch và lợi nhuận thực hiện:*  *+ TCTD xếp loại A khi tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch được giao;*  *+ TCTD xếp loại B khi tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu thực hiện thấp hơn nhưng tối thiểu bằng 90% so với kế hoạch được giao;*  *+ TCTD xếp loại C khi tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt dưới 90% so với kế hoạch được giao.*  *- Đối với những TCTD có lỗ kế hoạch: Nếu lỗ thực hiện thấp hơn lỗ kế hoạch: Xếp loại A; Nếu lỗ thực hiện bằng lỗ kế hoạch: Xếp loại B; Nếu lỗ thực hiện cao hơn lỗ kế hoạch: Xếp loại C. Trường hợp do thực hiện tăng thêm nhiệm vụ thì được loại trừ khi xác định chỉ tiêu lỗ thực hiện so với lỗ kế hoạch được giao.*  *c) Tiêu chí 3: Tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn.*  *- TCTD xếp loại A khi có tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn thực hiện bằng hoặc thấp hơn kế hoạch được giao và tỷ lệ nợ xấu nhỏ hơn 3%, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn nhỏ hơn 2%.*  *- TCTD xếp loại C khi có tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn thực hiện cao hơn 110% kế hoạch được giao hoặc tỷ lệ nợ xấu lớn hơn 3,5% hoặc tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn lớn hơn 2,5%.*  *- TCTD xếp loại B là các tổ chức tín dụng còn lại không được xếp loại A hoặc loại C.*  *d)* *Tiêu chí 4: Tình hình chấp hành pháp luật theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này.*  *d.1) TCTD xếp loại A khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau:*  *d.1.1) Trong năm đánh giá không bị cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc cơ quan tài chính nhắc nhở bằng văn bản hoặc bị nhắc nhở bằng văn bản không quá hai lần về việc nộp báo cáo giám sát, báo cáo xếp loại TCTD, báo cáo tài chính và các báo cáo khác để thực hiện giám sát tài chính không đúng quy định, không đúng hạn đối với một loại báo cáo.*  *d.1.2) Trong năm đánh giá không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính thì phải đảm bảo:*  *d.1.2.1) Đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng:*  *- Không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi lừa đảo, gian lận, giả mạo; nặc danh, mạo danh; chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn giấy phép; phá hoại, hủy hoại tiền Việt Nam; hoạt động kinh doanh trái phép; cung cấp thông tin không trung thực; lấy cắp thông tin; đánh cắp dữ liệu theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.*  *- Đối với các hành vi vi phạm còn lại bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính mà số tiền phạt phải nộp từng lần bị xử phạt đối với mỗi hành vi vi phạm từ mức trung bình trở xuống của khung phạt.*  *d.1.2.2) Đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực thuế, hóa đơn:*  *- Không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi trốn thuế trong lĩnh vực thuế và hóa đơn theo quy định của Chính phủ.*  *- Đối với các hành vi vi phạm còn lại bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính:*  *+ Vi phạm hành chính về hóa đơn, thủ tục thuế mà số tiền phạt phải nộp từng lần bị xử phạt đối với mỗi hành vi vi phạm từ mức trung bình trở xuống của khung phạt;*  *+ Vi phạm hành chính đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn mà sau khi phát hiện hoặc bị phát hiện đã thực hiện nộp đủ số tiền thuế khai thiếu vào ngân sách Nhà nước trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt và hạch toán kế toán đầy đủ theo quy định;*  *+ Vi phạm hành chính đối với hành vi không thực hiện trách nhiệm trích chuyển tiền từ tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản của ngân sách Nhà nước theo yêu cầu của cơ quan thuế mà sau khi phát hiện hoặc bị phát hiện đã thực hiện trích chuyển tiền từ tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản của ngân sách Nhà nước trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt.*  *d.1.2.3) Đối với hành vi vi phạm khác bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính mà số tiền phạt phải nộp từng lần bị xử phạt đối với mỗi hành vi vi phạm từ mức trung bình trở xuống của khung phạt.*  *d.1.2.4) Số chi nhánh (bao gồm cả trụ sở chính) bị xử phạt không vượt quá 10% tổng số chi nhánh của TCTD.*  *d.2) TCTD xếp loại C khi vi phạm một trong các trường hợp sau:*  *d.2.1) Không nộp báo cáo giám sát, báo cáo xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính và các báo cáo khác để thực hiện giám sát tài chính theo quy định hoặc nộp báo cáo không đúng quy định, đúng thời hạn bị cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính nhắc nhở bằng văn bản trên ba lần trong năm đánh giá đối với một loại báo cáo.*  *d.2.2) Bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền trong năm đánh giá đối với các hành vi:*  *d.2.2.1) Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng gồm: lừa đảo, gian lận, giả mạo; nặc danh, mạo danh; chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn giấy phép; phá hoại, hủy hoại tiền Việt Nam; hoạt động trái phép; cung cấp thông tin không trung thực; lấy cắp thông tin; đánh cắp dữ liệu theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;*  *d.2.2.2) Các hành vi trốn thuế theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn;*  *d.2.2.3) Các hành vi vi phạm khác mà số tiền phạt phải nộp từng lần bị xử phạt ở mức tối đa của khung phạt;*  *d.2.2.4) Bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do không tự nguyện chấp hành.*  *d.2.3) Số chi nhánh (bao gồm cả trụ sở chính) bị xử phạt vượt quá 20% tổng số chi nhánh của TCTD.*  *d.2.4) Một hoặc một số thành viên là người quản lý TCTD (Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng) có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi nhiệm vụ của TCTD đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong năm đánh giá.*  *d.3) TCTD xếp loại B là các TCTD còn lại không được xếp loại A hoặc loại C.*  *đ) Tiêu chí 5: Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có).*  *- TCTD xếp loại A khi hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức kế hoạch về sản lượng với chất lượng sản phẩm hoặc dịch vụ bảo đảm tiêu chuẩn quy định;*  *- TCTD xếp loại B khi hoàn thành tối thiểu 90% kế hoạch về sản lượng với chất lượng sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tiêu chuẩn quy định;*  *- TCTD xếp loại C khi hoàn thành dưới 90% kế hoạch về sản lượng hoặc chất lượng sản phẩm, dịch vụ không bảo đảm tiêu chuẩn quy định.*  *2. Tổng hợp kết quả xếp loại TCTD:*  *Kết quả đánh giá và xếp loại TCTD được phân loại: TCTD xếp loại A, TCTD xếp loại B, TCTD xếp loại C theo mức độ hoàn thành các chỉ tiêu đánh giá do cơ quan đại diện chủ sở hữu giao cho từng TCTD.*  *Căn cứ kết quả phân loại cho từng tiêu chí 1, tiêu chí 2, tiêu chí 3 và tiêu chí 4 quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định 93 để xếp loại cho từng TCTD như sau:*  *- TCTD xếp loại A khi không có tiêu chí xếp loại C, trong đó tiêu chí 2, tiêu chí 3 và tiêu chí 4 được xếp loại A;*  *- TCTD xếp loại C khi có tiêu chí 2, tiêu chí 3 xếp loại C hoặc có tiêu chí 2 hoặc tiêu chí 3 xếp loại B và 3 tiêu chí còn lại xếp loại C;*  *- TCTD xếp loại B là tổ chức tín dụng còn lại không được xếp loại A hoặc loại C.*  *3. Xếp loại Người quản lý TCTD như sau:*  *a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ khi:*  *- Thực hiện tốt các tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.*  *- Đối với TCTD cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích: Hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức kế hoạch về sản lượng với chất lượng sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tiêu chuẩn quy định.*  *- TCTD xếp loại A.*  *b) Không hoàn thành nhiệm vụ nếu thuộc một trong những trường hợp sau:*  *- Không thực hiện tốt các tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.*  *- Hoàn thành dưới 90% chỉ tiêu cơ quan đại diện chủ sở hữu giao về tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu; Đối với TCTD cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích: Hoàn thành dưới 90% kế hoạch về sản lượng hoặc chất lượng sản phẩm, dịch vụ không bảo đảm tiêu chuẩn quy định.*  *- TCTD xếp loại C.*  *c) Hoàn thành nhiệm vụ: Các trường hợp còn lại không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này”.* | **1. Luật 69:**  ***Khoản 6 Điều 15*** giao**:** *“Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí đánh giá hiệu quả, trình tự, thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp đang hoạt động”*.  **2. Nghị định 87:**  ***- Khoản 6 Điều 2 về đối tượng áp dụng:*** *“Các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực… tài chính, ngân hàng… thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật về…tài chính, ngân hàng... Trường hợp quy định của pháp luật về… tài chính, ngân hàng… khác quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về… tài chính, ngân hàng…”*. | **Điều 33. Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại ~~doanh nghiệp nhà nước là~~ tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ**  1. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp ~~nhà nước~~ **do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ** và quy định cụ thể tại Nghị định này.  2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát kế hoạch tài chính để giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại cho tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Các chỉ tiêu này phải giao cho tổ chức tín dụng bằng văn bản trước ngày 30 tháng 4 của năm kế hoạch và không được điều chỉnh trong suốt kỳ thực hiện kế hoạch, trừ các trường hợp bất khả kháng.  **3. Phương thức đánh giá hiệu quả và xếp loại tổ chức tín dụng:**  **Việc đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng được thực hiện thông qua đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả và xếp loại (A, B, C) do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giao cho tổ chức tín dụng theo quy định tại Phụ lục 4 Nghị định này.**  ~~3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn cụ thể phương thức đánh giá hiệu quả và xếp loại tổ chức tín dụng theo quy định tại Nghị định này phù hợp với đặc thù hoạt động của tổ chức tín dụng.~~ | - Sửa tên điều này theo hướng bỏ cụm từ “doanh nghiệp nhà nước là TCTD” để đảm bảo chặt chẽ hơn do tại Luật Các TCTD không còn định nghĩa “TCTD là doanh nghiệp” như trước đây.  - Kế thừa Nghị định 93 và tại khoản 3 bổ sung thêm quy định phương thức đánh giá hiệu quả và xếp loại TCTD từ Thông tư 12 và đưa ra Phụ lục 4 của Nghị định; đồng thời bỏ quy định giao *“Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với NHNN hướng dẫn cụ thể phương thức đánh giá hiệu quả và xếp loại tổ chức tín dụng”* do không còn Thông tư hướng dẫn. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật 69, Nghị định 87)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 32. Đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp là tổ chức tín dụng cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ**  1. Việc đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp là tổ chức tín dụng cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được thực hiện theo quy định đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quy định tại Nghị định này.  2. Trước khi tổ chức tín dụng tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát kế hoạch tài chính để xác định các chỉ tiêu đánh giá đối với tổ chức tín dụng cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ để giao nhiệm vụ cho Người đại diện vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng bằng văn bản trước ngày 30 tháng 4 của năm kế hoạch. Các chỉ tiêu đánh giá không được điều chỉnh trong suốt kỳ thực hiện kế hoạch, trừ các trường hợp bất khả kháng.  3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng và kết quả hoạt động của tổ chức tín dụng cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ để làm căn cứ đánh giá, khen thưởng đối với Người đại diện vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng và làm cơ sở để xây dựng kế hoạch, giao nhiệm vụ cho Người đại diện vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng trong năm tiếp theo; đồng thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc tiếp tục đầu tư, mở rộng đầu tư hay thoái vốn nhà nước tại các tổ chức tín dụng này. |  | **1. Luật 69:**  ***Khoản 6 Điều 15*** giao**:** *“Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí đánh giá hiệu quả, trình tự, thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp đang hoạt động”*.  **2. Nghị định 87:**  ***- Khoản 6 Điều 2 về đối tượng áp dụng:*** *“Các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực… tài chính, ngân hàng… thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật về…tài chính, ngân hàng... Trường hợp quy định của pháp luật về… tài chính, ngân hàng… khác quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về… tài chính, ngân hàng…”*. | **Điều 34. Đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại ~~doanh nghiệp là~~ tổ chức tín dụng cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ**  1. Việc đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại ~~doanh nghiệp là~~ tổ chức tín dụng cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% **đến dưới 100%** vốn điều lệ được thực hiện theo quy định đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quy định tại Nghị định này.  2. Trước khi tổ chức tín dụng tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát kế hoạch tài chính để xác định các chỉ tiêu đánh giá đối với tổ chức tín dụng cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% **đến dưới 100%** vốn điều lệ để giao nhiệm vụ cho Người đại diện vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng bằng văn bản trước ngày 30 tháng 4 của năm kế hoạch. Các chỉ tiêu đánh giá không được điều chỉnh trong suốt kỳ thực hiện kế hoạch, trừ các trường hợp bất khả kháng.  3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng và kết quả hoạt động của tổ chức tín dụng cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% **đến dưới 100%** vốn điều lệ để làm căn cứ đánh giá, khen thưởng đối với Người đại diện vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng và làm cơ sở để xây dựng kế hoạch, giao nhiệm vụ cho Người đại diện vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng trong năm tiếp theo; đồng thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc tiếp tục đầu tư, mở rộng đầu tư hay thoái vốn nhà nước tại các tổ chức tín dụng này. | - Sửa tên điều này theo hướng bỏ cụm từ “doanh nghiệp nhà nước là TCTD” để đảm bảo chặt chẽ hơn do tại Luật Các TCTD không còn định nghĩa “TCTD là doanh nghiệp” như trước đây.  - Kế thừa và giữ nguyên quy định tại Nghị định 93 |

**Chương VI - HẠCH TOÁN, KẾ TOÁN, QUY CHẾ TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật Kế toán)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 18. Đồng tiền hạch toán**  1. Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính được phản ánh trên sổ sách, báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán bằng đồng Việt Nam, ký hiệu quốc gia là “đ”, ký hiệu quốc tế là “VND”.  2. Trong trường hợp đơn vị kế toán chủ yếu thu, chi bằng một loại ngoại tệ thì được tự lựa chọn loại ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Khi lập và trình bày báo cáo tài chính sử dụng tại Việt Nam, phải quy đổi ra đồng Việt Nam. |  | **1. Luật Kế toán:**  ***Khoản 1 Điều 10. Đơn vị tính sử dụng trong kế toán***  *“Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam, ký hiệu quốc gia là “đ”, ký hiệu quốc tế là “VND”. Trong trường hợp nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh bằng ngoại tệ, thì đơn vị kế toán phải ghi theo nguyên tệ và Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đối với loại ngoại tệ không có tỷ giá hối đoái với Đồng Việt Nam thì phải quy đổi thông qua một loại ngoại tệ có tỷ giá hối đoái với Đồng Việt Nam.*  *Đơn vị kế toán chủ yếu thu, chi bằng một loại ngoại tệ thì được tự lựa chọn loại ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ để kế toán, chịu trách nhiệm trước pháp luật và thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Khi lập báo cáo tài chính sử dụng tại Việt Nam, đơn vị kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”*. | **Điều 35. Hạch toán, kế toán ~~Đồng tiền hạch toán~~**  **1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hạch toán kế toán theo quy định tại Điều 150 Luật Các tổ chức tín dụng.**  ~~1~~**2**. Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính được phản ánh trên sổ sách, báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán bằng đồng Việt Nam, ký hiệu quốc gia là “đ”, ký hiệu quốc tế là “VND”.  ~~2~~**3**. Trong trường hợp đơn vị kế toán chủ yếu thu, chi bằng một loại ngoại tệ thì được tự lựa chọn loại ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Khi lập và trình bày báo cáo tài chính sử dụng tại Việt Nam, phải quy đổi ra đồng Việt Nam. | Kế thừa quy định về đồng tiền hạch toán tại Nghị định 93, có bổ sung thêm khoản 1 dẫn chiếu về nguyên tắc tới Luật Các TCTD. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật 69, Nghị định 87/2015/NĐ-CP)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 27. Kiểm toán**  1. Tổ chức tín dụng phải tổ chức kiểm toán nội bộ theo quy định tại Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật khác có liên quan.  2. Việc kiểm toán báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về kiểm toán. Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng phải được gửi Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |  | **1. Luật 69**  ***- Khoản 2 Điều 60 quy định báo cáo hoạt động của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước:*** *“Doanh nghiệp phải thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp”.*  **2. Luật Các TCTD:**  ***- Điều 58. Kiểm toán nội bộ (đối với TCTD là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn):***  *“1. TCTD phải thành lập kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ TCTD.*  *2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của TCTD; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm TCTD hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.*  *3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của TCTD”*.  ***- Điều 59. Kiểm toán độc lập (đối với TCTD là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn)***  *“1. Trước khi kết thúc năm tài chính, TCTD phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo.*  *2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, TCTD phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn”*.  ***- Khoản 2 Điều 82:*** *“****Ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân*** *phải có kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện kiểm toán độc lập theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước”*.  ***- Khoản 1 Điều 97:*** *“Cơ cấu tổ chức quản lý của chi nhánh ngân hàng nước ngoài do ngân hàng nước ngoài quyết định và tuân thủ quy định của Luật này về điều hành, quy định tại Điều 57 và Điều 59 của Luật này về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán độc lập; việc kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định của ngân hàng nước ngoài”.* | **Điều 36. Kiểm toán**  1. Tổ chức tín dụng phải tổ chức kiểm toán nội bộ theo quy định tại Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định **khác của** pháp luật ~~khác~~ có liên quan.  2. ~~Việc kiểm toán báo cáo tài chính của~~ Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài **phải** thực hiện **kiểm toán báo cáo tài chính năm** theo quy định của **Luật Các tổ chức tín dụng và** pháp luật ~~hiện hành~~ về kiểm toán. ~~Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng phải được gửi Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.~~ | - Kế thừa quy định tại Nghị định 93, trong đó có sửa đổi lại câu chữ tại khoản 1 và khoản 2 cho phù hợp.  - Khoản 2 bổ sung dẫn chiếu đến quy định của Luật Các TCTD để đảm bảo đầy đủ do Luật Các TCTD cũng có quy định về kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập (Điều 58, Điều 59, khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 97).  - Khoản 2 bỏ quy định gửi BTC và NHNN kết quả kiểm toán BCTC do nội dung này thuộc chế độ báo cáo và đã được quy định tại Điều 38 Nghị định này. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không có quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật 69, Nghị định 140 hợp nhất)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| **Điều 28. Quy chế tài chính**  Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn về chế độ tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xây dựng quy chế tài chính của mình trình Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền), Hội đồng thành viên phê duyệt để làm căn cứ thực hiện. |  | **1. Luật Các TCTD:** không có quy định cụ thể về việc ban hành quy chế tài chính nhưng có quy định về trách nhiệm ban hành quy định nội bộ của Đại hội đồng cổ đông (Điều 67), Đại hội thành viên (Điều 86), Hội đồng quản trị (Điều 70, Điều 88), Hội đồng thành viên (Điều 74, Điều 79).  **2. Luật 69:**  **- Khoản 3 Điều 40 trách nhiệm của Chính phủ:** *“Quy định việc quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm:… thẩm quyền ban hành quy chế tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”*.  **- Khoản 1 Điều 64:** *“Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành điều lệ, quy chế tài chính của doanh nghiệp theo quy định của Luật này”*.  **3. Nghị định 140 hợp nhất:**  ***- Khoản 1 Điều 42:***  *“1. Thẩm quyền ban hành quy chế tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước:*  *a) Chính phủ ban hành quy chế tài chính đối với một số doanh nghiệp nhà nước là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.*  *b) Cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành Quy chế tài chính đối với công ty mẹ “tổng công ty nhà nước do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập hoặc được giao quản lý sau khi có thỏa thuận với Bộ Tài chính; ban hành Quy chế tài chính đối với các doanh nghiệp nhà nước còn lại do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập hoặc được giao quản lý”.* | **Điều 37. Quy chế tài chính**  **1.** Căn cứ quy định tại Nghị định này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xây dựng quy chế tài chính của mình **và** trình **cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài** ~~Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền), Hội đồng thành viên~~ phê duyệt để làm căn cứ thực hiện.  **2. Đối với tổ chức tín dụng cho Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, việc xây dựng, ban hành quy chế tài chính thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.** | - Sửa đổi lại thẩm quyền ban hành quy chế tài chính đối với TCTD, CNNHNNg là *“theo quy định tại Điều lệ của TCTD, CNNHNNg”* để phù hợp với phân cấp thẩm quyền tại Luật Các TCTD quy định về nhiệm vụ quyền hạn ban hành quy định nội bộ của Đại hội đồng cổ đông (Điều 67), Đại hội thành viên (Điều 86), Hội đồng quản trị (Điều 70, Điều 88), Hội đồng thành viên (Điều 74, Điều 79); đồng thời có quy định đại hội đồng cổ đông thông qua điều lệ (điểm b khoản 3 Điều 67)  - Bổ sung quy định về thẩm quyền ban hành quy chế tài chính đối với TCTD cho Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệđể đồng bộ với quy định về thẩm quyền ban hành quy chế tài chính đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước quy định tại Luật 69 (khoản 3 Điều 40 và khoản 1 Điều 64). |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Các Thông tư số: 16/2018/TT-BTC hợp nhất, 18/2018/TT-BTC, 19/2018/TT-BTC, 20/2018/TT-BTC)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(Luật 69, Nghị định 87/2015/NĐ-CP, 91/2015/NĐ-CP)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 26. Chế độ báo cáo**  1. Cuối kỳ kế toán, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải lập và gửi các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.  2. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về nội dung, mẫu biểu, kỳ báo cáo, thời hạn gửi báo cáo, phương thức báo cáo bằng văn bản, phương thức báo cáo điện tử, đơn vị gửi báo cáo, đơn vị nhận báo cáo.  3. Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này. | **1. Thông tư 16 hợp nhất:**  ***- Điều 8. Nội dung báo cáo, mẫu biểu báo cáo, kỳ báo cáo, thời hạn gửi báo cáo, nơi nhận báo cáo***  *“1. TCTD, CNNHNNg thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định 93 và hướng dẫn tại Thông tư này.*  *2. Báo cáo kế hoạch tài chính năm: TCTD do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ gửi báo cáo cáo kế hoạch tài chính năm theo quy định tại Điều 25 Nghị định 93.*  *3. Báo cáo tài chính, bao gồm: a) Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, năm; b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, năm; c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, năm; d) Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, năm; đ) Báo cáo khác, gồm:*  *- Bảng cân đối tài khoản kế toán tháng;*  *- Báo cáo một số chỉ tiêu an toàn tài chính năm;*  *- Báo cáo tình hình thu nhập của người quản lý, cán bộ, công nhân viên năm.*  *Báo cáo tài chính của TCTD, CNNHNNg thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với TCTD; riêng Báo cáo một số chỉ tiêu an toàn tài chính và Báo cáo tình hình thu nhập của người quản lý, cán bộ, công nhân viên TCTD, CNNHNNg thực hiện theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 đính kèm Thông tư này.*  *4. Thời hạn gửi báo cáo: a) Thời hạn gửi báo cáo kế hoạch tài chính năm theo quy định tại Điều 25 Nghị định 93; b) Thời hạn gửi báo cáo tháng: chậm nhất là ngày 10 của tháng kế tiếp; c) Thời hạn gửi báo cáo tài chính giữa niên độ chậm nhất là ngày 30 tháng đầu của quý kế tiếp; d) Thời hạn gửi báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán chậm nhất là 180 ngày đối với TCTD nước ngoài và 90 ngày đối với các TCTD khác kể từ ngày kết thúc năm tài chính; đ) Thời hạn gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán kèm theo kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập (báo cáo kiểm toán): ngay sau khi kết thúc kiểm toán; e) Nếu ngày cuối cùng của thời hạn gửi báo cáo tài chính là ngày lễ, ngày Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần thì ngày nộp báo cáo tài chính chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó.*  *5. Nơi nhận báo cáo:*  *TCTD, CNNHNNg gửi báo cáo tài chính cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để chủ trì giám sát việc thực hiện chế độ tài chính của TCTD, CNNHNNg; đồng thời gửi Bộ Tài chính”.*  ***- Điều 9. Phương thức báo cáo:***  *“TCTD, CNNHNNg thực hiện gửi báo cáo cho Bộ Tài chính theo các phương thức sau:*  *1. Báo cáo bằng văn bản:*  *TCTD, CNNHNNg thực hiện báo cáo bằng văn bản báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán đối với các báo cáo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 8 Thông tư này.*  *2. Báo cáo điện tử:*  *a) TCTD, CNNHNNg thực hiện báo cáo điện tử đối với các báo cáo quy định tại Điều 8 Thông tư này.*  *b) Các TCTD, CNNHNNg thực hiện kết nối với Bộ Tài chính thông qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để gửi báo cáo tài chính điện tử về Bộ Tài chính theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính.*  *c) Trường hợp TCTD, CNNHNNg chưa đủ điều kiện kết nối mạng truyền tin với Bộ Tài chính thì gửi file báo cáo qua vật mang tin hoặc gửi báo cáo bằng văn bản cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính) để thực hiện cập nhật dữ liệu báo cáo.*  *d) Trường hợp hệ thống truyền dữ liệu có sự cố, các đơn vị báo cáo phải gửi file báo cáo được lưu trên vật mang tin hoặc gửi báo cáo bằng văn bản cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính) tại trụ sở Bộ Tài chính – Số 28 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội”.*  **2. Thông tư 18 (TCTC vi mô)**  ***- Điều 10. Chế độ báo cáo:***  *“1. Cuối kỳ kế toán, tổ chức tài chính vi mô phải lập và gửi các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.*  *2. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính trung thực của các báo cáo này.*  *3. Thời hạn gửi báo cáo: a) Báo cáo tài chính giữa niên độ: chậm nhất là ngày 30 tháng đầu của quý tiếp theo; b) Báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán: chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính; c) Báo cáo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm: Tổ chức tài chính vi mô gửi Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán kèm theo kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập ngay sau khi kết thúc kiểm toán.*  *4. Nơi nhận báo cáo:*  *a) Tổ chức tài chính vi mô Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ gửi báo cáo tài chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), đồng gửi Bộ Tài chính để phối hợp;*  *b) Các tổ chức tài chính vi mô còn lại gửi báo cáo tài chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)”*  ***- Điểm b khoản 3 Điều 11 quy định trách nhiệm của TCTC vi mô:***  *“Thực hiện chế độ báo cáo và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác của số liệu báo cáo theo quy định tại Nghị định số*[*93/2017/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-93-2017-nd-cp-che-do-tai-chinh-to-chuc-tin-dung-danh-gia-hieu-qua-dau-tu-von-nha-nuoc-358448.aspx)*và hướng dẫn tại Thông tư này”.*  **3. Thông tư 19 (NH HTX):**  ***Điều 10 quy định nội dung báo cáo, mẫu biểu báo cáo, kỳ báo cáo, thời hạn gửi báo cáo***  *“1. Ngân hàng thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định 93 và hướng dẫn tại Thông tư này.*  *2. Báo cáo kế hoạch tài chính năm của Ngân hàng gồm: Kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn; Kế hoạch thu nhập, chi phí, kết quả kinh doanh và chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước; Kế hoạch lao động, tiền lương.*  *3. Báo cáo tài chính gồm…, thời hạn gửi báo cáo…”* (tương tự như TCTD, CNNHNNg tại Thông tư 16)  ***- Điều 11 quy định phương thức báo cáo*** tương tự như đối với TCTD. CNNHNNg quy định tại Thông tư 16.  **4. Thông tư 20 (QTDND):**  ***- Điều 10. Chế độ báo cáo tài chính***  *1. Cuối kỳ kế toán, quỹ tín dụng nhân dân phải lập và gửi các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.*  *2. Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.*  *3. Báo cáo tài chính: a) Nội dung, mẫu biểu, kỳ báo cáo thực hiện theo quy định về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng; b) Báo cáo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về kiểm toán độc lập đối với quỹ tín dụng nhân dân.*  *4. Thời hạn gửi báo cáo*  *a) Báo cáo tài chính năm: chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.*  *Đối với quỹ tín dụng nhân dân phải thực hiện kiểm toán độc lập theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán kèm theo kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập (báo cáo kiểm toán) ngay sau khi kết thúc kiểm toán.*  *b) Báo cáo tài chính giữa niên độ: chậm nhất là ngày 30 tháng đầu tiên của quý tiếp theo.*  *5. Nơi nhận báo cáo*  *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh, thành phố nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở”.* | **1. Luật 69**  ***- Khoản 2 Điều 60 quy định báo cáo hoạt động của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước:***  *“Doanh nghiệp phải thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp. Trước và sau khi kiểm toán, Báo cáo tài chính năm phải được gửi đến cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật”*.  **2. Nghị định 87:**  **- *Khoản 2 Điều 40 quy định phương thức công khai thông tin tài chính theo định kỳ:***  *“Doanh nghiệp gửi Báo cáo tài chính sáu (06) tháng, Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện công khai theo quy định; gửi Báo cáo tài chính sáu (06) tháng, Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán đến Bộ Tài chính để phối hợp giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp”.*  **3. Nghị định 91**  ***- Khoản 1 Điều 35*** *quy định cuối kỳ kế toán (quý, năm), doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phải lập, trình bày, gửi các BCTC cho các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.*  **4. Thông tư 36/2021/TT-BTC**  *Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và Khoản 3 Điều 9 Thông tư 36 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/3/2023) thì: doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện lập, trình bày và gửi BCTC năm theo biểu mẫu, thời hạn nộp và nơi nhận báo cáo theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung; về phương thức gửi báo cáo được gửi theo đường văn thư, đồng thời gửi điện tử thông qua việc truy cập vào hệ thống thông tin quản lý tài chính doanh nghiệp trên website: http://taichinhdoanhnghiep.mof.gov.vn.* | **Điều 38. Chế độ báo cáo**  1. Cuối kỳ kế toán **năm**, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải lập và gửi các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. **Nội dung, mẫu biểu, thời hạn gửi và phương thức gửi báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chế độ báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng.**  **Đối với các tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, thời hạn gửi báo cáo tài chính, nơi nhận báo cáo tài chính và phương thức báo cáo tài chính còn phải thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.**  ~~2. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về nội dung, mẫu biểu, kỳ báo cáo, thời hạn gửi báo cáo, phương thức báo cáo bằng văn bản, phương thức báo cáo điện tử, đơn vị gửi báo cáo, đơn vị nhận báo cáo.~~  ~~3. Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này~~.  **2. Tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ gửi báo cáo cáo kế hoạch tài chính năm theo quy định tại** **Điều 30 Nghị định này**. | - Bỏ việc TCTD gửi báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính đang quy định tại Thông tư 16, 18, 19, 20 mà chỉ gửi cho NHNN để thống nhất đầu mối nhận báo cáo vì: **(i)** hiện nay đa số các ngân hàng thương mại chủ yếu là các ngân hàng đại chúng và đã thực hiện niêm yết, công khai thông tin báo cáo tài chính trên trang thông tin điện tử nên có thể khai thác được; **(ii)** giảm gánh nặng hành chính, tiết kiệm chi phí, thời gian, nhân lực, tránh việc phải gửi nhiều báo cáo cho các cơ quan nhà nước khác nhau đảm bảo thực hiện đúng chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020; **(iii)** Vẫn đảm bảo mục tiêu có đầy đủ nguồn thông tin để Bộ Tài chính phối hợp với NHNN trong quản lý, điều hành về vấn đề tài chính đối với các TCTD do NHNN đã tổng hợp chung báo cáo tài chính của các TCTD và gửi cho Bộ Tài chính.  - Hiện nay NHNN đã ban hành các quy định riêng về chế độ báo cáo, trong đó có BCTC đối với TCTD[[1]](#footnote-1), do đó nội dung, mẫu biểu, thời hạn gửi và phương thức gửi báo cáo tài chính của TCTD sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định của Thống đốc NHNN; bỏ khoản 2 Điều 26 Nghị định 93 giao Bộ Tài chính hướng dẫn.  - Bổ sung quy định đối với các TCTD do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ còn phải thực hiện phương thức báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp để đồng bộ với các doanh nghiệp nhà nước. |

**Chương VII -** **TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(không quy định)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 37. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**  1. Bộ Tài chính chủ trì, hướng dẫn các nội dung được giao tại Điều 16, Điều 17, Điều 26, Điều 30, Điều 31 Nghị định này và các nội dung cần thiết khác liên quan đến quản lý tài chính của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để thi hành Nghị định này.  2. Tổng kết đánh giá việc thực hiện Nghị định này để trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong trường hợp cần thiết.  3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc lập và thực hiện kế hoạch giám sát các tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước; giám sát theo chuyên đề hoặc theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.  4. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý các vấn đề về tài chính của tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. |  |  | **Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**  ~~1. Bộ Tài chính chủ trì, hướng dẫn các nội dung được giao tại Điều 16, Điều 17, Điều 26, Điều 30, Điều 31 Nghị định này và các nội dung cần thiết khác liên quan đến quản lý tài chính của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để thi hành Nghị định này.~~  ~~3.~~**1.** Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc lập và thực hiện kế hoạch giám sát các tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ100% vốn điều lệ ~~và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước~~; giám sát theo chuyên đề hoặc theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.  ~~4.~~**2.** Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý các vấn đề về tài chính của tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ~~100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ~~ **trên 50% vốn điều lệ theo quy định.**  ~~2.~~**3.** **Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành báo cáo Chính phủ việc** tổng kết đánh giá việc thực hiện Nghị định này để trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong trường hợp cần thiết. | - Bỏ khoản 1 Nghị định 93 để phù hợp với các nội dung nêu trên do không còn Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.  - Khoản 1 dự thảo Nghị định bỏ cụm từ *“tổ chức tín dụng có vốn nhà nước”* cho phù hợp với Nghị định 87 vì Điều 12 Nghị định 87 chỉ quy định trách nhiệm lập và thực hiện kế hoạch giám sát đối với các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Thông tư 16, 18, 19, 20 đã được sửa đổi bởi Thông tư 84)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(không quy định)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 38.** **Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**  1. Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định này.  2. Thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; định kỳ 06 tháng và hằng năm thông báo cho Bộ Tài chính tình hình tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các vi phạm về chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phát hiện trong quá trình kiểm tra, thanh tra, giám sát để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời.  3. Thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng có vốn nhà nước được giao theo phân công của Chính phủ.  a) Quyết định và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong phạm vi thẩm quyền của người đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước;  b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trong việc lập và thực hiện kế hoạch giám sát tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng có vốn nhà nước theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan;  c) Gửi báo cáo kết quả giám sát tài chính và kết quả xếp loại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; báo cáo kết quả giám sát tài chính của tổ chức tín dụng có vốn nhà nước cho Bộ Tài chính. | **1. Thông tư 16 hợp nhất:**  ***Khoản 2 Điều 10 quy định trách nhiệm của NHNN:***  *“a) Định kỳ 06 tháng (trước ngày 31/8) và hàng năm (trước ngày 30/4 năm kế tiếp), NHNN thông báo cho Bộ Tài chính tình hình tài chính của TCTD, CNNHNNg theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định 93, cụ thể theo các chỉ tiêu sau (có phân theo loại hình TCTD):*  *- Số lượng các TCTD, CNNHNNg.*  *- Tổng số vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu, tài sản có, tổng dư nợ, tổng huy động vốn, tỷ lệ nợ xấu và các tỷ lệ an toàn trong hoạt động của các TCTD, CNNHNNg.*  *- Tổng số lợi nhuận (lỗ) và số lượng các TCTD, CNNHNNg hoạt động có lợi nhuận (bị lỗ).*  *- Tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động của các TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.*  *- Các chỉ tiêu, nội dung khác có liên quan.*  *- Các vi phạm về chế độ tài chính của các TCTD, CNNHNNg được phát hiện trong quá trình thanh tra, giám sát.*  *b) Thời gian chốt số liệu:*  *- Đối với báo cáo 06 tháng: Tính từ ngày 01 tháng 01 kỳ báo cáo đến hết ngày 30 tháng 6 kỳ báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định).*  *- Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định).*  *c) Phương thức gửi báo cáo thực hiện theo một trong các phương thức sau:*  *- Gửi trực tiếp dưới hình thức văn bản giấy;*  *- Gửi qua dịch vụ bưu chính dưới hình thức văn bản giấy;*  *- Gửi qua hệ thống thư điện tử hoặc hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng;*  *- Các phương thức khác theo quy định của pháp luật”*.  **2. Thông tư 18 (TCTC vi mô) hợp nhất:**  ***- Khoản 2 Điều 11 quy định trách nhiệm của NHNN:***  *“NHNN chủ trì giám sát việc thực hiện chế độ tài chính của tổ chức tài chính vi mô.*  *a) Định kỳ 06 tháng và hàng năm gửi báo cáo thông báo cho Bộ Tài chính tình hình tài chính của tổ chức tài chính vi mô và các vi phạm về chế độ tài chính của tổ chức tài chính vi mô được phát hiện trong quá trình kiểm tra, thanh tra, giám sát (nếu có). Đối với báo cáo 06 tháng, NHNN gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 8; đối với báo cáo năm, NHNN gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 4 năm sau.*  *b) Thời gian chốt số liệu:*  *- Đối với báo cáo 06 tháng: Tính từ ngày 01 tháng 01 kỳ báo cáo đến hết ngày 30 tháng 6 kỳ báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định).*  *- Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định).*  *c) Phương thức gửi báo cáo thực hiện theo một trong các phương thức sau:*  *- Gửi trực tiếp dưới hình thức văn bản giấy;*  *- Gửi qua dịch vụ bưu chính dưới hình thức văn bản giấy;*  *- Gửi qua hệ thống thư điện tử hoặc hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng;*  *- Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.*  **3. Thông tư 19 (NH HTX) hợp nhất**  *- Khoản 2 Điều 12 quy định trách nhiệm của NHNN:*  *“a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam căn cứ quy định tại Nghị định 93 và các quy định của pháp luật về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng có vốn nhà nước để thực hiện giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại Ngân hàng. NHNN lập Báo cáo đánh giá hiệu quả hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại Ngân hàng, gửi lấy ý kiến Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 4 của năm tiếp theo và thực hiện công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.*  *b) Định kỳ 06 tháng (trước ngày 31/7) và hàng năm (trước ngày 31/3 năm kế tiếp), NHNN thông báo cho Bộ Tài chính tình hình tài chính của Ngân hàng theo quy định tại**khoản 2 Điều 38 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP, cụ thể theo các chỉ tiêu sau:*  *- Đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.*  *- Các chỉ tiêu, nội dung khác có liên quan.*  *- Các vi phạm về chế độ tài chính của Ngân hàng được phát hiện trong quá trình thanh tra, giám sát (nếu có).*  *c) Thời gian chốt số liệu:*  *- Đối với báo cáo 06 tháng: Tính từ ngày 01 tháng 01 kỳ báo cáo đến hết ngày 30 tháng 6 kỳ báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định).*  *- Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định).*  *d) Phương thức gửi báo cáo thực hiện theo một trong các phương thức sau:*  *- Gửi trực tiếp dưới hình thức văn bản giấy;*  *- Gửi qua dịch vụ bưu chính dưới hình thức văn bản giấy;*  *- Gửi qua hệ thống thư điện tử hoặc hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng;*  *- Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.*  **4. Thông tư 20 (QTDND) hợp nhất**  ***- Khoản 2 Điều 11 quy định trách nhiệm của NHNN:***  *“2. Trách nhiệm của NHNN*  *2.1. Định kỳ 6 tháng (trước ngày 31/8) và hàng năm (trước ngày 30/4 năm kế tiếp), NHNN có trách nhiệm thông báo cho Bộ Tài chính tình hình tài chính của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định 93, cụ thể theo các chỉ tiêu sau:*  *a) Số lượng quỹ tín dụng nhân dân (trong đó, nêu rõ số lượng quỹ tín dụng nhân dân bị lỗ, số lượng quỹ tín dụng nhân dân không bị lỗ, số lượng quỹ tín dụng nhân dân lãi);*  *b) Tổng số lãi; tổng số lỗ;*  *c) Các vi phạm về chế độ tài chính của các quỹ tín dụng nhân dân được phát hiện trong quá trình thanh tra, giám sát (nếu có).*  *2.2. Thời gian chốt số liệu:*  *a) Đối với báo cáo 06 tháng: Tính từ ngày 01 tháng 01 kỳ báo cáo đến hết ngày 30 tháng 6 kỳ báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định).*  *b) Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định).*  *2.3. Phương thức gửi báo cáo thực hiện theo một trong các phương thức sau:*  *a) Gửi trực tiếp dưới hình thức văn bản giấy;*  *b) Gửi qua dịch vụ bưu chính dưới hình thức văn bản giấy;*  *c) Gửi qua hệ thống thư điện tử hoặc hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng;*  *d) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.”* | **1. Luật Các TCTD**  ***- Khoản 2, 3, 4 Điều 206:***  *“2. NHNN là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tổ chức, hoạt động của TCTD, CNNHNNg, văn phòng đại diện nước ngoài.*  *3. Bộ Tài chính có trách nhiệm quản lý nhà nước trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán, hoạt động đại lý bảo hiểm đối với TCTD, CNNHNNg, công ty con, công ty liên kết của TCTD theo quy định của**[Luật Chứng khoán](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Chung-khoan/Luat-Chung-khoan-nam-2019-399763.aspx" \t "_blank),**[Luật Kinh doanh bảo hiểm](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bao-hiem/Luat-Kinh-doanh-bao-hiem-2022-465916.aspx" \t "_blank) và quy định khác của pháp luật có liên quan.*  *4. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với TCTD, CNNHNNg, văn phòng đại diện nước ngoài theo quy định của pháp luật”.*  ***-*** ***Khoản 1 Điều 207. Thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát:*** *“Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát TCTD, CNNHNNg, văn phòng đại diện nước ngoài theo quy định của* *NHNN và quy định khác của pháp luật có liên quan”.* | **Điều 40. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**  1. Phối hợp với Bộ Tài chính ~~hướng dẫn thực hiện Nghị định này~~ **việc tổng kết đánh giá việc thực hiện Nghị định này để trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong trường hợp cần thiết.**  2. Thực hiện **giám sát,** kiểm tra, thanh tra~~, giám sát~~ hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; định kỳ 06 tháng **(trước ngày 31 tháng 8)** và hằng năm **(trước ngày 30 tháng 4 năm kế tiếp)** thông báo cho Bộ Tài chính tình hình tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các vi phạm về chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phát hiện trong quá trình **giám sát,** kiểm tra, thanh tra~~, giám sát~~ để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời, cụ thể theo các ~~chỉ~~ tiêu **chí** sau **(có phân theo từng loại hình tổ chức tín dụng)**:  **a) Nội dung: số lượng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tổng số vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu, tài sản có, tổng dư nợ, tổng huy động vốn, tỷ lệ nợ xấu và các tỷ lệ an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tổng số lợi nhuận (lỗ) và số lượng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động có lợi nhuận (bị lỗ); tình hình tài chính; hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng; số nộp ngân sách nhà nước (bao gồm các loại thuế, phí, cổ tức, lợi nhuận còn lại); các chỉ tiêu, nội dung khác có liên quan; các vi phạm về chế độ tài chính của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phát hiện trong quá trình giám sát, kiểm tra, thanh tra.**  **b) Thời gian chốt số liệu:**  **Đối với báo cáo 06 tháng: Tính từ ngày 01 tháng 01 kỳ báo cáo đến hết ngày 30 tháng 6 kỳ báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định).**  **Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định).**  **c) Phương thức thông báo thực hiện theo một trong các phương thức như sau: gửi văn bản giấy hoặc gửi qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.**  3. Thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng có vốn nhà nước được giao theo phân công của Chính phủ.  a) Quyết định và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong phạm vi thẩm quyền của người đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước;  b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trong việc lập và thực hiện kế hoạch giám sát tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan;  c) Gửi báo cáo kết quả giám sát tài chính và kết quả xếp loại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; báo cáo kết quả giám sát tài chính của tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% **đến dưới 100%** vốn điều lệ cho Bộ Tài chính **theo quy định của pháp luật về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.**  **d) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam căn cứ quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước để thực hiện giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại Ngân hàng Hợp tác xã. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lập Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại Ngân hàng Hợp tác xã, gửi lấy ý kiến Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo và thực hiện công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.** | - Khoản 1: bỏ cụm từ *“hướng dẫn thực hiện Nghị định này”* do không còn Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định theo tinh thần tại khoản 1 Điều 38 Nghị định này; đồng thời bổ sung quy định phối hợp với Bộ Tài chính tổng kết đánh giá việc thực hiện Nghị định.  - Khoản 2 bổ sung thời hạn gửi báo cáo, nội dung báo cáo, thời gian chốt số liệu theo các Thông tư số 16, 18, 19, 20 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi TT số [84/2020/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-84-2020-tt-btc-sua-doi-che-do-bao-cao-dinh-ky-linh-vuc-tai-chinh-ngan-hang-455095.aspx)). Riêng đối với: **(i)** thời gian chốt số liệu có sự khác nhau giữa tổ chức tài chính vi mô (TT18) với TCTD (TT16), NH HTX (TT19), QTDND (TT20) nên quy định tất cả các TCTD theo Thông tư 16 để đảm bảo thống nhất; **(ii)** phương thức thông báo sửa đổi lại để phù hợp với Điều 21 Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư quy định việc tiếp nhận văn bản đến, gồm 02 loại văn bản giấy, văn bản điện tử và Điều 5, Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước quy định: *“2. Tất cả văn bản điện tử thuộc thẩm quyền ban hành và giải quyết của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước phải được gửi, nhận qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành…”*  - Không đưa nội dung “*NHNN chủ trì giám sát việc thực hiện chế độ tài chính của tổ chức tài chính vi mô”* tại Thông tư 18 do đã quy định tại khoản 11 Điều 4 Luật NHNN quy định trách nhiệm của NHNN bao gồm *“kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng”*.  - Bổ sung điểm d khoản 3 Điều này lấy từ điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư 19 (NH HTX) và sửa đổi thời hạn gửi lấy ý kiến Bộ Tài chính từ *“trước ngày 30/4 của năm tiếp theo”* thành *“trước ngày 31/5”* để phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 31 Nghị định 87 (*“Cơ quan đại diện chủ sở hữu... lập Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích được giao của các doanh nghiệp nhà nước, gửi lấy ý kiến Bộ Tài chính trước ngày 31/5 của năm tiếp theo”*). |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(Các Thông tư số 16, 18, 19, 20)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(không quy định)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 33. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng**  1. Thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của tổ chức tín dụng trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của [Luật các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank) và các quy định pháp luật khác có liên quan.  2. Nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do Nhà nước, chủ sở hữu và các bên góp vốn giao cho tổ chức tín dụng sử dụng.  3. Quyết định hoặc thông qua trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của [Luật các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank), các quy định pháp luật khác có liên quan và điều lệ của tổ chức tín dụng:  a) Phương án huy động vốn;  b) Phương án sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, các dự án đầu tư, mua bán tài sản của tổ chức tín dụng; phương án góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác; phương án chuyển nhượng vốn đầu tư ra bên ngoài;  c) Báo cáo tài chính hàng năm và kế hoạch tài chính dài hạn, kế hoạch tài chính hàng năm của tổ chức tín dụng;  d) Báo cáo tài chính hàng năm của công ty thành viên độc lập thuộc tổ chức tín dụng;  đ) Cử người đại diện phần vốn tổ chức tín dụng đầu tư vào doanh nghiệp khác.  4. Thực hiện công bố công khai báo cáo tài chính theo quy định của [Luật các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank).  5. Kiểm tra, giám sát Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng, Giám đốc công ty thành viên độc lập trong việc sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn, tổ chức thực hiện kinh doanh theo kế hoạch, phương án đã được phê duyệt, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.  6. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính trung thực của báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng.  7. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng.  **Điều 34. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng**  1. Điều hành hoạt động của tổ chức tín dụng và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của tổ chức tín dụng.  2. Chịu trách nhiệm điều hành việc sử dụng vốn trong kinh doanh theo phương án sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn được Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thông qua; thực hiện phương án phân phối lợi nhuận sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác.  3. Chịu trách nhiệm về việc huy động và sử dụng các nguồn vốn vào hoạt động kinh doanh; chịu trách nhiệm vật chất đối với những thiệt hại do lỗi chủ quan gây ra cho tổ chức tín dụng.  4. Xây dựng các định mức chi phí phù hợp với điều kiện kinh doanh của tổ chức tín dụng.  5. Lập và trình Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.  6. Xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh trình Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thông qua.  7. Quyết định các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác, chuyển nhượng vốn đầu tư ra bên ngoài theo phân cấp ủy quyền của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên tổ chức tín dụng.  8. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng.  **Điều 35. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Đại diện cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và điều hành hoạt động hàng ngày theo quyền và nghĩa vụ phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.  2. Trường hợp một ngân hàng nước ngoài có hai hoặc nhiều chi nhánh hoạt động tại Việt Nam và thực hiện chế độ tài chính, hạch toán, báo cáo hợp nhất thì ngân hàng nước ngoài phải ủy quyền cho một Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.  **Điều 36.** **Trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng**  Người đại diện phần vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng phải thực hiện đầy đủ quyền, trách nhiệm của người đại diện liên quan đến việc quản lý tài chính, giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng theo quy định của Nghị định này, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định của pháp luật khác có liên quan. | **1. Thông tư 16 hợp nhất**  ***Điều 11. Trách nhiệm của các TCTD, CNNHNNg***  *“Thực hiện chế độ tài chính theo quy định của Luật Các TCTD; Nghị định 93; các nội dung hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài chính khác có liên quan”*.  **2. Thông tư 18 (TCTC vi mô)**  ***- Khoản 3 Điều 11 quy định trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô:***  *“a) Thực hiện chế độ tài chính theo quy định của Luật Các TCTD; Nghị định 93; các nội dung hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài chính khác có liên quan;*  *b) Thực hiện chế độ báo cáo và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác của số liệu báo cáo theo quy định tại Nghị định 93 và hướng dẫn tại Thông tư này”.*  **3. Thông tư 19 (NH HTX)**  ***Điều 13. Trách nhiệm của NH HTX***  *“Thực hiện chế độ tài chính theo quy định của Luật Các TCTD; Nghị định 93; các nội dung hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài chính khác có liên quan”*.  **4. Thông tư 20 (QTDND):**  ***- Khoản 3 Điều 11 quy định trách nhiệm của QTDND***  *“Thực hiện chế độ tài chính theo quy định của Luật Các TCTD; Nghị định 93 ; các nội dung hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài chính khác có liên quan”*. | **- Điều 70 Nhiệm vụ quyền hạn của HĐQT:**  ”5. Cử người đại diện phần vốn góp của tổ chức tín dụng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác  6.Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng  7.Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của tổ chức tín dụng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông”  “11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc (Giám đốc) thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc (Giám đốc)”;  “21. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị”  **- Điều 74 (khoản 2) Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐTV:**  “e) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc (Giám đốc) trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; định kỳ hằng năm đánh giá hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc (Giám đốc)”  ”i) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của tổ chức tín dụng hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng”  **- Điều 79 (khoản 2) Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐTV:**  “b Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động vốn”  “i) Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; góp vốn thành lập công ty liên kết”  ”h) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của tổ chức tín dụng”  **- Điều 55 Tổng giám đốc (Giám đốc)**  “2. Tổng giám đốc (Giám đốc) là người điều hành cao nhất của tổ chức tín dụng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình”  **- Điều 56 Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc):**  “4. Lập và trình Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác” - Điều 95 Tổng giám đốc (Giám đốc) của TCTD là hợp tác xã“2. Tổng giám đốc (Giám đốc) là người điều hành cao nhất, có nhiệm vụ điều hành công việc hằng ngày của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân; chịu sự giám sát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao”- Điều 96. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc) của TCTD là hợp tác xã 5. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và thông tin tài chính khác - Điều 98. Tổng giám đốc (Giám đốc) CNNHNNg “1. Tổng giám đốc (Giám đốc) CNNHNNg là người đại diện cho CNNHNNg trước pháp luật, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của CNNHNNg và điều hành hoạt động hằng ngày theo quyền, nghĩa vụ phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc) CNNHNNg”. | **Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm thực hiện chế độ tài chính, quản lý và sử dụng vốn, tài sản theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.  2. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên có trách nhiệm:  a) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của tổ chức tín dụng trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan;  b) Quyết định hoặc thông qua trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định pháp luật khác có liên quan và Điều lệ của tổ chức tín dụng: Phương thức huy động vốn; Phương án sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, đầu tư, mua bán tài sản cố định của tổ chức tín dụng; phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác; chuyển nhượng vốn đầu tư ra bên ngoài; Báo cáo tài chính hàng năm của tổ chức tín dụng;  c) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng, Giám đốc công ty thành viên độc lập trong việc sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn, tổ chức thực hiện kinh doanh theo kế hoạch, phương án đã được phê duyệt, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước;  d) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng.  3. Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng có trách nhiệm:  a) Điều hành hoạt động của tổ chức tín dụng và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của tổ chức tín dụng;  b) Lập và trình Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.  c) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng.  4. Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm đại diện cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và điều hành hoạt động hàng ngày theo quyền và nghĩa vụ phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.  5. Người đại diện phần vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng có trách nhiệm:  Thực hiện đầy đủ quyền, trách nhiệm của người đại diện liên quan đến việc quản lý tài chính, giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng theo quy định của Nghị định này, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | Thiết kế lại Điều này theo hướng rà soát, kế thừa các nội dung quy định tại Điều 33, 34, 35, 36 Nghị định 93 phù hợp với quy định về trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc), người đại diện tại Luật Các TCTD (Điều 70, Điều 74, Điều 79, Điều 56, 96. |

**Chương VIII - TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(không quy định)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 39. Điều khoản chuyển tiếp**  Đối với hoạt động tài chính phát sinh trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà Nghị định số [57/2012/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-57-2012-nd-cp-che-do-tai-chinh-doi-voi-to-chuc-tin-dung-144156.aspx) ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy định khác với quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số [57/2012/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-57-2012-nd-cp-che-do-tai-chinh-doi-voi-to-chuc-tin-dung-144156.aspx) . |  |  | **Không quy định nội dung này.** | Nghị định này không cần phải quy định điều khoản chuyển tiếp vì:  **(i)** Thời điểm ban hành Nghị định này dự kiến là sau khi các TCTD đã thực hiện xong các thủ tục lập, giao kế hoạch tài chính, đánh giá xếp loại, phân phối lợi nhuận nên sẽ không cần phải chuyển tiếp.  **(ii)** Nghị định dự kiến ban hành ở thời điểm giữa năm cũng không ảnh hưởng tới việc hạch toán vào cuối năm tài chính.  **(iii)** Nếu quy định chuyển tiếp có thể dẫn đến nhiều việc xử lý theo Nghị định 93 cũ kéo dài, không thể dứt điểm. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(không quy định)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 40. Hiệu lực thi hành**  1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 9 năm 2017. Nội dung giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước có hiệu lực thi hành từ năm 2018.  2. Nghị định này thay thế Nghị định số [57/2012/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-57-2012-nd-cp-che-do-tai-chinh-doi-voi-to-chuc-tin-dung-144156.aspx) ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. |  |  | **Điều 42. Hiệu lực thi hành**  1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng… năm 2024.  2. Nghị định này thay thế Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước. | Trường hợp ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì theo khoản 2 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới được quy định hiệu lực kể từ ngày ký.  Nếu không ban hành theo trình tự thủ tục rút gọn thì Nghị định sẽ có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký. |

| **NGHỊ ĐỊNH 93** | **THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN**  *(không quy định)* | **QUY ĐỊNH TẠI LUẬT**  *(không quy định)* | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  *(Bản ngày …/…/2024)* | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 41. Tổ chức thực hiện**  Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. |  |  | **Điều 43. Tổ chức thực hiện**  Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. | Giữ nguyên như Nghị định 93. |

1. NHNN cũng đã ban hành các quy định riêng về chế độ báo cáo, trong đó có BCTC đối với TCTD tại Thông tư số 35/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Thống đốc NHNN quy định Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2018/TT-NHNN ngày 17/4/2018 của Thống đốc NHNN) và Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 của Thống đốc NHNN ban hành Chế độ BCTC đối với các TCTD (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 của Thống đốc NHNN) [↑](#footnote-ref-1)